

SỐ 119 - NGÀY 12 - 1961

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH Ông K giữa chủ nghĩa
Staline và chủ nghĩa xét lại • NGUYỄN HIỂN LÊ
thành công và thất bại • VŨ THỤY HOÀNG
công cuộc phòng thủ chống hỏa tiễn liên lục địa •
TRẦN HƯƠNG TỬ Nietzsche ông tổ hiện sinh vô
thần • TRẦN THỨC LINH bảo vệ thiếu nhi •
NGUYỄN TẠO LÂM loại tiểu thuyết khoa học dự
tưởng • VÕ QUANG YẾN hành trình của Enos •
ĐOÀN THÊM lá thư cuối năm • PHAN DUY
NHÂN trên vùng cao sáng • ĐOÀN THÊM chung
linh • HOÀI HƯƠNG lẽ sống • MINH ĐỨC
đi la mã • HUY LỰC biên soạn • BÙI GIÁNG
tờ mây • MINH KHIẾT mặc nhận • BÙI GIÁNG
ngộ nhận (dịch Camus) • NGUYỄN NGU Í có
chống không tỉnh trí • TƯỜNG HÙNG —
PHẠM VIỆT TUYẾN — BÙI KHÁNH ĐÀN
trên lời cuộc phỏng vấn văn nghệ củabach
khoa • TÂN FONG HIỆP hội nhà văn việt nam •

nhân dịp



QUI VỊ NÊN DÙNG :

* Rượu mùi

* Rượu

lâu năm
và trắng

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quí vị thường thích luôn
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI :

và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ

. ALCOOL DENATURÉ

. RƯỢU THUỐC "Ich. Tho. Tửu"

. DẤM ĂN HẠO-HẠNG CHẾ BẰNG CAO 6°



BÁCH-KHOA

Số 119 — Ngày 15-12-1961

Trang

HOÀNG-MINH-TUYNH

NGUYỄN HIẾN-LÊ

VŨ-THỤY-HOÀNG

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

TRẦN-THỨC-LINH

NGUYỄN-TẠO-LÂM

VÕ-QUANG-YẾN

ĐOÀN-THÊM

PHAN-DUY-NHÂN

ĐOÀN-THÊM

HOÀI-HƯƠNG

MINH-ĐỨC

HUY-LỰC

BÙI-GIÁNG

MINH-KHIẾT

BÙI-GIÁNG

NGUYỄN-NGUYỄN

TƯỜNG - HÙNG — PHẠM - VIỆT -

TUYÊN — BÙI KHÁNH-ĐÀN

Ông « K » giữa chủ nghĩa Staline và
chủ nghĩa xét lại 3

Thành công và thất bại 9

Công cuộc phòng thủ chống hỏa tiễn
liên lục địa 19

Nietzsche ông lồ của Hiện - sinh
vô thần 25

Bảo vệ thiếu nhi 39

Loại tiên thuyết khoa học dự tưởng . 43

Hành trình của Enos. 51

Lá thư cuối năm 57

Trên vùng cao sáng 63

Chung lịch. 64

Lẽ sống 65

Đi la mã 66

Biển sáng 76

Tờ mây 77

Mặc nhận 78

Ngộ nhận (dịch Le Malentendu của
A. Camus). 80

Cỏ chồng không tỉnh trí. 93

Trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ
của Bách-Khoa 102

SINH - HOẠT

TÂN-FONG-HIỆP

Hội nhà văn Việt Nam.

BÁCH-KHOA

trong những số tới

- | | | |
|------------------|---|---|
| HOÀNG MINH-TUYNH | : | <i>Éc-Linh sau ba năm khủng hoảng.</i> |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | : | <i>Một bi kịch diễn trên ngùn năm nay mà vẫn chưa dứt.</i> |
| BÙU-KẾ | : | <i>Thuận-An thất thủ.</i> |
| T. Đ. G. | : | <i>Giới thiệu nước Hòa-Lan.</i> |
| ĐỖ-HỒNG-VŨ | : | <i>Góp ý về cú pháp.</i> |
| NGUYỄN-VĂN-HẦU | : | <i>Một lãnh tụ trọng yếu trong Phong-trào Đông Du miền Nam : Nguyễn-Thần-Hiến.</i> |
| TRẦN-HƯƠNG-TỬ | : | <i>Husserl ông tổ văn-chương triết-lý hiện tượng-học.</i> |
| HOÀNG-THÁI-LINH | : | <i>Tìm hiểu nghệ thuật kịch của Betorlt Brecht.</i> |
| VÕ-QUANG-YẾN | : | <i>Nobel khoa học 1961.</i> |
| NGUYỄN-ANH-LINH | : | <i>Bước tiến đến nhân-bản vô-thần : Nietzsche, con người sát thần — (Déicide) —</i> |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | : | <i>Nhạc-khí dùng trong lối « ca Huế » và lối « đờn tài tử ».</i> |
| CÔ-LIÊU | : | <i>Những con vật biến tình (truyện dài rút ngắn).</i> |
| VŨ-HẠNH | : | <i>Người thầy thuốc.</i> |
| VÕ-PHIẾN | : | <i>Về đau (truyện dài)</i> |
| NGUYỄN | : | <i>Ngày thứ ba sau lễ Giáng sinh (truyện dịch)</i> |
| ÔNG | : | <i>Tia nắng rớt.</i> |
| YẾN | : | <i>Bướm lạ.</i> |

Một nhân viên thành thạo

Muốn thành thạo, nhân viên phải được trau dồi kiến thức. Vì thế Hãng Dầu Stanvac vẫn thường tổ chức những khóa huấn luyện, những lớp hội thảo ở trong nước và gửi nhân viên đi ngoại quốc tu nghiệp về các ngành chuyên môn.



Bà Lê Thị Tư thư ký của hãng

Một nhiệm vụ hữu ích

Nhờ những cơ hội huấn luyện trên, nhân viên làm việc đặc lực hơn và dần dần được giao phó những trách nhiệm quan trọng hơn. Như thế nhân viên trở thành những công dân hữu ích hơn trong công cuộc mở mang xứ sở.



Bà Tư điều khiển máy I&M Puncher

Một quốc gia phú cường

Một quốc gia có nhiều công dân hữu ích như thế là một quốc gia hùng mạnh, nơi mà tài năng và nhân vị của cá nhân được tôn trọng. Nhân viên Stanvac đang cùng hàng triệu đồng bào trong nước góp phần xây dựng một quốc gia phú cường.



Gia đình bà Tư đầm ấm.

Hãng Dầu Stanvac

Phụng-Sự Nhân-Dân Việt-Nam

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỐT SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc-Gia Việt-Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



BANGKOK & HONGKONG

Đường bay "THÀNH - LONG"

bảng phi cơ phản lực

PROP-JET

VISCOUNT

của VIỆT - NAM HÀNG KHÔNG

- o Nhanh chóng
- o Êm ái
- o Trang trí tối-tôn, đầy đủ tiện-ngi.

Saigon - Bangkok :

Mỗi thứ Ba — 9 giờ 30
và thứ Sáu

Saigon - Hongkong :

Mỗi thứ Năm 8 giờ 30

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HÃNG DU-LỊCH
hay

Air Viet Nam

16, NGUYỄN - HUỆ — SAIGON
TEL. 21.624 - 21.625 - 21.626



BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NONH (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thành-Tôn
Tél. : 22.142

GHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 416-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIÊN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,*



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- ➔ *Pan American Airways*
- ➔ *Cathay Pacific Airways Ltd*
- ➔ *Thai Airways Company*
- ➔ *American Express*
- ➔ *United States Line*

BÚC VẼ LẠ KỲ

Bạn có thể tự hỏi bức vẽ này tượng trưng hình - thức gì? Thưa, không một hình - thức gì cả, mà cũng không phải một bức vẽ đem bán nữa.

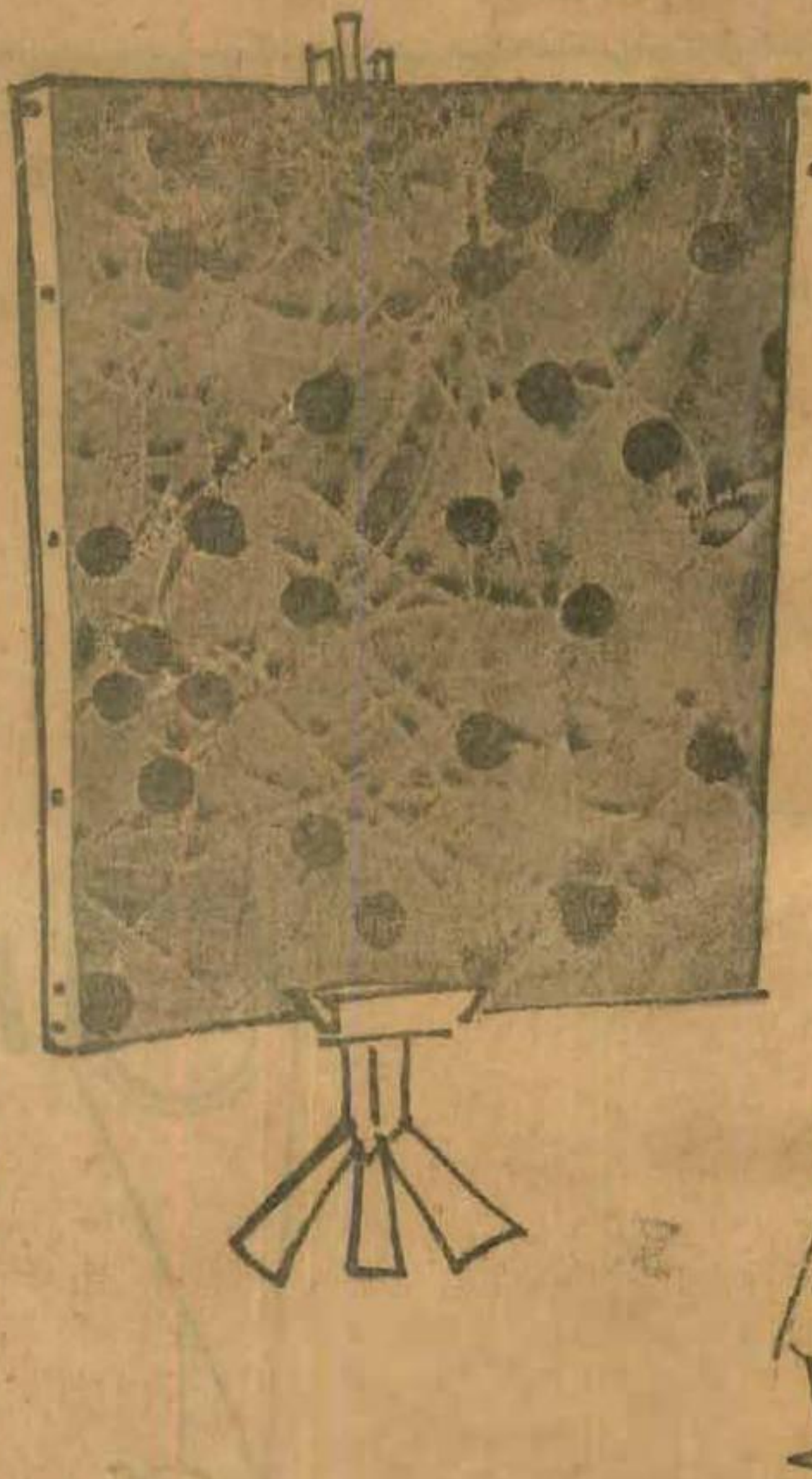
Chúng tôi vẽ nó ra vì nó
tượng trưng một hệ-thống
phân phối toàn quốc (một chấm
đen là một địa-điểm phân phối),
một khía cạnh hoạt - động
« chuyên-môn » của chúng tôi.

Đảm nhiệm việc cung cấp
dầu cho một nước, chúng tôi
tự thấy có trách-nhiệm phải
phục vụ người khách hàng *toàn
nước*. Không phải chỉ những
ngã đi lại đông, những đô
thành, những xa lộ, những nơi
bán được nhiều mới có trạm
xăng. Trái lại, đâu đâu cũng
có, từ những con đường hẻo
lánh, những khu mới khai-
khẩn cho đến cả những nơi
tiêu thụ tối-thiểu (trường-hợp
cả một làng chỉ dùng vài thùng
dầu để chạy chiếc xe buýt trong một năm).

Trên toàn cõi Việt-Nam, công việc khai-khẩn đất-đai để trồng trọt cây cà thêm, mang lại thêm hoa-lợi, một mức sản xuất cao hơn, đi tới một nền kinh-tế mở mang hơn, luôn luôn tiếp-tục. Ở những nơi này người ta cần có dầu để đốt đèn, có xăng chuyên chở dụng-cụ, có gas-oil cho máy cà làm việc... và được cung cấp đều-đều đầy-đủ nhiên-liệu, là đi được nửa đường tới sự thành-công rồi. Về phần chúng tôi, chúng tôi có thể góp sức vào những công cuộc hữu-ích này bằng cách tỏ thêm những chăm-đến trên bức vẽ này.



**SHELL ĐẶT QUYỀN-LỢI NGƯỜI
TIÊU THỤ LÊN TRÊN HẾT**



ÔNG «K» GIỮA CHỦ NGHĨA STALINE VÀ CHỦ NGHĨA XÉT LẠI *Hoàng-Minh-Tuynh*

HỘI đầu trung tuần tháng 11 vừa qua, Enver Hodja, lãnh tụ đảng Cộng-Sản Albanie, đọc một bản cáo trạng chống ông Khrouchtchev. Bản cáo trạng có thể thu tóm lại bằng một câu : chủ tịch Hội đồng Xô-viết chính là một kẻ theo « chủ nghĩa xét lại », giống hệt Tito. Lời tố cáo của ông E. Hodja không phải hoàn toàn vô căn cứ. Trên hai điểm chính yếu, ông « K » quả đã « xét lại » chủ nghĩa thần thánh Mác-Lê một cách rõ rệt :

1 — Khi tới thủ đô Belgrade năm 1955, ông đã chấp nhận cho mỗi nước được theo đường lối riêng của họ để tiến tới « xã hội chủ nghĩa ». Kết quả là chỉ nội năm sau, xảy ra hai cuộc chính biến liên tiếp tại Ba-Lan Hung-ga-ri như mọi người đều biết.

2 — Ông đã xác nhận rằng cuộc « đấu tranh chung kết » võ trang giữa Cộng-Sản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa không phải là không thể tránh được.

Lời xác nhận trên đây của ông « K » ảnh hưởng không ít đến thái độ của ông đối với Tây-Minh trong các vụ tranh chấp tại Đài-Loan hay Bá-Linh, khiến đã gây ra cuộc cãi lộn với Bắc-Kinh, cuộc cãi lộn ngày càng có khuynh hướng trở nên kịch liệt. Tuy nhiên người ta thừa biết ở vào hoàn cảnh hiện nay, nghĩa là ở vào hoàn cảnh người Mỹ có võ khí nhiệt - hạch - tâm, thì dù ông Molotov, ông Mao hay ông Hodja có đứng ra nắm quyền quyết định chẳng nữa, chưa chắc ông nào đã có thể làm hơn được ông Khrouchtchev

mà không đem lại nhiều hiểm nguy cho phe cộng-sản. — Song để đá kích một địch thủ người ta đang ganh ghét vì quyền hành, còn có lý lẽ nào mấu nhiệm bằng lý lẽ đồ cho địch thủ là kẻ hèn nhát, cam tâm đầu hàng bọn «đề quốc chủ nghĩa»? Không phải chỉ những nhà quan sát tư sản mới có cảm giác ông «K» sở dĩ lớn tiếng thoá mạ Tây-Minh là có ý muốn biện minh cho thái độ của ông và việc cho nổ trái bom 50 mégatonnes có thể cũng là một phương pháp ông «K» dùng để tỏ cho những kẻ nghi ngờ ông biết ông không phải là hạng người khiếp nhược.

Bây giờ chúng ta thử tự hỏi liệu ở hậu bán thế kỷ hai mươi này, một người nắm chánh quyền tại một trong những quốc gia lớn mạnh nhất hoàn cầu, có thể nhắm mắt áp dụng chính sách của một Lénine, từng tuyên bố năm 1917, những lời đại khái như: «Đây là một chân lý tuyệt đối, nếu cách mạng không bùng nổ tại nước Đức thì chắc chắn chúng ta sẽ bị tiêu diệt» không? Có thể nói: kẻ theo « chủ nghĩa xét lại » trước nhất, chính là Lénine, khi ông ta đẩy Tchitcherine, cánh tay mặt của Trosky, qua Rapallo, nước Ý. Và sau đó là Staline. Ông này còn đi xa hơn nữa. Chính Staline là một trong những người đã đề ra thuyết sống chung và đã ra lệnh cho Litvinov đề nghị giải giới toàn diện hồi năm 1932, mặc dù Lénine đã viết năm 1916 rằng: «đời giải giới tức là cự tuyệt quan điểm của giai cấp đấu tranh».

Từ khước chủ nghĩa xét lại là chối bỏ sự hiển nhiên của tiến hóa và rơi vào tội khác mà tôn giáo Cộng-Sản gọi là « chủ nghĩa giáo điều ». Một tôn giáo muốn tồn tại, bao giờ cũng phải trình bày tín điều cho thích nghi với thời-đại và dựa vào thực tại của cuộc sống. Vấn đề lớn lao hơn hết đối với các tôn giáo là vấn đề xác nhận quyền uy qui định tính chất chính thống cho các tín điều. Như trong Công giáo, qua bao thế kỷ, cho tới năm 1870, là năm tuyên cáo sự không thể sai lầm của Giáo hoàng, vai trò xác nhận tính chất chính thống cho các tín điều Công giáo là vai trò của các công đồng. Đối với Cộng-Sản, từ ngày thành lập cho tới những năm 30, là năm tuyên cáo sự không thể sai lầm của Staline, vai trò xác nhận tính chất chính thống cho các tín điều Cộng-Sản là vai trò của các hội nghị Cộng-Sản quốc-gia và quốc-tế.

Staline thay thế cái chế độ tương đối dân chủ ấy bằng chế độ độc-tài. Nhưng ông đã phải tốn rất nhiều công thanh trừng các phần tử phản động trong phong trào Cộng - Sản khắp hoàn - cầu, ông mới thành lập nổi quyền uy của ông và bắt được hết mọi đảng bộ phải tuân phục. Mặc dù gớm ghét chủ nghĩa Staline, ông Khouchtchev buộc lòng phải rập theo đường lối của Staline. Để đạt tới mục đích đó, ông Kchouchchev đã dùng những phương tiện ít đồ máu hơn, nhưng cũng là những phương tiện tương đồng với phương

tiện của Staline. Trong các nước dân chủ nhân dân, công việc của ông « K » gặp nhiều khó khăn hơn. Chỉ một chút xiu nữa, các cuộc nổi dậy tại Ba-lan và Hung-ga-ri đã đưa chề độ của ông tới đáy vực thẳm. Nếu không có sự hiện diện của quân đội Xô-viết, nộ khí của hai dân tộc trên hẳn thừa sức quét sạch chế độ tàn bạo do quân đội xâm lăng đem vào xứ sở họ. Tuy nhiên, từ sau đó, ông « K » đã làm chủ lại được tình thế. Đại-hội Cộng-sản thứ XXII minh chứng điều đó hết sức rõ rệt : chúng ta thấy các nhà lãnh tụ các nước « vệ tinh » Âu châu, trừ Albanie, đều phải lần lượt bước lên diễn đàn của Đại-hội để tuyên thệ trung thành với Đảng Cộng sản Liên-Xô và tỏ cáo Staline, theo lệnh của ông Khrouchtchev.

Một ngón tay

hay cả hai bàn tay ?

Nhưng tại Albanie, không có quân đội Xô-viết. Tại Albanie, theo người Ba-lan nói, chỉ có một căn cứ tiềm thủy đình, mà căn cứ này đã bị quân đội của ông Enver Hodja chiếm giữ mất rồi. Tại Albanie, có một chính phủ đang bị dân chúng phỉ nhổ, luôn luôn bị áp lực của một nước láng giềng lớn mạnh là Nam tư hăm dọa, và sở dĩ tồn tại được là nhờ ở những thủ đoạn khủng bố bạo tàn. Chính phủ này hiện nay không dám thừa nhận chủ nghĩa xét lại, cũng không dám ngừng việc coi Tito là một ông « ba

bị chín quai, mười hai con mắt », vì làm vậy tức là ông « Staline » của Tirana tự lên án mình và tự đi vào chỗ chết vậy. Ông « Staline » của Tirana không dại gì đi vào con đường này và ông thấy nước cờ đứng xa để tỏ vẻ khinh miệt Khrouchtchev có lợi cho ông hơn. Ông Hodja tính rằng : ông « K » hẳn phải nhớ lại lời chính ông ta đã tuyên bố về Staline trong một phúc trình mật đọc tại Đại Hội thứ XX trước : « Staline bảo có thể lật đổ Tito bằng một ngón tay, nhưng ông đã dùng cả hai bàn tay, cho nên ông thất bại ».

Song tới lượt ông, ông Khrouchtchev cũng dùng cả hai bàn tay. Ông ra lệnh cắt ngang cuộc tiếp tế cho Albanie và tìm thể lật đổ chính phủ Hodja bằng cách gây rối loạn ngay trong nội bộ nước này. Có điều không may là Hodja đã mau tay nắm giữ được guồng máy của đảng và đem họ hàng bà con vào giữ các điểm xung yếu trước, và cả Trung-quốc, mặc dù bụng đói mà cũng cố bóp bụng tìm thể cứu Albanie bằng cách mua thực phẩm của Montréal hoặc của Ba-Lê để cung cấp cho một dân số ít ỏi mà không đòi hỏi nhiều.

Về phương diện địa lý, cảm tình của Trung-quốc đối với Albanie có điều khiến ta ngạc nhiên, nhưng về phương diện chính trị, cảm tình này có chỗ thuận lý và cũng dễ hiểu. Đảng Cộng-Sản Trung-quốc trước đây bắt rễ được tại Trung-Hoa là hoàn toàn nhờ sức chiến đấu của

ĐẠI - HỘI CỘNG - SẢN THỨ XXII CÓ GÌ LẠ ?

người Trung-Hoa, mặc dù trước sau Staline vẫn lo ngại đảng ấy rồi sau này sẽ là chỗ phát sinh ra nhiều khuynh hướng tự lập có hại cho quyền uy tuyệt đối của « phe xã hội chủ nghĩa ». Trung-quốc, vì nghèo khổ, vì chậm tiến, bị người ta gạt ra ngoài thế giới văn minh, và phải tự túc trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn, chẳng khác gì hoàn cảnh của nước Albanie hiện giờ. Khrouchtchev không hề bỏ lỡ cơ hội để Trung-quốc luôn luôn có cảm giác lệ thuộc vào Liên-Xô : Liên-Xô hoàn toàn đặt các cuộc mậu dịch với Trung-quốc trên cơ sở thương mại, không bao giờ chịu giao vũ khí nguyên tử cho Trung-quốc và hằng phản đối — hay chậm dứt hẳn — các mưu toan chiếm cứ Kim-môn và Mã-tổ của Trung-quốc nữa. Mao, nhân vật kỳ cựu trong Cộng-Sản quốc tế, vẫn thường được các thi sĩ chính thức Trung-Hoa ca tụng và suy tôn là Thái Dương, là Hi-mã lập-sơn, tất nhiên không thể nào chịu đựng lâu được cái ánh dân què quèn, với vẻ mặt « tiểu nhân đặc chí » nọ là Khrouchtchev. Mao nghi ngờ « K » đã âm mưu hòa hoãn với Mỹ-quốc ; Mao khôngkhứng ngồi nhìn « K » thao túng quốc-tế Cộng-Sản, phá hoại tham vọng của Trung-Hoa, từ khước viện trợ Trung - Hoa mà đi viện trợ các nước trung lập để củng cố cơ cấu cho bọn tư sản quốc-gia của các nước này.

Tuy nhiên, từ trước đến nay, Mao vẫn không dám đá kích thẳng

mặt Khrouchtchev. Trái lại, Chu-Ân-Lai còn nhẹ nhàng tìm cách thể bảo toàn mỗi đồng tâm nhất trí trong phong trào Cộng-Sản và chỉ trách ông « K » đã hờ hênh vạch cho người ngoài nom thấy mỗi bất hòa của phe xã hội chủ nghĩa hồi Đại-Hội năm ngoái giữa « 81 » đảng, mỗi bất hòa mà ông cho là có thể thu xếp ôn hòa trong nhà với nhau.

Tuy nhiên, ông không bỏ lỡ dịp nào để bày tỏ cảm tình của ông với đảng Cộng-Sản Albanie và vị lãnh tụ Enver Hodja, con người « không thể chê trách vào đâu được ». Một vài đảng Cộng-Sản, ở Á Châu, như Miên-Điện, Mã-Lai, Thái-Lan, chủ tâm giữ thái độ im lặng trước những tố cáo « tội ác tại Albanie » của Liên-Xô, khiến cho người ta ngờ rằng họ đã theo đường lối của Trung-Hoa Cộng-Sản.

Cho tới Đại-Hội Cộng-Sản thứ XXII, ông Khrouchtchev đã ghi được nhiều thắng điểm. Và phần nhiều các nhà quan-sát quốc-tế đều cho rằng Trung-Quốc, vì bị quân-bách về mặt kinh tế, đã thực tế phải rút trở về vị trí cũ. Những biến cố xảy ra trong mấy ngày gần đây chứng minh sự thật không phải như vậy. Ông « K », khi bắt thẩn đã kích người Albanie, hẳn đã muốn nhân cơ hội đó đưa ra một cuộc trưng cầu với dụng tâm bắt buộc các tay lãnh đạo Cộng Sản trong hoàn-cấu phải biểu quyết ủng hộ mình, đồng thời ép

người Trung-Hoa, vì đang gặp bước túng quẫn, rồi cuộc phải đấu hàng mình mà không dám đặt điều kiện. Nhưng lần này chưa có gì chứng tỏ dự tính của ông sẽ xảy ra đúng như ông mong đợi.

Ông « K » sẽ phải
lựa chọn dứt khoát

Thực ra, ông « K » hiện đang đứng ở trong một chiều thế khiến ông không còn thể sử dụng một chính sách « thức thời vụ » mà đường neo quanh co khúc khuỷu đã gây ra nhiều hoang mang trong các giới Cộng-Sản hoàn cầu. Ông không còn thể lùi trước sự lựa chọn ông đã cố sức tránh từ bấy lâu nay. Hoặc ông sẽ phải thay thế chủ nghĩa Staline ông đã lên án, bằng một chủ nghĩa Staline mới, dùng sự khủng bố mà giải trừ các phần tử đối lập và kêu gọi cho tình trạng căng thẳng quốc tế trở nên trầm trọng kịch liệt hơn hầu gây ra trong nội bộ khối Nga-Hoa một « phản ứng tự tồn », khiến người Trung-Hoa phải thôi việc đá kích và cò kết với mình để đối phó trước hiểm họa chung.

Hoặc ông sẽ phải đi tới cùng đường của chủ nghĩa xét lại, hay nói cách khác, ông sẽ phải thay thế chế độ độc tài thư lại bằng chế độ dân chủ nghiệp đoàn, ông sẽ phải nhượng bộ đám nông dân Nga để

đem lại phần vinh cho nước Nga, ông sẽ phải nhận quyền tự quyết cho cả những dân thiểu-số ở ngay trong lãnh thổ Liên-bang Xô-Việt và không còn thể lấy sự lệ thuộc vào một « phe » làm tiêu chuẩn mà qui định sự tận trung hay bất trung đối với chủ nghĩa cộng-sản.

Phương thức thứ nhất hẳn là phương thức thích hợp hơn với tính tình, với quan niệm của con người đã từng là đồ đệ của ông Chúa Đồ Staline. Nhưng phương thức thứ hai chắc ngày kia sẽ phải thắng thế, vì nó là phương thế duy nhất, thích hợp với bản chất của sự vật, với nguyện vọng sâu xa của các người Cộng-sản trong thế giới hiện nay. Nếu ông Khrouchtchev biết khôn ngoan nắm lấy cơ hội mà xung phong đưa nó ra thi hành trước, thì chắc chắn ông sẽ được mọi người cộng-sản hoan-hô và nếu có còn lại một số rất ít những kẻ đá kích thì những kẻ này chỉ là những phần tử thuộc phe bảo thủ không đáng cho ông phải quan tâm, e ngại. Nếu không, người ta có quyền ngờ rằng phần mộ của ông sau này sẽ có cơ bị người ta xâm phạm như phần mộ của Staline — đó là chúng ta giả thiết như sau này ông sẽ có thể nhắm mắt, yên giấc ngàn thu ở trên một chiếc giường...

HOÀNG-MINH-TUYNH

(Theo tài liệu của nhật báo Le Monde)

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

Nguyễn-Hiến-Li

THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

SỰ lựa nghề là một trong những việc quan trọng vào bậc nhất trong đời ta, cho nên nếu đã lỡ lựa lầm thì can đảm và cương quyết thay nghề đi, miễn là trước khi quyết định phải điều tra, suy nghĩ cho thực kỹ, đừng có nay nghề này, mai nghề khác mà rồi chẳng tới đâu cả : « đã mà lặn hoai thì rêu nào mà bám vào nó được » ?.

Nghề thì rất nhiều, nhưng có thể phân làm hai hạng lớn : làm công (công chức hay tư chức) và làm nghề tự-do.

Nghề Công chức là một nghề cao quý phục vụ nhân dân, tổ quốc một cách đặc lực : một công chức cao cấp có thể tiết kiệm hoặc làm lợi cho quốc gia hàng triệu bạc một năm có thể làm vẻ vang cho đồng bào. Nghề đó lại yên ổn, vững-vàng, tuổi già được bảo đảm ; ở một nước như nước mình, nó còn tương đối nhàn-nhã, lương hậu và được trọng vọng. Nhưng tôi vẫn thích một nghề tự-do.

Tôi đã làm công-chức trên mười năm lại làm hai nghề tự-do trên mười năm nữa, nên có đủ kinh nghiệm để so-sánh. Trừ những nhân viên cao-cấp (vào hàng Giám-đốc trở lên) có tài năng mới dám lãnh trách-nhiệm, thì thổ sản kiến còn thì đại đa số công-chức dễ biến thành một người máy — tôi nói *dễ biến thành một người máy* chứ không nói là một người máy.

Trước hết, ở nước nào cũng vậy chứ không riêng ở nước mình, công sở bao giờ cũng bị thủ tục chi phối rất nặng ; thủ tục phòng này, sở này liên đới với thủ tục phòng khác, sở khác, chẳng chịt với nhau ; cho nên mười lần có sáng kiến muốn sửa đổi một tình trạng thì chín lần phải bỏ tay.

Lại thêm tâm lý đa số công chức là muốn được yên thân, nếu cải thiện công việc mà thành thì công quy cả vào người trên, không thành thì lỗi quy cả về mình ;

THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

việc sở chạy hay không thì hai ba năm cũng lên lương, mà mỗi lần lên chẳng được bao, không bằng thêm một đứa con ; vì vậy chẳng ai muốn bày việc ra làm gì cả.

Huống hồ thời nào cũng có thể có những cách mơ ám để thắng chức công hiệu hơn sự ngay thẳng và tận tâm. Cái tệ đó cũng làm nhụt tinh thần của công-chức.

Rút cục người công chức không khác gì một bánh xe nhỏ trong một cái máy vĩ đại, lăn lăn mãi nghị lực, gần như mất cả cá tính nữa, thành một kẻ vô danh trong cái đám người mệnh mông mà người Pháp gọi là « ronds de cuir ». Tất nhiên tôi chỉ xét phần đông, chứ trong sở nào cũng có được một vài người lỗi-lạc sáng-suốt, can đảm lãnh trách nhiệm, hy sinh cho quốc gia mà không vì lợi.

*
* *

Làm nghề tự do cực khổ hơn nhiều, bấp bênh hơn nhiều nhưng cũng thú hơn nhiều.

Nói là tự do chứ sự thực người ta còn bị bó buộc hơn một công chức nữa. Một công-chức có thể tan giờ là về, công việc để hôm sau làm tiếp, đau yếu thì được nghỉ, công việc giao cho người khác làm thay ; làm nghề tự-do thì không được vậy : đã đến giờ đóng cửa tiệm mà có khách hàng thì vẫn phải tiếp ; sổ sách làm không xong thì phải thức khuya hay dậy sớm ; hề đau yếu mà còn tỉnh táo thì còn phải suy-tính, cất đặt công việc. Chỉ được một điều là tự mình bó buộc mình chứ không bị một chỉ thị nào chi phối cả.

Làm việc thì một gấp ba bốn một công chức, mà lợi tức có khi không bõ với công lao, có lúc lại lỗ cả công lẫn của nữa.

Nhưng cũng có khi lợi rất nhiều ; và cái thú nhất là được lãnh hết trách nhiệm về mình, tha hồ có sáng kiến, được trông thấy kết quả của công việc mình làm, thấy rằng mình hoàn toàn tạo tương lai cho mình, hoàn toàn làm chủ mình, bao nhiêu khả năng của mình đều có thể phát triển đến cực độ.

Vì những lý do đó, tôi nghĩ rằng không có gì luyện chí khí, tư cách, trí não của ta bằng làm một nghề tự-do ; và nếu bạn thấy chán công việc sở của bạn thì đừng do dự gì hết, bỏ quách nó đi.

Nhiều người ngại ngùng, không biết rằng rồi cái vú của « bà mẹ chính phủ », rồi thì tương lai sẽ bấp bênh ra sao, rồi sẽ phải vất vả ra sao, không chừng ăn bữa sáng mà phải lo bữa tối đấy. Nhưng tôi tin rằng một thanh niên khoẻ mạnh, có chí, có một sức học phổ thông, có một nghề trong tay, thì không khi nào chết đói và hết thấy chúng ta sớm muộn gì cũng được hưởng cái mà ta đáng được hưởng và chỉ được hưởng cái mà ta đáng được hưởng thôi. Có thể rằng bạn sẽ long đong trong mười năm như Somerset Maugham, có hồi phải chịu đói chịu rét nhưng cứ bền chí thế nào bạn cũng sẽ thành công, và sự thành công đó sẽ dư để đền bù những năm vất vả.

Chắc một số người sẽ buộc tội tôi là tuyên truyền cho công chức bỏ sở ra ngoài sinh nhai. Cũng may là lịch-sử nhân loại chưa hề ghi một cuộc « đảo sở » đại qui mô nào của công chức ; một người

ra thì cả chục, cả trăm người khác chục sẵn để nhào vô, cho nên công sở chỉ luôn luôn đặc nghẹt chứ không bao giờ vắng người, và lời buộc tội tôi sẽ không đứng vững. Tôi chỉ theo gương cựu Tổng-Thống Mỹ Eisenhower khuyên thanh niên đừng an phận, mà chịu mạo hiểm, làm những việc kinh doanh có lợi cho sự rèn luyện khả năng cùng nhân cách của họ, như vậy mới có lợi nhiều cho quốc-gia.

Trong cuốn *The power of positive living*, ông Douglas Lurton kể chuyện rằng năm 1949, tạp-chí *Fortune* làm một cuộc điều tra và thấy rằng 98 phần 100 sinh-viên ở Mỹ ngại mạo hiểm, chỉ mong có một việc làm yên thân.

Những thanh niên đó mà đa số đã bận quân phục, (1) đã can-đảm chống với xe tăng đại bác mà tuyên bố rằng họ chỉ ghét mỗi một điều, nhất định không chịu một điều là mạo hiểm. Chỉ có 2% là muốn ra kinh doanh lấy, còn 98% kia chỉ cầu được làm trong một sở, một hàng lớn nào đó rồi về già có chút tiền dư thừa, nghĩa là chỉ cầu được « yên ổn trước hết ».

Trước tình trạng bi - đát đó, Eisenhower lo ngại cho tiền đồ nước Mỹ và tuyên bố trước sinh viên Đại-học-đường Columbia :

« Trong cái thời mà biết bao người nói đến sự yên ổn này, yên ổn trong mọi việc, miễn sao cho khỏi bị lạnh, bị mưa,

hoặc bị đói khát, tôi phải bảo cho các bạn biết rằng nếu muốn thực hiện một hoài bão gì mà đòi được hoàn-toàn yên ổn tức là các bạn đã lầm đường rồi đây. Tôi hoàn-toàn chắc-chắn rằng loài người không còn tiếp-tục tồn-tại được nếu đã có được sự hoàn-toàn yên-ổn. Đời sống chỉ đáng sống khi nào nó cần sự chiến đấu cho những mục đích cao cả, và trong sự chiến đấu không khi nào có sự yên ổn hoàn-toàn ».

Tóm lại ông khuyên sinh viên phải bỏ cái lý tưởng làm công chức ba cọc ba đồng, về già có lương hưu trí di, để mạo hiểm kinh doanh, có chịu đối chịu rét trong ít năm rồi tư cách, tài năng mới tăng tiến.

*
* *

Nhưng nếu vì một lý do cao cả nào đó bạn vẫn thích cái đời công-chức yên ổn thì tôi rất tôn trọng ý kiến của bạn. Bạn cứ làm một công chức cần mẫn, lương thiện. Tôi chỉ xin nhắc bạn điều này : dù làm công chức hay một nghề tự do, thì cũng phải làm cho đắc lực.

Từ đầu thế kỷ, một phần vì sự tranh đấu để sinh tồn mỗi ngày một gay go, một phần vì khoa tâm lý thực hành đã tiến được những bước vững vàng, nên loại sách dạy cách tu luyện để thành công ở Âu Mỹ xuất bản rất nhiều. Mỗi tác-giả do kinh nghiệm của bản thân nhấn mạnh vào đức này hay đức khác. Chẳng hạn Dale Carnegie, một nhà kinh doanh có tài diễn thuyết, nhấn vào đức đặc nhân tâm và tài thuyết phục quần chúng, tức tài ăn nói. Arnold Bennett, một tiểu-thuyết

(1) Hồi đó thế chiến mới chấm dứt được bốn năm, nhiều Thanh-niên mãn quân-dịch vô các trường Đại học tiếp tục học, mặc dầu đã có gia đình.

THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

gia kiêm triết gia, chú trọng đến sự tự học. Gordon Byron khuyên nên tự tin; Frank Bettger khuyên có nhiệt-huyết. Vô số tác giả khác chỉ cho ta những cách luyện đức tự chủ, đức kiên nhẫn, tài chỉ huy, luyện ký tính, sự tập - trung tư tưởng sự tập trung hoạt động vào một mục đích... Tất cả những tác giả đó đều có lý vì sự thành công đòi hỏi nhiều tài đức. Tất nhiên không ai có đủ các tài đức tới mức kể sơ ở trên; nhưng ít nhất cũng phải có vài ba chỗ hơn người, rồi biết những sở đoản của mình để bồi bổ bằng cách tu luyện hoặc tìm những người cộng sự có những đức mà mình thiếu, thì mới có thể thành công lớn được. Vậy bạn nên tìm đọc những sách đó, trong mười cuốn thế nào cũng gặp được một cuốn đúng với trường hợp của mình, nhấn mạnh vào những tài đức mà bạn thiếu.

Ở đây tôi không làm cái công việc vô ý-thức là tập hợp lại những lời khuyên của các tác giả đó, chỉ xin đem ít kinh nghiệm bản thân để giúp bạn có một thái độ đàng hoàng khi bắt tay vào việc.

Một văn sĩ Pháp mà tôi quên mất tên nói rằng chỉ có mỗi một cái nghề ti-tiền là cái nghề mà người ta làm với mục đích duy nhất là để kiếm tiền. Lời đó thật chí lý. Nghề nào cũng có thể là cao cả được nếu ta yêu mến nó, tìm cách cải thiện nó để phụng sự người khác và đồng thời luyện những khả năng của ta. Và nghề nào dù bản chất cao cả tới mấy mà ta miễn cưỡng làm chỉ để kiếm tiền thì cũng thành một người ti-tiền vì nó làm cho ta hóa ra ti-tiền.

Tất nhiên ai cũng phải lo kiếm tiền để nuôi thân và nuôi gia đình. Trước khi

làm một việc gì bạn có quyền và có bốn phận đòi hỏi một số lương xứng đáng, hoặc tính phông xem cái số lợi, có bỏ công không; nhưng một khi đã làm thì phải yêu công việc, tìm cách cải thiện nó để nó có ích thêm cho người khác. Đáng ghét là những kẻ so-đo: « Người ta trả mình có bấy nhiêu, thì mình làm như vậy là vừa rồi; gắng sức nữa chỉ là thiệt » hoặc: « Mỗi ngày mình có bốn phận làm tám giờ, thì hết tám giờ là hết bốn phận; việc gấp ư, cần làm thêm giờ ư? thì trả thêm đi ». Những kẻ đó không khi nào khá được vì họ không biết hy sinh: họ sẽ khổ sở vì họ không biết yêu công việc, cho nó là một món nợ phải trả, trả ít chừng nào hay chừng đó.

Trước thế chiến vừa rồi, trong lúc kinh tế còn khủng khoảng một thanh niên đã học năm thứ nhì ban Cao-đẳng tiểu học lại xin tôi một chân lao công xách máy để đi đo đường. Thời đó, có sức học đó có thể làm thư ký lương gấp ba lương lao công được. Tôi thấy em đó có chí, cho vô làm; em ấy chịu cực khổ như những lao công khác, nên tôi đem lòng mến, chỉ nghề cho và ba tháng sau giới thiệu em vô làm thư ký trong sở của tôi.

Mới đây một thanh niên khác đang học ban Tú tài xin việc tôi. Thực ra tôi không có việc gì để giao cả, nhưng thương tình, nhờ em sửa ấn đảo giúp tôi để đợi có cơ hội sẽ giới thiệu với một nhà in; tiền thù lao không phải là thấp, nhưng em cho rằng công việc đó không xứng với sự học của mình, làm một cách miễn cưỡng; một tháng sau tôi phải cho em nghỉ việc.

Chúng ta phải tập cái đức : *biết làm không công*. Jack London, Somerset Maugham đều đã chịu làm không công : họ tập viết văn, trong mười năm bán tác phẩm không được, tiền nhuận bút không đủ để ăn sáng. Frank Woolworth một nhà tỉ phú ở Mỹ hồi trẻ cũng đã chịu làm không công trong ba tháng cho một tiệm bán đồ trang sức, rồi cả một năm sau, làm chập vạt suốt ngày mà kiếm chỉ được khoảng hai đồng rưỡi một ngày, cũng gần như không công nữa. Nhưng chính những năm làm không công đó lại là những năm có lợi nhất cho họ vì nó cho họ nhiều kinh nghiệm nhất để sau này thành công. Trồng xoài phải sáu bảy năm mới có trái, trồng chuối cũng phải một năm mới có trái. Những kẻ không chịu làm không công thì rất khó mà được hưởng sự thành công.

Một thanh niên khá thông minh, đậu tú tài vào hạng bình thứ, muốn xin du học ngoại quốc, lại hỏi tôi nên lựa trường nào. Tôi đưa cho em cuốn *Carrières pour les jeunes gens* (loại Guides Nérét của nhà Lamarre-Paris) để em lựa. Hôm sau em đem lại trả tôi, bảo đã lựa một trường kỹ-sư ở Nantes. Tôi hỏi tại sao. Em ấy đáp là vì trường đó, có bằng tú tài toán hạng bình thứ thì được vô khối phải thi. Tôi khuyên em lựa một trường khác cũng dạy nghề đó, nhưng cao hơn ; vì *nên tìm cái khó chứ đừng tìm cái dễ* ; rồi đưa em đọc bài *Jamais il n'a cherché la facilité* của Virginia Gordon trong tạp-chí *Sélection du Reader's Digest* số Aoút 1956. Bài kể chuyện một em nhỏ sáu tuổi bị chứng tê liệt mà đòi đi học như những trẻ khác, phải bò từ cửa lớp tới bàn học, mà rón tập đọc tập viết, làm cho từ cô

giáo đến bạn bè phải thán phục, sau lên tới trung học, theo kịp các bạn chứ không kém ai.

William James, nhà tâm lý trứ danh ở Mỹ bảo chúng ta có rất nhiều khả năng mà chính ta không ngờ ; phần đông chỉ dùng tới khoảng một phần mười khả năng của mình thôi. Lựa một công việc khó, tự đặt mình vào những hoàn cảnh khó khăn tức là tự cho mình cơ hội để tận dụng khả năng của mình.

Sở dĩ tôi không ưa nghề công chức một phần cũng vì cái nghề đó dễ-dàng, ít bắt ta phải gắng sức. Suốt năm, suốt đời làm hoài một công việc nào đó, đúng với những thủ tục nào đó, riết rồi người ta không cần phải suy nghĩ nữa. Nếu phải làm công chức bạn nên xin với cấp trên giao cho bạn những việc mỗi ngày một khó hơn, không được thì nên từ-chức.

Nhưng ngay trong những nghề tự-do, người ta cũng dễ mắc cái thói ưa dễ : hễ đã thành công trong một việc nào rồi thì tiếp tục hoài công việc đó, không chịu tìm một việc khác, một lối khác. Như vậy thì làm sao mà tiến được ?



Bạn có thể ăn rồi ngủ, dạo phố, kiếm bạn tán gẫu suốt tháng ; và không có gì đáng trách cả vì có khi bạn cần nghỉ ngơi lâu, hoặc nếu chưa kiếm được việc gì nên làm thì bạn có quyền không làm ; nhưng một khi đã làm thì phải làm cho đến nơi đến chốn. Nhà tôi có đặt hai vò nước thấp để cho các em nhỏ với tôi và cũng để mùa nắng, nước yếu không lên cao được thì hứng ở những vò đó : Cứ thỉnh

THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

thoảng tôi phải đi kiểm soát xem những vôi đó khóa có kỹ không, và nhiều khi tôi phải khóa lại. Không phải chỉ có em nhỏ là lơ đãng, ngay những người ba bốn chục tuổi mà khóa vôi nước cũng không kỹ. Họ ngoi đi đầu đây, vạy vài vòng rồi bỏ đi, không cần biết nước còn dỉ ra hay không. Thật lạ-lùng. Tôi không hiểu tại bản tính của họ hay tại họ thiếu sự dậy dỗ.

Thời này thật đó là tật chung của đa số công-nhân. Khó kiếm được một người thợ sửa một vôi nước một ống máng một lân mà xong, chỉ được ít hôm lại phải gọi sửa lại. Cạo tường để quét vôi thì mười người có tới chín người phải có chủ đứng coi ở bên. Tôi còn nghe nói trong một cuộc khánh thành, một quan khách thấy một dây cây mới trồng liền lác thừ một cây thì nhổ tuột lên một cách rất dễ dàng : cây chỉ có gốc mà không có rễ. Hình như giới trí-thức cũng vậy. Ai nấy làm cho qua loa, xong chuyện, có khi làm nửa chừng rồi bỏ, không theo dõi cho tới cùng. Gửi đơn xin việc ư ? Đơn bỏ vào thùng thư rồi là xong, không cần biết nó có tới nơi hay không, kết quả ra sao. Đợi lâu quá, không thấy gì lúc đó mới đi hỏi thì thư đã lạc đâu mất rồi. Tài liệu dùng xong, nhét bầy vào chỗ nào đó, không cần trả về chỗ cũ. Người ta quen ăn xối ở thì, được ngày nào hay ngày đó, không tính chuyện lâu dài. Có phải tại cái không khí thời loạn từ sau thế chiến, cái thời mà tương lai không có gì bảo đảm, làm cho người ta có tinh thần đó không ?

Nhưng cũng có một số rất ít người cần thận quá hóa ra tỉ mỉ, tốn công vô

ích. Họ nắn nót từng nét để « vẽ » tên một cuốn sổ kế toán hay thông tư ; đo một cái nhà để họa bản đồ mà họ đếm cả từng li ; giữ sổ chi tiêu thì họ ghi và cộng cả từng các ; mở một gói đồ, họ bỏ ra năm mười phút để gỡ từng mối dây chứ không chịu dùng dao để cắt. . . Thái quá cũng như bất cập đều là không nên. Ta phải biết tùy từng công việc mà làm-kỹ-lượng tới một mức nào cho không hỏng việc mà cũng đừng tốn thì giờ vô ích. Nếu là một công trình nghệ thuật thì càng kỹ càng quý, nếu là một công việc thường, có tính cách tạm thời hay phòng chừng thì kỹ quá chỉ là uổng công.

Hiểu được mục đích ra sao rồi tính trước cách làm cho đỡ phí sức, phí công, như vậy mới là biết làm việc một cách đắc-lực.

*
● *

Tôi không hiểu tại sao trong sổ mấy trăm bài tập đọc ở ban tiểu học tôi chỉ còn nhớ được năm sáu bài mà nhớ kỹ, mặc dầu đã cách bốn chục năm.

Một trong những bài đó khuyên chúng tôi đừng để lại ngày mai việc gì có thể làm được ngày hôm nay. Tác giả kể chuyện một người nhà quê đi thăm vườn cam thấy nhiều gốc có sâu, không bắt sâu ngay, tự hẹn hôm sau sẽ làm công việc đó. Hôm sau chú ta đau, phải nghỉ vài bữa, đến lúc khỏi thì có đám giỗ, xong đám giỗ thì có cơn đông, rồi tới công việc gấp khác, nên quên hẳn công việc bắt sâu, nửa tháng sau mới trở lại vườn cam thì cây nào cây nấy cũng héo rũ cả rồi.

Hồi nhỏ tôi đã cho truyện đó là truyện bịa, tác-giả tưởng tượng ra tất cả các biến cố để hoãn lại cái ngày trừ sâu, nên tôi không tin. Giá tác-giả chỉ kể rằng người nhà quê định hôm sau bắt sâu rồi có công việc khác, quên bẵng đi, nửa tháng sau mới sức nhớ ra thì tôi dễ tin hơn. Mới hay muốn giảng luân lý, dù là cho trẻ con, cũng cần đúng sự thực.

Vậy nghệ-thuật bài đó kém, nhưng lời khuyên thì thực có giá trị. Càng sống tôi càng thấy những người thành công thường có cái đức: *làm ngay, không để tới ngày mai.*

Xin bạn đừng hiểu lầm tôi. Tôi vẫn biết có những việc không nên giải quyết vội; cứ để trong một thời gian, trí óc bình tĩnh, ta thu thập thêm đủ tài liệu rồi sẽ giải quyết. Lại có những việc mới coi tưởng như quan-trọng, nhưng để ít lâu, hoàn cảnh thay đổi rồi, khỏi phải giải quyết nữa. Trong những trường-hợp đó không nên hấp-tấp mà lỡ việc.

Nhưng việc gì đã cho là nên làm, đã quyết định thế nào cũng làm, thì nếu có thể được, nên làm ngay đi, đừng trì hoãn. Trì hoãn thường lỡ cơ hội mà dù không lỡ cơ hội thì thói trì hoãn cũng có hại nó gặm nhấm lần nghị-lực, chí quyết đoán của ta.

Vả lại có tập tánh làm ngay việc gì có thể làm được thì mới luyện được đức *săn - sàng* rất cần thiết cho sự thành công. Trong đời người, ai cũng có một vài lần gặp được cơ-hội may. Người nào đã dự bị sẵn sàng để nắm lấy nó thì sẽ thành công; không sẵn sàng để cho nó trôi qua thì không biết bao giờ nó mới trở lại nữa.

Đọc tiểu sử Mustapha Kémal ta thấy cái tài của ông là dự bị từ lâu để hễ cơ hội tới là nắm lấy nó liền. Sau Đại chiến thứ nhất, một mặt ông phải chống với hoàng-gia, một mặt phải chống với các cường quốc châu Âu. Ông nhóm họp một số sĩ quan cùng chí hướng, thành lập quốc hội rồi khi vua Méhemet VI chịu nhận những điều kiện nhục nhã của Anh, Pháp, Ý làm cho toàn dân Thổ đã ghét đế quốc tham tàn, nay lại ghét cả hoàng-gia nữa, ông đứng ra phát hồng kỳ và toàn dân theo ông ngay. Rồi trong chiến tranh với Hy-Lạp, quân lực Thổ kém quân lực Hy, nhưng lần nào ông cũng định rõ chiến-thuật, xuất kỳ bất ý, tấn công ồ ạt, làm quân Hy trở tay không kịp, thua to ở khắp các mặt trận. Khi lên cầm quyền, đương lúc được quốc dân sùng bái, ông hăng hái duy tân để theo kịp Âu Mỹ, thi hành ngay những cải cách mạnh bạo, làm cho Thổ chỉ trong mười mấy năm, có một bộ luật mới, một chính thể mới, một văn tự mới, một lịch mới, những đồ đo lường mới, một nền kỹ nghệ và canh nông mới, nhất là một chế độ mới cho phụ nữ.

Muốn cho lúc nào cũng sẵn sàng thì phải biết nhìn xa, tính trước. Những nhân viên hay dùng con dấu: *Khẩn, Tối Khẩn* là những người không biết làm việc. Nếu biết tính trước và dự bị sẵn sàng thì không có việc gì là tối khẩn. Một cây sao ở trước nhà tôi khô đã hai năm, tôi nhắc người ta mà người ta không chịu đốn. Rồi tới mùa đông bão, một cành khô gãy, suýt gây ra tai nạn, thì người ta ra lệnh tối khẩn kêu người đốn.

Tôi thấy những quốc gia đại sự mà đôi khi cũng giải quyết theo lối gốc sao

THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

đó. Chẳng hạn bộ Quốc gia giáo dục, chín mươi năm trước, khi dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ ở bậc Trung học thì phải tính trước làm sao đào tạo kịp trong bảy năm một số giáo sư Đại học dạy bằng tiếng Việt được. Nhưng chỉ vì bộ không chuẩn bị trước nên khi học sinh theo chương trình Việt lên tới Đại học vẫn gặp giáo sư ngoại quốc nghe giảng bài như vịt nghe sấm vậy. Lúc thấy sinh viên họ kêu ca quá, quốc dân kêu ca quá, bộ mới triệu tập các giáo sư đại-học để giải quyết vấn đề. Đó chỉ là một thí dụ trong hàng chục thí dụ khác.

Vậy, theo tôi muốn thành công trong việc làm, cần có thái độ dưới đây :

- 1^o — Biết đôi khi làm không công.
- 2^o — Tìm cái khó, đừng tìm cái dễ.
- 3^o — Không làm thì thôi, đã làm thì làm cho đến nơi đến chốn, nhưng đừng quá tỉ mỉ.
- 4^o — Việc gì có thể làm ngay thì đừng trì hoãn.
- 5^o — Lúc nào cũng phải sẵn-sàng.

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIỆN-LE

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CAC LOẠI ĐƯỜNG

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CAC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

- Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC
66, GIA-LONG — SAIGON

Công cuộc phòng thủ chống hỏa tiễn liên lục địa

VŨ - THỤY - HOÀNG

NGÀY nay nghĩ tới viễn ảnh cuộc thế chiến thứ ba, người ta đều bàng hoàng lo sợ vì sức phá hoại khủng khiếp của bom nguyên tử, bom khinh khí, và những trái siêu bom có sức tàn phá mạnh hàng trăm triệu tấn thuốc nổ. Nỗi lo sợ lại càng gia tăng, khi người ta nghĩ tới những chiếc hỏa tiễn bay vùn vụt trên không gian với tốc độ hàng vạn cây số giờ và có chở theo đầu đạn nguyên tử.

Với tốc độ nhanh như thế, một hỏa tiễn liên lục địa phóng đi từ Hoa-Kỳ và rơi xuống một mục tiêu tại Nga-Sô, hay ngược lại, chỉ mất chừng nửa giờ. Như vậy trong trường hợp xảy ra cuộc chiến tranh, nhất là có cuộc chiến tranh bất ngờ, làm sao có thể ngăn chặn được những hỏa tiễn nguy hiểm đó. Hiện nay chưa có một loại vũ khí nào có đủ công hiệu ngăn chặn hoặc phá hủy được những phi đạn

ày. Chính vì ưu thế đó, các nhà quân sự mới gọi những hỏa tiễn liên lục địa là thứ vũ khí tuyệt đối.

Nhưng liệu vũ khí đó có duy trì mãi được tính cách tuyệt đối hay không ?

Trong lịch sử chiến tranh, đã bao lần người ta phát minh ra những vũ khí nguy hiểm và lúc đầu họ cũng tưởng rằng không gì có thể chế ngự được chúng. Thế rồi chỉ sau một thời gian, loại vũ khí trên lại không còn công hiệu mấy nữa, vì đã có một loại phát minh mới chế ngự và ngăn chặn lại được. Trong thế chiến hai, loại chiến xa hạng nặng bọc thép dày đã tưởng có thể tung hoành ngang dọc trên trận địa nhưng sau cũng bị khuất phục trước làn đạn của bazooka. Ngày nay những oanh tạc cơ phản lực với tốc độ siêu thanh chưa chắc gì đã vượt qua nổi biên

CHÔNG HỎA TIẾN LIÊN LỤC ĐỊA

giới đối phương trước những dàn hỏa tiễn phòng không vô tuyến điều khiển.

Với mục đích phòng thủ và làm tê liệt loại vũ khí tấn công nguy hiểm của đối phương, các nhà bác học Hoa-kỳ đang tìm cách chế ngự hỏa tiễn liên lục địa.

Trong công cuộc phòng thủ chống hỏa tiễn liên lục địa, người ta sẽ áp dụng ba hệ thống, mỗi hệ thống sẽ nhằm vào một giai đoạn trong đường bay của hỏa tiễn, kể từ lúc hỏa tiễn được phóng đi cho tới khi bay đến mục tiêu. Ba hệ thống đó là :

— *hệ thống can thiệp tức khắc* : nhằm phá hủy hỏa tiễn ở trong giai đoạn phóng đi, trước khi nhiên liệu ở bộ phận đẩy của hỏa tiễn cháy hết. Hệ thống này sẽ được đặt trên các vệ tinh bay qua các địa điểm phóng hỏa tiễn của đối phương.

— *hệ thống can thiệp giữa chừng*, cũng gồm các vệ tinh nhằm khám phá và tiêu hủy hỏa tiễn trong lúc đang bay, nghĩa là giai đoạn sau khi hỏa tiễn phóng đi và trước khi hỏa

tiễn tới điểm cao nhất của đạn đạo.

— *hệ thống phòng thủ cuối cùng* : nhằm ngăn chặn hỏa tiễn từ đỉnh của đạn đạo bay tới mục tiêu. Trong hệ thống này người ta sẽ dàn những hỏa tiễn chống hỏa tiễn tại các địa điểm dưới đất để ngăn chặn và phá hủy hỏa tiễn liên lục địa.



Hỏa tiễn chống hỏa tiễn
Melke Zeus của Hoa-kỳ

Hiện nay Hoa Kỳ đang nghiên cứu cả ba cách phòng thủ kể trên, nhưng riêng kiểu hỏa tiễn Nike-Zeus dùng trong hệ thống phòng thủ thứ ba sắp được đưa ra thí nghiệm. Nike-Zeus là kiểu hỏa tiễn được cải thiện và thuộc loại hỏa tiễn Nike dùng để phòng không. Các dàn hỏa tiễn phòng không Nike hiện được đặt tại khắp Hoa-Kỳ để bảo vệ các thành phố chiến lược, các cơ sở kỹ nghệ và

quân sự. Hỏa tiễn Nike-Zeus một khi được mang ra sử dụng sẽ góp phần vào việc phòng thủ các địa điểm trọng yếu chống lại hỏa tiễn liên lục địa.

Nhiệm vụ khó khăn

Công cuộc phòng thủ chống lại hỏa tiễn liên lục địa là nhiệm vụ khó khăn. Trước hết cần phải khám phá mau lẹ hỏa tiễn đang bay tới. Với tốc độ từ 11 ngàn đến 14 ngàn cây số một giờ, hỏa tiễn bay từ dàn phóng tới mục tiêu chỉ mất có 30 phút đồng hồ. Các đài radar đặt dưới đất hiện nay của Hoa Kỳ phải làm sao có thể khám phá được hỏa tiễn hai phút sau khi Nga phóng đi, nhưng lại không thể nào xác định ngay được hỏa tiễn đó sẽ bay tới mục tiêu nào, và chỉ biết được 15 phút trước khi hỏa tiễn bay tới mục tiêu mà thôi.

Một khi khám phá được cuộc tấn công, các nhân viên trông coi radar còn phải tìm biết xem hỏa tiễn đang bay tới có mang đầu đạn nguyên tử hay không. Vấn đề này sẽ cực kỳ khó khăn nếu đối phương phóng đi một loạt hỏa tiễn bay tới mục tiêu, hoặc chỉ phóng đi một hỏa tiễn có đầu đạn nguyên tử nhưng lại phát ra một đám khói của đầu đạn nguyên tử giả. Vì vấn đề tiết kiệm, cần phải tìm trúng đầu đạn nguyên tử đó mà phá hủy.

Đối với loại hỏa tiễn bay nhanh trên 20.000 cây số giờ, mà hỏa tiễn chống hỏa tiễn chỉ có tốc độ bằng nửa tốc độ đó, làm sao có thể ngăn chặn được? — Thực ra vấn đề tốc độ không quan trọng cho bằng tính cách dễ điều khiển của hỏa tiễn. Hỏa tiễn Nike-Zeus rất dễ điều khiển, nên có thể ngăn chặn được hỏa tiễn của đối phương lúc đó không điều khiển

được nữa. Hơn nữa, đầu đạn nguyên tử gắn ở hỏa tiễn Nike-Zeus có thể phá hủy hỏa tiễn của đối phương dễ dàng.

Hệ thống phòng thủ cuối cùng

Người ta tin rằng hỏa tiễn Nike-Zeus có thể chống lại được hỏa tiễn liên lục địa, vì Nike-Zeus có gắn hệ thống radar tối tân có thể khám phá được hỏa tiễn này còn cách xa hàng ngàn cây số và xác định được đường bay của hỏa tiễn. Lúc đó Nike-Zeus sẽ bay tới và đầu đạn nguyên tử của Nike-Zeus sẽ phá hủy hỏa tiễn của đối phương. Hiện Hoa Kỳ đang cho chế tạo và nay mai sẽ thí nghiệm hỏa tiễn Nike-Zeus, rồi chúng ta sẽ rõ công hiệu của loại hỏa tiễn này như thế nào?

Vì người ta chưa tin chắc hệ thống phòng thủ bằng hỏa tiễn sẽ thành công, trong khi đó phí tổn chi tiêu vào công việc này lại rất cao, nên có người không tán thành hệ thống này. Thật thế, việc chi phí vào công việc này hết sức tốn kém có lẽ tới 10 tỉ mỹ kim, trước khi hỏa tiễn Nike-Zeus được đưa ra sử dụng. Hiện Mỹ đã chi tiêu mất một tỉ 200 triệu vào việc khuếch trương hỏa tiễn này. Dù sao công việc trên cũng là một khích lệ để Hoa Kỳ xúc tiến một dự án phòng thủ khác lấy tên là ARPAT. Điểm khác biệt giữa Nike-Zeus và Arpat là do ở loại vũ khí dùng để tiêu diệt hỏa tiễn của đối phương. Nike-Zeus là loại hỏa tiễn chống hỏa tiễn nên một hỏa tiễn Nike-Zeus chỉ phóng

CHỖNG HỎA TIỂN LIỄN LỤC ĐỊA

đi để chỗng lại một hỏa tiễn của đôi phương mà thôi. Còn hệ thống Arpat sẽ phóng đi một hỏa tiễn có trang bị nhiều vũ khí giống như chiếc lao, những vũ khí này sẽ tỏa ra mọi phía, nhằm vào một số lớn hỏa tiễn đang tấn công của đôi phương và tiêu diệt chúng. Nếu hệ thống này hoàn thành sẽ giảm bớt được một số lớn những hỏa tiễn chỗng hỏa tiễn dùng vào công cuộc phòng thủ, và những nhu cầu cần thiết khác của hệ thống radar mà hỏa tiễn Nike-Zeus cần tới.

Cơ quan phụ trách các Dự Án Nghiên Cứu Tiển Bộ (Advanced Research Projects Agency) của Hoa Kỳ dự tính sẽ cho thí nghiệm loại Arpat trong vòng ba năm tới đây để tìm hiểu công hiệu của nó. Cơ quan này cho biết hệ thống đó nếu thành công sẽ bổ túc cho loại hỏa tiễn Nike-Zeus chứ không thay thế Nike-Zeus. Các nhà phát triển hỏa tiễn Nike-Zeus đã đồng ý rằng: Không có sự cạnh tranh giữa hai hệ thống Nike-Zeus và Arpat. Nike-Zeus có điểm nào hay thì Arpat cũng có điểm đó, và ngược lại.

Hệ thống phòng thủ bằng vệ tinh

Vấn đề phòng thủ nhằm tiêu diệt hỏa tiễn của đôi phương ngay trong giai đoạn mới phóng đi, hoặc đang còn trên đường bay, gặp nhiều khó khăn hơn là tiêu diệt hỏa tiễn địch trong giai đoạn cuối cùng. Các nhà khoa học không những phải giải quyết công việc khám phá và xác định hỏa tiễn của đôi phương, rồi dàn vũ khí của mình lên để ngăn chặn, mà họ còn phải là những chuyên viên về kỹ thuật không gian nữa, vì những hệ thống phòng thủ nhằm tiêu diệt hỏa tiễn địch trong hai giai đoạn trên sẽ hoạt động từ các vệ tinh bay quanh trái đất.

Việc đặt vệ tinh vào quỹ đạo trái đất có lẽ là công việc dễ nhất trong số những vấn đề trên, nhưng một khi vệ tinh bay vào quỹ đạo rồi, công việc mới thật khó khăn.

Về mặt lý thuyết, loại vệ tinh đồng bộ (satellite synchrone) có lẽ là loại vệ tinh chỗng hỏa tiễn hay nhất. Vệ tinh này sẽ bay quanh quỹ đạo với một tốc độ được tính toán trước để lúc nào cũng bay cách đều mặt đất. Vệ

Máu Kẻ Nghèo

Luận về « Máu Kẻ Nghèo », Léon Bloy có thốt ra câu nói mãnh liệt sau đây :

— « Máu Kẻ Nghèo, chính là tiền bạc. Từ bao thế kỷ, người ta đã sống vì nó và đã chết vì nó. Rõ ràng nó thu tóm mọi đau khổ ».

tinh này sẽ bay trên những địa điểm mà ta ghi là đối phương dùng để phóng hỏa tiễn. Cho tới nay loại vệ tinh đồng bộ chưa được thí nghiệm, và dù cho có được phóng lên quỹ đạo có lẽ vệ tinh phải được bay trên độ cao 35 000 cây số cách mặt đất. Với khoảng cách đó vệ tinh lại không thể nào khám phá và ngăn chặn được kịp thời những hỏa tiễn của đối phương.

Muốn phòng thủ công hiệu, hệ thống vệ tinh trên chỉ có thể bay cách mặt đất vào khoảng từ 300 đến 500 cây số. Vì ở độ cao này quỹ đạo của vệ tinh luôn luôn chuyển động nên ở mỗi vòng bay vệ tinh chỉ có từ ba đến bốn phút là ở trong vị trí có thể làm tròn nhiệm vụ phòng thủ. Như thế phải cần tới hàng trăm hay hàng ngàn vệ tinh bay liên miên chung quanh trái đất. Trong trường hợp này lấy đâu tiền để đài thọ một chương trình quá tốn kém, ước lượng vào khoảng 15 tỷ Mỹ kim.

Giả dụ rằng tổn phí nói trên có thể chịu được đi nữa, hệ thống phòng thủ cũng rất dễ bị mất công hiệu nếu xảy ra vài sự rắc rối. Cả hệ thống phòng thủ chỉ hữu hiệu khi nào mỗi bộ phận trong toàn bộ hệ thống hoạt động bình thường. Nếu một vài vệ tinh trục trặc hoặc ngưng trệ, thì không có cách nào thu hồi để sửa chữa cả, lúc đó hệ thống sẽ kém hiệu lực và đối phương sẽ lợi dụng khuyết điểm này.

Một vấn đề khác nữa là sự lăm lăm của bộ máy dò xét dùng trong

các dự án ngăn chặn hỏa tiễn địch lúc mới phóng. Hiện nay loại máy dò xét có nhiều triển vọng nhất là máy cảm ứng hơi nóng hồng ngoại, có thể khám phá dễ dàng một vật đang cháy, chẳng hạn một hỏa tiễn vừa được phóng ra khỏi dàn. Nhưng làm sao phân biệt được sức cháy của một hỏa tiễn và những vụ nổ ở mặt đất hoặc những đồ trang bị kỹ nghệ nặng như những lò hơi của nhà máy? Chính vì vấn đề này mà các nhà nghiên cứu hiện đang phải nỗ lực làm việc để hoàn thiện máy nói trên.

Trở ngại thứ ba là khám phá ra đường đi của hỏa tiễn. Ngay trong giai đoạn hỏa tiễn liên lạc địa mới được phóng đi, ta không thể nào xác định được là hỏa tiễn sẽ bay về phía nào. Và lại nếu hỏa tiễn đó phóng đi chỉ nhằm mục đích thám hiểm khoa học, mà vệ tinh lại ngăn chặn và tiêu diệt, thì việc đó rất có thể gây nên một cuộc chiến tranh nguyên tử toàn diện.

Chỉ trong giai đoạn hỏa tiễn đang bay giữa chừng, các vệ tinh mới có thể xác định được đường đi của hỏa tiễn để biết hỏa tiễn này sẽ bay tới khu vực nào, và biết được hỏa tiễn này có nguy hiểm hay không, nghĩa là có chờ theo dấu đạn nguyên tử không. Nhưng với vùng không gian cần được phòng thủ rộng mênh mông bát ngát, phải cần tới hàng vạn vệ tinh, như vậy chi phí quá tốn kém không cho phép thực hiện hệ thống ngăn chặn nói trên. Tất cả vấn đề

CHÔNG HÒA TIỀN LIÊN LỤC ĐỊA

phòng thủ chông hòa tiền, dù ở giai đoạn hòa tiền vừa phóng đi, đang bay giữa chừng hoặc đang lao xuống mục tiêu, đều tùy thuộc vào vấn đề có đủ tiền để thực hiện dự án đó không.

Kết luận

Công cuộc phòng thủ cũng là một nhiệm vụ kinh tế. Mục đích phòng thủ là làm cho đối phương ý thức được rằng họ sẽ phải trả một giá rất đắt nếu họ mở cuộc tấn công. Nếu ta bắt đối phương duy trì mọi dự trữ, dồn mọi năng lực, tài nguyên vào một điểm nào đó, tức là ta giới hạn được cuộc tấn công của địch vào một phạm vi nhỏ, làm cho địch kiệt quệ và bị

thương tổn nặng nề vì sức phản công của ta. Nếu vì một hệ thống phòng thủ, ta chi phí quá nhiều vào đó khiến gây thiếu sót trong lãnh vực khác, ta rất dễ thua sút đối phương trong lãnh vực ấy. Hiện nay Nga-Sô cũng chưa tìm được một biện pháp nào để ngăn chặn những hòa tiền của Hoa-Kỳ nếu vạn nhất xảy ra trường hợp chiến tranh. Bao lâu chưa bên nào tìm được phương thế phòng thủ, mỗi lo sợ một cuộc trả thù vẫn còn đè nặng biết đâu đó lại chẳng là một cách ngăn ngừa kẻ hiếu chiến khỏi gây nên một cuộc tàn sát nhân loại.

VŨ-THỤY-HOÀNG

(Theo Business Week)

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VUA LÒNG :

MAU CHÓNG — ĐỦ TIỀN NGHỊ
TIẾP ĐÃI AN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN
ĐIỆN THOẠI : SAIGON 34

V

Trần-Hương-Tiê

NIETZSCHE, ông tổ

của Hiện-sinh vô-thần



SAU khi đọc những trang về Kierkegaard, có thể một ít người đã tự hỏi : « Triết hiện-sinh ở chỗ nào trong những lời lẽ của Kierkegaard ? Chúng tôi chả

thấy cái chi là triết-học hết, mà chỉ thấy những gì giống như đời sống của mọi ngày ! ». Thì đúng thế, triết Hiện-sinh chỉ là một suy-tưởng về giá-trị và ý-nghĩa của cuộc đời mà thôi ; như J. Wahl đã nhận xét và chúng tôi đã nhắc lại trong những trang đầu tiên dành cho Kierkegaard : « Tất cả triết Hiện-sinh đã phát xuất từ những suy-nghĩ của Kierkegaard về các uốn-khúc của đời ông ». Triết Hiện-sinh không hiện chúng ta những ý đẹp và những tư-tưởng thanh cao ; trái lại nó rất kỵ những ý đẹp và những tư-tưởng thanh cao, vì nó coi đó chỉ là những cách tiêu-khiển có hại. Có hại vì chúng làm cho ta chạy theo mộng và bỏ thực.

Tuy nhiên, sánh với triết của Nietzsche thì triết Kierkegaard còn khá nhiều tính-chất tư-tưởng. Kierkegaard còn đi theo hướng Socrate và còn muốn duy-trì những

NIETZSCHE ÔNG TỔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

giá-trị của Kitô-giáo ; trái lại, như chúng ta sẽ thấy dưới đây, Nietzsche tỏ ra triết để hơn. Triết của Nietzsche sẽ không còn có mạch lạc suy-tưởng gì nữa, nhưng chỉ là những câu cách-ngôn (aphorismes) lẻ tẻ, những câu trả lời nóng hổi tự trong lòng ông ném ra để đáp lại những hoàn cảnh trở trêu của trường đời. Nói cách khác, Kierkegaard đã-kịch Hegel một cách hăng-bá, nhưng lại vẫn kính-trọng Socrate và truyền-thống Socrate ; Kierkegaard công-kích hàng Giáo-phẩm Đan-mạch như Giám-mục Martensen đã hùa theo nhóm Hegel để coi nhẹ phần siêu-việt của tôn-giáo, nhưng Kierkegaard vẫn trung-thành với Thánh Kinh của Kitô-giáo và truyền-thống của tôn-giáo đó. Trái lại Nietzsche sẽ công-khai đoạn-tuyệt với hai truyền-thống cổ-cựu và trường-tồn nhất của Tây phương và là những yếu-ố căn-bản đã xây nền Văn-minh Tây-phương : truyền-thống Socrate-Platon và truyền-thống đạo Kitô (Đa-tô). Cho nên nếu người ta khó thấy tính-chất « triết » nơi những tác phẩm của Kierkegaard, thì chúng tôi sợ rằng người ta càng khó thấy cái tinh-túy triết-học của tư-tưởng Nietzsche. Vậy để tránh ngay những ngộ-nhận đó, chúng ta cần nhận định một lần nữa rằng : triết hiện-sinh có chủ-trương đi ngược lại con đường của triết-học cổ-điển mà chúng ta quen thuộc ; nếu giá trị của triết học cổ điển chỉ căn cứ trên những ý tưởng đẹp và những chân-lý hình thức, thì triết Hiện-sinh chỉ căn cứ trên những giá-trị sống, tức những giá-trị về cuộc đời. Triết cổ-điển nhằm giúp ta suy-tưởng đúng, còn triết hiện-sinh nhằm giúp ta sống cho ra người tự-do đích-thực.

Đầu-đề « Nietzsche ông tổ Hiện-sinh vô-thần » có thể làm bạn đọc nghĩ sai. Thực ra, đây chúng tôi không có ý bàn đến khía-cạnh vô-thần của Nietzsche, nhưng chỉ nghiên-cứu về thuyết Hiện-sinh của ông trong « Phong-trào Hiện-sinh » mà chúng tôi đang trình bày với bạn đọc mà thôi. Tuy nhiên, sinh với Kierkegaard là triết-gia đã coi Tôn-giáo như hình-thức cao-nhất của con người hiện-sinh tự-do, chúng ta thấy Nietzsche hiện ra như một kẻ vô-thần chối bỏ tất cả những gì là tôn-giáo trong tư-tưởng Socrate và trong các giáo-hội Ki-tô. Cần xác-nhận lại như thế, vì không thiếu người đã vội cho rằng Nietzsche chỉ là ông tổ của những triết-thuyết Heidegger và Sartre mà thôi, không có ảnh-hưởng chi trên dòng suy-tưởng của những triết-gia hữu-thần như Jaspers và Marcel. Nói Nietzsche có ảnh-hưởng quyết-định hơn đối với ngành tả của Phong-trào Hiện-sinh thì đúng, còn nói ông chỉ ảnh-hưởng trên ngành tả đó thì sai : Jaspers đã chịu ảnh-hưởng Nietzsche rất nhiều ; Marcel cũng thế. Cho nên trong bài *Regard en arrière* (Nhìn lại đằng sau) khi muốn nói lên những tư-tưởng đã tác-dụng vào đời suy-tưởng của ông, Marcel viết : « Sự-mệnh cao-cả của triết-gia không phải chỉ là rêu rao một số những chân-lý chính-thứ : đã được toàn-thể nhân-loại tán-thành. Xét cho cùng, những chân-lý đó chẳng qua chỉ là những câu nói nhạt-nhèo và vô-vị (les platitudes). Ánh vinh-quang bất-tử của một Kierkegaard và của một Nietzsche không phải ở tại chỗ các ông đã dùng lý-luận, nhưng ở tại chỗ các ông đã dùng chính đời sống của mình và những đau-khổ của mình để chứng-minh rằng triết-gia

chân-chính không thể là triết-gia của hội-trường : chỗ đứng của ông phải là chỗ *cô-lập* ». (*Existentialisme chrétien* : Gabriel Marcel, của một nhóm triết-gia viết và E.Gilson đề tựa. Nhà xuất-bản Plon, 1947, trg 315).

Cho nên trước khi đi sâu vào Nietzsche và để kết thúc sự so sánh ảnh-hưởng của Kierkegaard và của Nietzsche đối với nền triết-học Hiện-sinh, chúng ta có thể thấy rằng : Kierkegaard đã vươn tới Hiện-sinh bằng cách *vuơn lên* (vuơn lên khỏi hai chặng đường Hiếu-cảm và Đạo-hạnh để đạt tới giai-đoạn Tôn-giáo ; vuơn lên khỏi lý-trí để đạt tới sinh-hoạt, tức vuơn lên trên Hegel để đạt tới Hiện-sinh tôn giáo), còn Nietzsche đã đi tới Hiện-sinh bằng cách *phủ-nhận* tất cả các giá-trị truyền-thống, nói cách khác, Nietzsche đã quay lưng lại truyền-thống Socrate và truyền-thống đạo Kitô (Đatô) để đi vào con đường mới, tức con đường ngược hẳn chiều nhân-loại vẫn quen đi từ trước đến nay.

*
* *

Cũng như Kierkegaard, và có lẽ còn hơn Kierkegaard, Nietzsche và triết-học của Nietzsche là một khối toàn-bích, không nứt nẻ : triết-học của ông là đời sống của ông, và đời sống của ông là tài liệu suy-tưởng của ông. Một học-giả đã viết : « Tất cả các tác-phẩm của Nietzsche chỉ là lời tự thuật của một tâm-hồn chân-thành và đam-mê, có tư-chất họa-biến ». (Xem F.Challaye, *Nietzsche*, Edit. Mellottée 1950, p. 11).

Tư chất của Nietzsche thực là họa-biến và có thể coi là duy-nhất trong lịch-sử

nhân-loại. Nietzsche đã nhằm một cuộc cách-mạng tinh-thần sâu xa như chưa từng thấy : ông nhằm đổi lại cái bằng giá-trị luân-lý và xã-hội ; những gì người ta vẫn tôn-trọng từ trước đến nay, sẽ bị ông tháo-mạ và lên án ; tóm lại ông sẽ đặt lại và tạo ra những nhận định hoàn toàn mới về thiện và ác. Cho nên triết-học của ông có thể mệnh danh là « *Đảo lại tất cả giá-trị* ». (*Transvaluation de toutes les valeurs*). Nếu không sợ sự giản lược làm hại cho tinh-thần triết-học Nietzsche, thì chúng ta có thể nói : Thay vào những giá-trị tư-tưởng hoàn-toàn duy-niệm của truyền-thống Socrate, Nietzsche đã đề cao những giá-trị của hiện-sinh ; và thay vào những giá-trị « yếm-thế » của các tôn-giáo, Nietzsche đã thay vào cái lý-tưởng của Người Hùng (*le sur-homme*) và Ý-chí hùng-cường (*Volonté de puissance*).

Cuộc cách-mạng Nietzsche thực là ghê sợ, nhưng không phải tự nhiên mà có. Nó đã được chuẩn-định khá lâu, qua không khí gia-đình và qua các triết-gia mà ông đã say mê.

Frédéric Nietzsche sinh ngày 15 tháng 10 năm 1844 tại Roecken, miền Trung nước Đức, tức miền Thuringe. Cha ông là mục-sư, cho nên ông được giáo-dục rất cẩn-hận về trí và đức-dục. Hồi còn nhỏ, Fr. Nietzsche tỏ ra là một đứa trẻ thông-minh và đạo-đức. Chúng bạn thường gọi cậu là « ông mục-sư nhỏ ». Ngay từ hồi đó, Nietzsche đã tỏ ra ham mê âm-nhạc và có khiếu âm-nhạc ; ông đã soạn nhiều bài thơ và nhiều bản nhạc hoặc để ca tụng Thiên Chúa, hoặc để ca tụng tổ-tiên của ông, những « người

Ba-Lan hùng-tráng » (Vì gia-đình ông thuộc gốc Ba-Lan). Năm 1864, được 20 tuổi, ông ghi tên theo học ngành ngữ-học tại Đại-Học Bonn. Chính trong những năm ở Đại-học, ông dần dần lìa xa tôn-giáo; và ông càng thực tình muốn trở lại tin như cha mẹ và anh em ông, thì ông càng thấy không thể tin vào đạo Tin-Lành được nữa. Năm sau, tức 1865, ông bỏ Đại-học Bonn để sang học ở Đại-học Leipzig cho đến năm 1869. Chính trong kỳ này, Nietzsche khám phá ra và lập tức đắm say-mê Schopenhauer. Sự gặp gỡ này xảy ra như một biến cố giật gân: « Tinh-thần triết-học đã cùng với Schopenhauer tràn vào tâm-hồn Nietzsche. Schopenhauer đã đến với ông như một trận bão-táp lay chuyển tất cả con người ông ». (Charles Andler, *Nietzsche, sa vie et sa pensée*, t. I, Gallimard 1958, p. 78). Trước đó, Nietzsche đã thích đọc Goethe, nhà thơ vĩ - đại, có những vần thơ mạnh như hồng-thủy và say-đắm như mối tình đầu. Chính Goethe đã reo lên những bài thơ nồng nàn nhất để ca tụng đời sống và những hoan-lạc của tình yêu; chính Goethe là nhà tư-tưởng đã coi nhẹ phần suy-tưởng thuần túy để chỉ ca ngợi và tôn-quý hành-động và cuộc đời; chính Goethe đã viết câu bất hủ: « Tự nguyên-thủy đã có hành-động » để chống lại chủ-trương của triết cổ-diễn là triết đề cao suy-tưởng bằng câu Thánh-Kinh « Tự nguyên-thủy đã có ngôi Lời » nghĩa là tự nguyên-thủy đã có tư-tưởng. Đối với Goethe, thì tư-tưởng chỉ là cái chi tùy-phụ, đến sau hành động mà thôi. Nietzsche say mê Goethe và coi ông là người đã thấu hiểu những giá-trị đích-thực của hiện-sinh, giữa hai tâm-hồn

có ngay mối thông-cảm sâu xa: « Giữa hai tâm-hồn có sự giống nhau rất sâu xa: cả hai cùng tin tưởng rằng tất cả những hình-thái của tư-tưởng đều có chung một nguồn gốc, và nguồn gốc đó là sự sống. Cho nên cần phải ngụp lặn vào cho tới nguồn mạch của sự sống, để nhờ những phút say đắm đó, con người có thể nắm được những sinh-lực của nguyên-tuyền như mầm cây vừa nứt mộng ». (Charles Andler, op. cit., p. 26). Tóm lại, Goethe là lý tưởng con người sống, con người có thể vươn lên tới hiện-sinh đối với Nietzsche. Goethe đã dạy cho Nietzsche hiểu rằng: không nên đề cao tư-tưởng đến nỗi hụt mất cuộc đời như bọn môn-sinh Hegel. Chỉ có cuộc sống là có giá-trị đích-thực mà thôi.

Tuy nhiên Goethe, cũng như Wagner sau này, chỉ chiếm một địa-vị nào đó trong đời tư tưởng của Nietzsche mà thôi, ông thầy số một của Nietzsche trước sau vẫn là Schopenhauer. Những điểm quan-trọng nhất của triết Nietzsche, chúng ta đều thấy có mầm mống trong tư-tưởng Schopenhauer: nào đặt những giá-trị sinh-hoạt lên trên những giá-trị tư-tưởng, nào sự phủ-nhận những giá-trị luân-lý cổ-truyền, nào ý-chí là yếu-tố quan-trọng nhất trong con người, mạnh và quan-trọng hơn cả trí tuệ mà triết cổ-truyền vẫn tôn-kính v.v... Triết học Schopenhauer thực là sâu xa và đã đi tới ngưỡng cửa Hiện-sinh; tiếc rằng người thời ông còn quá mê theo những lý-thuyết « sáng sủa » của triết Kant và Hegel, cho nên những tư-tưởng của Schopenhauer còn bị chôn vùi mãi. Phải đợi tới Nietzsche, những tư-tưởng kia mới được khai-thác và trở nên giá-trị.

NIETZSCHE ÔNG TỒ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THÂN

Charles Andler đã viết một cách dích đáng : « Ông thầy dích-thực của Nietzsche là Schopenhauer vì ông này là tổng-hợp của tinh-thần lãng-mãn và tinh-thần hùng tráng của Goethe » (Op. cit., p. 78). Nhìn vào Schopenhauer, chúng ta thấy ngay 3 điểm chính-yếu này : a) Vai-trò vô-cùng quan-trọng do Schopenhauer gán cho *chủ thể*. Chủ-trương đó được biểu lộ qua chủ-đề sau đây của Schopenhauer : « Vũ-trụ là cái nhìn của tôi (Le monde est ma représentation). Chân-lý này thực cho tất cả các sinh-vật và cho loài có suy-nghĩ, tuy rằng chỉ nơi con người, chân-lý đó mới trở thành một tri-thức và được con người ý-thức ». (Schopenhauer, *Le vouloir-vivre, l'art et la sagesse*, Textes choisis par A. Dez, PUF 1956, p. 17). Khám - phá mới mẻ và quan - trọng của Schopenhauer nằm gọn trong câu : Vũ-trụ là cái nhìn của tôi. Câu này đưa chúng ta vượt lên trên hai mâu-thuẫn của Duy-tâm và Duy-vật, Duy-trí và Duy-nghiệm. Duy-trí tưởng vũ-trụ là cái tôi nghĩ về vũ-trụ ; còn Duy-nghiệm lại tưởng lầm rằng vũ-trụ là vũ-trụ tuyệt-đối, ai nhìn cũng chỉ thấy như thế mãi. Trái lại Schopenhauer đã nhận-định rất đúng rằng : vũ-trụ chỉ là kết-quả của cuộc cọ sát giữa tôi và ngoại-giới, vì thế không có vũ-trụ tuyệt-đối (và nếu có, thì nó không phải là vũ-trụ của ai hết, một vũ - trụ không được ai chấp-nhận và nhìn nhận ; vì hễ nhìn-nhận, tất phải có ai nhìn-nhận và nhìn-nhận từ một quan-điểm nào nhất-định). Điều này sẽ phát-sinh ra thuyết « đánh giá » và « đảo lại những giá-trị » của Nietzsche. Đó cũng là nguồn gốc sinh ra chủ-thể-tính, một trong những giá-trị lớn lao của triết Hiện-sinh. — b) Vai

trò quan-trọng gán cho *ý-chí*. Trước đó, các triết-gia, đầu là Platon, Aristote, đầu là Descartes hay Kant, đều coi trí-tuệ là thành - phần chủ - lực trong con người. Schopenhauer là người đầu tiên dám chủ-trương và ông đã chứng minh rằng : « Ý-chí là yếu-tố căn-nguyên và nền-tảng trong con người ; chính *ý-chí hướng dẫn và cai-trị trí-tuệ*, vì trí - năng là thành-phần phụ-tạp mà thôi. Không ai cái được đều đó ». (*Le vouloir-vivre*, p. 51). Cho nên theo Schopenhauer, chân-lý bao giờ cũng là một thái-độ của một người đối với một hoàn-cảnh nhất - định : chỉ có chân-lý khi có đối-tượng thực sự, không thể có chân-lý khi không có tôi và đối-tượng của tôi. Thành thử những chân-lý của các « triết-gia cổ-điển » chẳng qua chỉ là những câu thành-ngữ, những câu sáo ngữ, những trò chơi chữ mà thôi : « Một tri-thức khổng-lồ của người học-giả thường chỉ là một thứ tri-thức chết, vì nó là một tri-thức trừu-tượng, một tri-thức sáo ngữ (science purement verbale) ». (Ibid. p. 29). — c) Vai-trò quan-trọng của *thân-xác* và của *nhân-vị* : Schopenhauer là triết-gia đầu tiên đã viết những câu mà người thời nay có thể tưởng lầm là của Merleau-Ponty : « Chủ-thể tri-thức là một người sống thực, một nhân-vị nào đó nhất-định. Chủ-thể tri-thức trở nên một với thân-xác mình, và chỉ như thế mới có những con người... Hành-động của thân-xác chỉ là hành-động của ý-chí khi nó nhằm vũ-trụ, nghĩa là khi ý-chí có vũ - trụ làm đối - tượng ». (Ibid. p. 47). Như vậy, chính thân-xác là điều-kiện và là cách thể-hiện sự tại-thể của ta ; sở dĩ ta nghĩ thế này mà không nghĩ như anh Ất, những cảm-tưởng của

NIETZSCHE ÔNG TÔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

tôi khác những cảm-nghĩ của anh Ất và tất cả mọi người khác, là vì tôi là một nhân-vị độc-đáo ; thân-xác tôi làm cho tôi cảm-nghĩ khác mọi người, mặc dầu tôi vẫn suy-tưởng như mọi người. Vì thế Schopenhauer đã chủ trương : hành-động của ý-chí được thực-hiện do hành-động của thân-xác. Cho nên hành-động của xác rất quan-trọng. Đó là cái ngày nay chúng ta thường nói : « Biết bằng tất cả tâm-hồn của mình, chứ không chỉ biết xương bằng ý-thức ».

Trong số những nhân-vật đã ảnh-hưởng sâu xa vào đời suy-tưởng của Nietzsche, chúng ta còn phải kể Wagner với những điệu nhạc vừa huy-hoàng vừa mê-ly, Hoelderlin với những « cảnh-vật hiên-ngang, trẻ trung, siêu-thực, đầy huyền nhiệm và cảm dỗ ». Rồi còn phải kể những tác-giả Pháp mà Nietzsche đã ham đọc và đã hướng ông về con đường triết học con người : Rousseau, Pascal, Chamfort, Montaigne, Stendhal. Tuy nhiên, trước và sau, ông thầy đã thực sự hướng dẫn tư-tưởng của Nietzsche vẫn là Schopenhauer.

*
* *

Bây giờ chúng ta đi thẳng vào chính tòa nhà suy-tưởng của Nietzsche. Và như chúng ta đã biết triết-học của Nietzsche có tên là « Đảo lại tất cả các giá-trị », cho nên bài này sẽ được chia làm hai phần : phần trên tìm hiểu Nietzsche đã phê-bình các giá-trị cổ-truyền như thế nào, phần sau sẽ dành cho con Người Hùng tức con người của triết-học Nietzsche.

I. — Nietzsche phê-bình các giá trị cổ-truyền.

Những đề-mục phê-bình của Nietzsche là : thuyết Duy-niệm của truyền-thống Socrate ; những giá-trị luân-lý do Ki-tô-giáo đề-xướng ; những giá-trị của bọn tự xưng là « tân-thời », trong đó Nietzsche đặc-biệt đả-kích thuyết bình-đẳng và thuyết nam nữ bình quyền. Chúng tôi chỉ tóm lại trong hai ý chính : Nietzsche chống lại Duy-niệm, và Nietzsche chống lại những giá-trị luân-lý mà ông gọi là « luân lý của bọn nô-lệ ».

A. — Nietzsche phê-bình triết-lý Duy-niệm. — Ngay từ hai tác-phẩm đầu tay của ông, tức cuốn *L'origine de la tragédie* (Nguồn gốc của bi-kịch) và cuốn *La naissance de la philosophie* (Sự phát-sinh của triết-học), Nietzsche đã nhằm đả-phá triết học duy-niệm mà ông coi Socrate là tổ-phụ. Theo Nietzsche, triết duy-niệm không những không mang lại lợi ích gì cho nhân loại, mà còn mắc tội làm mê-hoặc và làm tê liệt sự tìm hiểu của các thế-hệ sau. Theo Nietzsche thì tinh-thần nguyên-thủy của Hy-Lạp được tượng-trưng bởi hai thần Apollon và Dionysos. Apollon là thần của ánh-sáng và của mực-thước, còn Dionysos là thần của sức sống say-sưa. Và cũng theo Nietzsche, hai vị thần đó đã chung đúc nên nền văn-minh vô cùng sản lạn của Hy-Lạp nguyên-thủy, tức là Hy Lạp trước Socrate. Parménide và sau đó Socrate đã mắc tội giết chết tinh-thần hùng cường và sức sống mãnh-liệt của Hy-Lạp.

Ta thử xem thứ văn-minh hùng-tráng và sức sống ào ạt của Hy-Lạp thời nguyên thủy dưới ngòi bút của Nietzsche : « Hai thần Apollon và Dionysos luôn

luôn thay phiên nhau xuất hiện để giúp nhau sáng-tác mới mãi. Hai thần đó đã chi-phối tâm-hồn người Hy-lạp : dưới khiêu thẩm-mỹ của Apollon, những tranh-dấu dữ-tợn của những người khổng-lồ được dân-chúng theo-dệt dần dần thành những đề-tài cho những thiên trường-ca của Homère... Homère, ông lão già mơ-mộng và trầm ngâm ấy, là ngọn đuốc sáng ngời của thi-ca Hy-lạp, Homère đã thâm-phục rằng hai nguyên-ủy đối-lập nhau ấy, tức Apollon và Dionysos, phải được coi là phát-nguyên của làn lửa thiêng đã tràn ra trên thế-giới Hy-lạp. (Nietzsche, *L'origine de le tragédie*, trad. Marnold et Morland, Mercure de France 1947, p. 50-51). Dionysos là sức sống và hành-động, còn Apollon là ý-thức và ngôn-từ để diễn tả mà thôi. Trong ca-kịch nguyên-thủy, Dionysos là đề-tài duy-nhất, và là đề-tài vô-tận vì nó vô-cùng phong-phú : nó phong-phú vì khi đó chưa có diễn-kịch (drame) nhưng chỉ có ca-kịch, nghĩa là khi đó tất cả cùng hát và cùng chung sống những biến-cổ thể-thảm và oanh-liệt của thần Dionysos ; người ta không ngồi coi một cách khách-quan như trong cách diễn kịch sau này và ngày nay : « Dionysos là anh-hùng của tấn kịch và là trung-tâm duy-nhất của tâm-trí mọi người, nhưng Dionysos không có mặt trên sân khấu, nghĩa là không có ai sắm vai Dionysos hết, hết mọi người cùng tưởng như thần có mặt đó : là vì ở thời nguyên thủy, bi-kịch chỉ là ca-kịch (choeur) thôi, chưa là diễn kịch (drame). (Ibid p.84). Như vậy, Dionysos là nhất-thể uyên-nguyên (l'un primordial) mà Nietzsche thường nói tới : *tất cả chư thần và chúng sinh đều sinh-hoạt trong Dionysos và cùng theo một*

nhịp sống với Dionysos (Ibid p.53). Cho nên Dionysos được coi là sức sống mãnh-liệt bất chấp thiện và ác, vì nó là sức sống chưa tự ý-thức về mình, đồng thời các người trong ca-đoàn (choeur) cũng không chú ý đến cá-tính của mình, nhưng mỗi người đều *tưởng mình là thần Dionysos*, cho nên mỗi người cứ theo lời ca mà sống trong thân-xác mình tất cả những gì bản trường-ca gọi lại về cuộc đời thần Dionysos. Đó là tình-trạng sự thực sống-động, khác hẳn sự thực bị khách-thể-hóa sau này. Có thể coi đó là hiện-sinh chưa bị trừu-tượng bởi những quan-niệm và những ngôn-từ khái-quát. Và đó chính là lý-tưởng của nghệ-thuật đối với Nietzsche. Triết-nhân đã mô-tả nghệ-thuật tuyệt-mỹ, kết-tinh của hai tinh-thần Apollon và Dionysos đó như sau :

« Ca-đoàn có nhiệm-vụ kích-thích tâm-trí người nghe đến mức mê-sảng như thần Dionysos, đến nỗi khi thần xuất hiện trên sân khấu, cử tọa không còn trông thấy một người đeo bộ mặt của thần nữa, nhưng họ thấy chính thần hiện ra trong tình-trạng xuất-hần của họ (leur propre extase). Chẳng hạn khi diễn lại tích chàng Admète đang sầu-khổ ngồi ôm-xác người vợ trẻ vừa tắt thở, tất cả ca-đoàn và cử-tọa cùng chìm sâu trong than-khóc và sầu-thương : thỉnh linh hiện ra trên sân khấu một người phụ-nữ, đầu trùm tấm voan (voile), hình-dáng và cử-chỉ in hệt như người vợ đẹp vừa tắt thở. Chúng ta khó mà tưởng-tượng được nỗi cảm-xúc và sự bối-rối của chàng, cũng là nỗi cảm xúc và sự bối rối của toàn-thể cử-tọa khi thấy thần Dionysos hiện ra trên sân khấu,

NIETZSCHE ÔNG TÔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

giữa lúc lòng mọi người đã bị xúc-động đến mức xuất-thần. . Xem như thế, trong nghệ-thuật bi-kịch nguyên-thủy, có hai tính-chất đối chọi nhau : một bên là màu-sắc, lời ca, cử-chỉ và âm-nhạc tạo thành *chất say-mê Dionysos*, và một bên là thế-giới tưởng tượng của sân khấu tức *thế-giới diễn-tả của Apollon*. (Ibid ; p. 84-85)

Tất cả những vẻ linh-động và cách sống phong-phú đó đã bị Socrate đang tay tàn phá. Euripide đã chung sức với Socrate trong hành-động phản nhân-đạo này, vì cả hai cùng chủ-trương rằng chỉ có lý-trí là đẹp và chỉ có lý trí là đáng quý : « Euripide (nhà soạn kịch mới) đã đưa ra tôn-chỉ này : « Tất cả mọi sự đều phải hợp lý thì mới đẹp ». Câu này chỉ nói lên tư-tưởng nền-tảng của thuyết Socrate là : chỉ người trí-thức là người quân-tử. » (Ibid. p. 115). Dưới mắt Nietzsche, thì Socrate là điển hình của con người lý-thuyết (homme théorique), và triết-học của Socrate chỉ là một bộ máy vô-hồn điều-hành một mớ những quan-niệm (Ibid. PP. 135 et 139). Kết luận, Nietzsche đã không ngần ngại quyết rằng : « Nếu nghệ-thuật mới của Euripide đã giết chết nghệ-thuật nguyên thủy, thì kẻ sát-nhân đó chính là thuyết luân-lý của Socrate ». (Ibid. p. 120).

Sự căm-thù của Nietzsche đối với triết học Socrate mà ông gọi là Duy-niệm, còn bộc lộ trong mấy trang sấm sét của cuốn *La naissance de la philosophie* (Sự phát-sinh của triết-học). Ông vẫn thóa-mạ thuyết Duy-niệm vì thuyết này muốn lấy tư-tưởng trừu-tượng để thay thế cho sinh-hoạt dào-dạt của trường đời.

Đây ông nhằm Parménide và Platon để công-phá : « Họ đã ly-khai giác-quan ra khỏi công-việc trí-thức trừu-tượng ; họ dành công-việc đó cho một mình lý-trí ; kết cục họ coi giác-quan và lý-trí như hai lãnh-vực biệt-lập mà họ gọi là « xác » và « hồn » : do sự phân chia này, các triết-gia đó và nhất là Platon đã làm hỏng công-việc trí-thức. Thái-độ này của họ là tai-vạ đè nặng trên lịch-sử triết-học. » (p. 85). Triết-lý trừu-tượng là triết-lý vô-hồn và vô-vị. Nietzsche đã mô-tả nó như sau : « Đó là một tư-tưởng không hương-vị, không màu-sắc, vô hồn và vô hình, không có một giọt sinh-lực, không một tâm-tình đạo-bạn, hoàn toàn như một ký-hiệu trừu-tượng ». (Ibid. p. 87)

Và trong tác-phẩm cuối đời ông, cuốn *La volonté de puissance* (Ý-chí hùng-cường), Nietzsche vẫn chưa tha Socrate Rải rác trong các trang sách, chúng ta vẫn thấy Nietzsche gọi Socrate là « con người lê-dân » (homme vulgaire) và « người quê mùa » (rourier). Hơn nữa Nietzsche còn coi triết Socrate là một phản động của bọn phạm-dân dùng phương-pháp lê-dân (tức biện-chứng-pháp) để thuyết-phục người quý-phái. Hình như Nietzsche muốn cho rằng Socrate bất lực không thực sự có những đức-tính cao-quý của người Hy-Lạp, cho nên mới chủ-trương lấy quan-niệm làm chính-sự và lấy quan-niệm làm giá-trị cao-nhất : Socrate đã phản-động khi ông ta dạy người đời lấy lý-luận làm đường đưa tới đức người quân-tử. Nhưng tự ngày ông ta dạy rằng chính ta có thể chứng-minh được nhân-đức, nghĩa là nhân-đức thuộc lãnh-vực lý-trí, thì tất cả những nhân-đức quảng-

đại và vĩ-đại của người xưa (tức những bản-năng sống mạnh và sống hùng-cường của người Hy-Lạp xưa kia) nay bị coi khinh. Do đó mà suy-đổi...» (*Volonté de puissance*, trad. Bianquis, Gallimard 1951, t. I, p. 52).

Xem như thế, Nietzsche đã đi xa hơn Kierkegaard trong công-việc diệt-trừ những tệ đoan của thuyết Duy-niệm. Đối với Kierkegaard, thì Duy-niệm là Hegel; đối với Nietzsche, thì Duy-niệm là cả một truyền-thống Tây-phương, truyền-thống đi từ Parménide và nhất là từ Socrate và Platon xuống cho tới Kant và Hegel. Trong khi Kierkegaard còn tôn-trọng Socrate và phương-pháp triết-lý của Socrate tức là biện-chứng-pháp, và chính Kierkegaard là một nhà biện-chứng đại-tài, thì Nietzsche quyết-định đoạn-tuyệt với phương-pháp triết-lý cổ-truyền đó. Theo Nietzsche, không thể có chân-lý trừu-tượng, chân-lý không của ai hết và không cho ai hết. Nghĩa là không thể có sự nhận-thức tuyệt-đối, sự nhận-thức không của ai hết và không do một quan-điểm nhất-định nào hết. Trừu-tượng là tri-thức tuyệt-đối, một thứ tri-thức hình-thức, tri-thức bất buộc trăm người cùng có một quan-điểm như nhau: đó chỉ là tri-thức người ta chấp-nhận cách thụ-động, không dám mở mắt của mình để nhìn nhận. Đó là một thứ tri-thức do người khác dạy và ta chấp-nhận mà không xem lại. Nietzsche tranh-đấu cho một thứ tri-thức mới: tri-thức cụ-thể. Và tri-thức cụ-thể thì chỉ có thể là tri-thức linh-động, uyển-chuyển: uyển-chuyển vì vạn vật cũng uyển-chuyển và biến-dịch không ngừng. Cho nên tri-thức thực-thụ nhất phải là tri-thức gắn liền với thực-tế, lấy thực-

tại làm thước đo chân-lý, chứ không lấy những « chân-lý trừu tượng » để ru ngủ và làm cho con người xa lìa cuộc sinh-hoạt muôn màu của trường đời.

Đọc các tác-phẩm của Nietzsche, người ta thấy ông đề cao tính-chất Dionysos và muốn giảm giá-trị của tính-chất Apollon. Điều này chỉ có nghĩa là ông chủ-trương hiện-sinh là yếu-ổ và hiện-tượng nguyên-nguyên, còn tư-tưởng chỉ là cái đến sau và chỉ có giá-trị diễn tả mà thôi; tuy nhiên, một khi người ta đã dám bắt tay xây-dựng cả một công-trình toàn bằng quan-niệm như triết-học Duy-niệm, thì còn gì là thực-tế? còn gì là sinh-hoạt? còn đâu là tinh-túy của hiện-sinh? Theo Nietzsche, một triết-học xứng danh là triết-học phải có đủ cả hai chất Dionysos và Apollon, sinh-hoạt đậm-đà và nhận-định đích-xác, và trong hai tính-chất đó, chất Dionysos phải giữ vai trò nguyên-nguyên là trọng-yếu. Vẫn theo Nietzsche, sở dĩ qua bao nhiêu thế-hệ, nhân-loại không sản-xuất được cái chi vĩ-đại như văn-minh Hy-Lạp nguyên-thủy, là tại người ta đã nghe theo Socrate để tách suy-tưởng ra khỏi sinh-hoạt, giản-lược sự sống muôn màu vào trong cái « hợp lý » của thuyết Duy-niệm. Mà cuộc đời có hợp lý đâu? Những hành-động cao-cả nhất và hùng-vĩ nhất không phải là thành-tích của Lý-trí trừu-tượng và lạnh-lùng, nhưng là của sức sống trào lên như điên-cuồng. Nói cách khác, những hành-vi cao-cả của con người không thuộc phạm-vi luân-lý của thần Apollon, nhưng thuộc phạm-vi sinh-hoạt phong-phú đến phi-lý của thần Dionysos.

Kierkegaard cho cái hợp-lý là cái tầm thường của đám dân bị trói buộc trong

NIETZSCHE ÔNG TÔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

vòng cương-tỏa : triết-gia hiện-sinh chính thực là người vượt lên trên những ràng buộc của luân-lý duy-lý, để vãn-hồi nhân vị độc-đáo của mình. Đây Nietzsche đi xa hơn : ông cho cái hợp-lý là cái trừu-tượng và lạnh-lùng như xác chết, cho nên nó vô bổ cho cuộc hiện-sinh. Chính trong viễn-tượng này, Nietzsche đã xưng danh là ông-tổ của hiện-sinh. Để tóm tắt lập trường chống duy-niệm của Nietzsche, chúng tôi ghi lại đây hai danh-ngôn của ông, một câu đã được ông viết ở cuối và một câu được viết ở đầu quãng đời suy-tưởng của ông :

« Một tư-tưởng bắt nguồn từ nơi những-hình-ảnh mà tâm-trí ta đã tự nhận-định về mình nó như soi mình trong một tấm gương : một tư-tưởng như thế tôi cho là vô bổ. Làm công việc tri-thức mà lại không lấy thân xác làm người hướng-dẫn, tức là làm một công-việc vô bổ. Triết-học không phải là một giáo-điều (un dogme), nhưng chỉ là tôn-chỉ tạm-thời hướng dẫn ta trong việc tìm hiểu mà thôi ». (*Volonté de puissance*, t. I, p. 204).

« Muốn đạt tới sự thực, có lẽ chúng ta phải phá cho bình-địa cái tòa nhà mỹ-lệ của văn-hóa Apollon kia : có thể chúng ta mới nhìn thấy những nền móng mà tòa nhà đó đã được xây lên trên ». (*L'origine de la tragédie*, p. 39).

B. — Nietzsche phê-bình nền luân-lý cổ-truyền. — Công-việc phê-bình thuyết Duy-niệm đã chỉ chiếm một phần nhỏ trong sự-nghiệp của Nietzsche mà thôi, phần trọng-yếu hơn chính là phần ông

phê-bình các giá-trị luân-lý cổ-truyền hòng đưa ra một bảng giá-trị mới về con Người Hùng của ông.

Trọng-tâm của phê-bình : Nietzsche chia cách sống của nhân-loại làm hai, cách sống của người chủ-ông và cách sống của người nô-lệ. Do đây ông luôn luôn đối chiếu hai nền luân-lý với nhau : luân-lý của chủ-ông và luân-lý của nô-lệ. Để nhập-đề, chúng tôi xin lược dịch đoạn sau đây của cuốn *Par delà le Bien et le Mal* (Vượt qua cái Thiện và cái Ác), một cuốn sách nhằm giải-nghĩa tại sao người ta lại gọi điều này là Thiện và điều kia là Ác :

« Trải qua tất cả các nền luân-lý thanh-nhã hoặc thô-tục đã hoặc còn đang thống-trị thế-giới, tôi nhận thấy một ít nét căn-bản. Tôi nhận-định có hai nền luân-lý khác hẳn nhau : luân-lý chủ-ông và luân-lý nô-lệ. *Luân-lý chủ-ông* là luân-lý của giai-cấp thống-trị, giai-cấp quý-tộc : tất cả những gì liên-can đến quý-tộc đều « tốt » ; trái lại tất cả những gì do đám phàm-dân hoặc có liên-can đến sinh-hoạt của bọn này đều bị cấp quý-tộc cho là « xấu », là hèn. Như thế, cấp chủ-ông đã tác-tạo ra một bảng giá-trị ; và họ cùng nhau chia sẻ niềm tin-tưởng này : bọn lê-dân hèn đốn, thiển-cận và hay nói dối. Thành thử tất cả những gì các chủ-ông nói với nhau đều có giá-trị xác-thực. « Chúng ta là những người chân-thực ». Họ không nhận thấy nơi phàm-dân có điều chi đáng quý hết ; và giả thử họ có thương bọn lê-dân, thì không phải vì bọn này đáng thương, nhưng chỉ vì các chủ-ông thừa sức để ban phát cho họ những thặng-dư của đời sống « tốt » của mình. Người

quý-tộc có bản-tính ngang-tàng, kiêu-hãnh. Chư thần đã đặt trong ngực họ một quả tim sắt đá, cho nên một vị anh-hùng đã nói : « Lúc thiếu thời, ai đã không có quả tim cứng rắn, thì không bao giờ sẽ có nữa ». Những người theo luân-lý này thực là khác xa với những thứ luân-lý tân-thời chuyên-môn giảng dạy từ-bi, xả-kỷ và vị-tha. Luân-lý chủ-ông xây trên tự-tín, tự-đại : họ là những người tôn-trọng kẻ hào-hùng.

Luân-lý nô-lệ thì ngược lại. Họ là những kẻ bị kiềm-chế, sống trong ức - hiếp và đau-khổ. Họ là những tâm-hồn nhu-nhược, hèn yếu, mệt mỏi. Nhưng họ cũng lập ra một bảng giá-trị riêng cho họ, xứng hợp với hoàn-cảnh sinh-hoạt của họ. Con mắt của kẻ nô-lệ luôn luôn sợ cái oai-phong của người Hùng, sợ những nhân-đức của chủ-ông. Kẻ nô-lệ chỉ miễn yêu những gì có khả năng xoa dịu nỗi thống-khổ của họ : vì thế họ lập ra những nhân-đức nô-lệ như đức nhẫn-nại, đức khiêm-tốn, đức từ-bi. Trái lại tất cả những nhân-đức của chủ-ông đều trở thành mối lo sợ cho họ. Họ cho là « xấu » tất cả những gì có tính-chất hùng-mạnh, đáng ghê-sợ.

Tóm lại, theo luân-lý nô-lệ, thì « người xấu » tức « người ác » là người làm cho kẻ khác kinh-sợ ; trái lại, theo luân-lý chủ-ông, thì « người tốt » là người được kẻ khác kính sợ và làm cho bọn lê-dân kinh-khiếp, còn « người xấu » là người đáng khinh-bĩ ». (*Par de là le Bien et le Mal*, aphor. 260).

Nguyên những dòng trên đây cũng đủ vạch cho ta thấy Nietzsche muốn đi tới đâu. Một khi đã coi tất cả

những gì là cường-bạo và tự-quyết là đặc-điểm của luân-lý chủ-ông, tức luân-lý người Hùng của ông, nhất-định chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy ông coi dân La-mã (les Romains) là tượng-trưng cho tinh-thần chủ-ông, và dân Do-thái (les Juifs) là tượng-trưng cho tinh-thần nô-lệ. Trong cuộc đọ sức đó giữa nền luân-lý người Hùng và luân-lý người bị-trị, ai đã thắng và ai đã bại ? Nietzsche trả lời : « Dân La-mã và một nửa loài người trên thế-giới đã phủ-phục trước những giá-trị Do-thái ». Nghĩa là Đế-quốc La-mã hùng-cường và chiến-thắng đã chấp nhận những giá-trị luân-lý của một dân hèn-kém và bị-trị, tức dân Do-thái. Nietzsche coi việc dân Tây phương nhất là dân La-mã theo đạo Da-tô là khúc ngoặt của lịch-sử, chấm hết thời-kỳ của những người Hùng. Cho nên, ngày nay ai muốn phục-hồi tinh-thần anh-dũng và ngang-tàng của người Hy-La, tất cần phải gột rửa nhân-loại cho sạch hết mọi vết tích của luân-lý nô-lệ kia.

Tại sao Nietzsche căm-thù các tôn-giáo, nhất là Do-thái-giáo và Da-tô-giáo ? Thưa vì ông nghĩ rằng tôn-giáo là sản-phẩm của những kẻ bệnh-tật, hèn yếu ; những kẻ này vì không thể hưởng được những giá-trị đích-thực của đời này, cho nên mới tạo ra những giá-trị siêu-việt của đời sau. Giọng nói của Nietzsche thực là hằn-học. Ta thử nghe một đoạn :

« Đau-khổ và bất-lực : đó là căn-nguyên đã sinh ra những « đời sau ». Đó là hạnh-phước của con người đau-khổ quá.

Sự mệt-nhọc muốn nhảy một cái đến tận-cùng : chính sự mệt-nhọc này

NIETZSCHE ÔNG TỔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

đã tạo nên các thần-linh và các thiên đàng đời sau...

Chính những kẻ bệnh-tật và những kẻ ốm-yếu đã khinh chê thần-xá: và trái đất này; họ đã tạo ra những sự trên trời...

Zarathoustra rất khoan dung đối với những kẻ bệnh tật đó. Ngài không giận vì cách họ tự an-ủi như vậy, và chỉ cầu cho họ khỏi bệnh và tự tạo cho họ một thần-xác cường tráng!

Hãy nghe tiếng nói của một thần-xác lành-mạnh: đó là một tiếng nói chân thành hơn và trong sạch hơn. Thần-xác lành-mạnh nói một cách thành-thực hơn và trong-sạch hơn: nó nói về ý-nghĩa của trái đất này. (*Ainsi parlait Zarathoustra*, trad. H. Albert, Mercure de France 1932, p. 39-42).

Ainsi parlait Zarathoustra (Zarathoustra đã nói thế) là một trong những tác-phẩm nổi bật của Nietzsche: Nietzsche dùng miệng Zarathoustra để mặc-khải những chân-lý mới của luân-ý người Hùng. Zarathoustra là vị thánh-hiền thuộc dòng máu Arya, đã sống trên đất Ba-tư (Perse) hồi thế kỷ VI trước Tây-lịch; ông đã giảng một thứ đạo gần giống với đạo Balamôn của Ấn-độ. Sở dĩ Nietzsche muốn dùng miệng Zarathoustra để dạy tôn-giáo Người Hùng của ông, vì Nietzsche cũng tự xưng là dòng giống Arya; và ông nghĩ rằng chỉ dòng giống Arya là cao-thượng và hùng-tráng.

Trở lại những lời phê-bình trên đây của Nietzsche, ta thấy ông trách các tôn-

giáo đã phủ-nhận những giá-trị của hiện-sinh, và đã mê-hoặc lòng người bằng cách nêu cao những giá-trị của cuộc hậu-thế. Đọc đi đọc lại những trang sách của Nietzsche, người ta thấy ông tố-cáo các tôn-giáo đã phóng-thể con người bằng cách làm con người bỏ việc khai-thác những giá-trị của cuộc đời hiện nay để chạy theo những giá-trị của một cuộc đời sau xa vời. Chưa đến lúc chúng tôi phê-bình Nietzsche, và muốn phê-bình đúng-đắn, trước phải trình bày đích-xác đã. Vậy điều mà Nietzsche, chỉ-trích gay-gắt nhất nơi những người con đạo là họ sống ở đời như người ngồi chờ chết, không hành-động chi hết, và còn tránh tất cả mọi hành-động khả dĩ phát-triển con người của họ nữa. Nietzsche thường hỏi họ sống như thế làm chi? Và ông đã chế nhạo cái mẫu đạo-đức tiêu-cực của họ bằng một câu mỉa mai «Thực ra, nhiều khi tôi đã phải phì cười khi thấy bọn bệnh-tật kia: họ nghĩ họ tốt lành chỉ vì chân tay họ bất toại» (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p. 165: «En vérité, j'ai souvent ri de ces débilés qui se croient bons parce que leur patte est infirme»).

Quay đi quẩn lại, Nietzsche vẫn chỉ trách các tôn-giáo và các nền luân-lý cổ-truyền về tội miệt-thị những giá-trị hiện-sinh; không những không khuyến khích con người phát-triển những khả-năng của mình, các tôn-giáo và luân-lý cổ truyền còn gieo kinh-hãi và bạc-nhược vào tâm-hồn con đạo, làm cho họ sống mà như bị tê-liệt bởi định-mệnh. Nietzsche cho rằng các nền luân-lý cổ-truyền không nhằm những giá-trị hiện-sinh, nghĩa là không nhằm phát-triển những đức-tính của con người tại thế, nhưng chỉ nhằm phát-triển những đức-tính có mục-đích chế-chối và ghét bỏ cuộc hiện-

sinh. Tóm lại các tôn-giáo cũng như nền luân-lý cổ-truyền mắc vào tội «yếm thể» không biết chân nhận những giá-trị của cuộc sống hiện nay tức cuộc sống tại thế: đối với những người «yếm thể» đó, Nietzsche bảo rằng thà họ đừng sống nữa, vì sống để chờ chết như thế là sống thừa. Nietzsche đã thổ lộ tâm-can của ông tro g một chương dành cho «những người khinh thân-xác» :

«Tôi muốn nói một lời với những người khinh chê thân-xác : họ không cần thay đổi lời giảng dạy, nhưng họ nên từ-biệt thân-xác họ, và như vậy là họ trở thành câm.

Đứa trẻ nhỏ nói : « Tôi là xác và hồn ». Tại sao người ta không nói như các trẻ ?

Con người đã tự-giác và đầy ý-thức sẽ nói : «Tôi chỉ là thân-xác mà thôi... Thân-xác là cả một hệ-thống bao la của lý-trí, một cái chi vô-cù g phức-tạp mà lại có ý-nghĩa duy-nhất».

Giác-quan và trí-tuệ chỉ là những dụng-cụ và trò chơi : đằng sau chúng còn có bản-ngã. Chính bản-ngã xem bằng những mắt của giác-quan và nghe bằng những tai của tâm-trí.

Này người em nhỏ, đằng sau những tâm-tình và ý-tưởng của em, còn có một chủ nhân hùng-bậu và khôn-gnoan, ít ai để ý tới : tên ông là bản-ngã. Ông cư-ngự trong xác em, và ông là xác em đó ». (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p 43-44).

Tôi là xác và hồn : lần đầu tiên người ta được nghe những câu như thế. Hơn

nữa, Nietzsche đã viết trên đây rằng : « Tôi chỉ là thân-xác mà thôi », câu này dẫn chúng ta tới những quan-niệm về tư-thân (*corps propre*) của Gabriel Marcel và Merleau-Ponty khi hai triết-gia này viết : « Tôi là xác tôi ».

* *

Vì tha-thiết với hiện-sinh và muốn người đời truy-nhận những giá-trị vô song của cuộc đời ; vì muốn dạy người đời đừng mơ mộng và bỏ phí cuộc hiện sinh, cho nên Nietzsche mới phát lên những tiếng kêu ai-oán. Vì nghĩ rằng triết Duy-niệm và các tôn-giáo đã mắc tội phóng-thể con người, làm con người phủ-nhận một cách vô-lý tất cả những giá-trị cao-quý của cuộc hiện-sinh để thu hình vào trong một thể thụ-động, cho nên Nietzsche mới văng ra những lời thóa-mạ hằn-học như thế.

Trong lời lẽ của Nietzsche, những học giả say-mê Nietzsche nhất như Ch. Andler cũng phải nhận rằng có rất nhiều chỗ thái quá và bất-công, nhiều ý-tưởng hay chen lẫn với những mầm-mống tàn-ác và vô-nhân-đạo.

Trên đây chúng tôi mới làm xong nửa phần công-việc trình bày học-thuyết Nietzsche, tức mới làm xong phần phê-bình của Nietzsche đối với những giá-trị cổ-truyền mà thôi. Trong số tới, chúng tôi sẽ mời độc-giả đi sâu vào phần xây-dựng của triết học Nietzsche : *Ý-chí hùng-cường* và *Con Người Hùng* của Nietzsche. Sau đó chúng tôi sẽ đưa ra những nhận xét về những cái hại và những cái lợi của triết-học Nietzsche.

TRẦN - HƯƠNG - TỬ.

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIETNAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm-Nghĩ

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

BẢO-VỆ THIẾU-NHI

Trần-thúc-Linh

TỪ sau cuộc thế-chiến thứ hai, thiếu nhi phạm pháp đã lan tràn tại nhiều nước trên thế giới.

Tính cách trầm trọng của nạn thiếu nhi phạm pháp tại một vài nước đã khiến cho nhà cầm quyền trong nước tìm các biện pháp đối phó đã đành, cơ quan Liên Hiệp Quốc cũng phải lưu tâm đến vấn đề. Năm 1955, một hội nghị hoàn cầu đã nhóm họp tại Genève, tháng 12 năm 1957 một hội nghị thứ hai dành cho các nước Á châu và Đông Nam Á họp ở Đông-Kinh để nghiên cứu đến vấn đề thiếu nhi phạm pháp.

Các nhà chính trị, luật gia, xã hội học, các cơ quan từ thiện, giáo dục, từ hơn mười lăm năm nay đã đặc biệt quan tâm đến vấn đề và thực hiện nhiều sáng kiến tốt đẹp. Nhưng nạn thiếu nhi phạm pháp vẫn càng ngày càng bành trướng.

Theo tờ Nữu-Uớc thời-báo xuất bản ngày 27-4-1959, tại nước Mỹ, từ 1949 đến 1957 số thiếu nhi phạm pháp từ 10 đến 17 tuổi đã tăng lên 250%. Theo cái đà này, không bao lâu, số trẻ phạm pháp ở Mỹ sẽ đến con số 2 triệu theo một tài liệu của tiểu ban điều tra Thượng nghị viện Hoa Kỳ.

Tại Anh quốc, từ 1938 đến 1952, số trẻ phạm pháp đã tăng từ 55.511 đến 72.834

Tại Nhật-Bản số trẻ phạm pháp trong năm 1950 có tới 48.641.

Ở Việt-Nam Cộng hòa, trong khoảng 1955-1959, số trẻ phạm pháp do các tòa án xét xử đã tăng từ 1639 trẻ em lên tới 3638, tức là tăng gấp đôi.

Không phải tại các nhà cầm quyền không lưu ý đến vấn đề hay tại trẻ em thời nay càng ngày càng sa đọa.

BẢO-VỆ THIỀU-NHI

Có lẽ tại luật lệ các nước chỉ chú trọng đến những trẻ em đã hư hỏng, đã đi hẳn vào con đường tội lỗi mà lãng quên những trẻ em bị hắt hủi, bị hành hạ, những trẻ em ở vào tình trạng nguy hiểm về thể chất cũng như về tinh thần, những trẻ em có thể mỗi ngày đều tăng cường thêm đội binh thiếu nhi phạm pháp. Nếu — tin theo thông kê chính thức — số trẻ em phạm pháp ở Việt-Nam Cộng-hòa năm 1959 là 3638 trẻ; tất phải nhân lên gấp 10, gấp 20 hay hơn nữa mới hình dung được số trẻ lâm nguy. Vì vậy vẫn để bảo-vệ thiếu-nhi không nhằm cải hóa các trẻ đã phạm pháp mà chú trọng đến nhiệm vụ cứu vớt những các *trẻ lâm nguy*, các trẻ rất có thể, ngày mai, trở thành trẻ phạm pháp.

Thiếu-nhi lâm-nguy thường bỏ nhà, bỏ trường, bỏ xưởng, lang thang ở ngoài đường. Ở ngoài đường, các em này không thờ thần một mình coi người qua lại, ngắm các tủ hàng mà thường tụ-hợp với các trẻ khác cùng một tâm trạng. Đó là đội quân trừ bị của các đảng teenagers tại Mỹ, Teddy - boys ở Anh, Taizo - zoku ở Nhật, Hooligans tại Nga v.v... Bị hắt hủi tại gia đình, cảm thấy bơ vơ giữa cha mẹ, các thiếu nhi lâm nguy tìm thấy ở chồn anh em một tình bạn khăng khít, một sự chở che đùm bọc. Chúng thường ăn chung thức ăn, mặc chung quần áo, có những nhu yếu như nhau, những thắc mắc giống nhau nên dễ kết hợp chặt chẽ với nhau.

Các trẻ em này thường hay la cà tiệm trà, quán nước, phòng chụp bida, rạp chiếu bóng thường trực.

Nếu có những bè lũ kết hợp ở những xóm lao động, ở những khu ổ chuột cũng có những đảng gồm những con nhà tử tế. Dù ở giai tầng xã hội nào, các thiếu nhi lâm nguy cũng hầu như đồng một tâm trạng: oán ghét xã hội người lớn, không tin tưởng vào ý-nghĩa cao đẹp của cuộc đời, chán nản, căm hờn trước những bất công xã hội, muốn được diu dặt nhưng không có gương mẫu để theo nên tự tạo ra những mẫu người tiêu biểu cho thế hệ bằng những nhân vật do các tài tử màn bạc đóng.

James Dean trong cuốn phim « Thiếu nhi nổi loạn », đề biện minh cho những hành động phản xã hội của mình, có nói : « Làm sao thiếu nhi có thể hành động tốt được khi mà trong xã hội người lớn đầy những gương xấu » đã hé mở nguyên nhân tạo nên lớp trẻ em lâm nguy.

Đành rằng các điều kiện kinh tế, xã hội, những nhà ổ-chuột, những chồn bùn lầy, những cảnh gia đình bất hòa, những tình trạng cha mẹ phải quần quật suốt ngày kiếm bữa ăn là những nguyên nhân khiến các trẻ em, đang độ cần hướng-dẫn, không có ai diu dặt, bị bơ vơ, phó mặc các gương xấu, phần nhiều do người lớn nêu lên, xâm nhập tâm hồn thơ ngây của đứa trẻ.

Nhưng nguyên nhân chính vẫn là lỗi ở cha mẹ. Có khi những kẻ làm

cha mẹ vốn tính ác, nên chỉ có thể bày ra những tấm gương xấu cho con cái. Phần lớn thái độ của các bậc cha mẹ thương là một thái độ từ chối nhiệm vụ rất thương tâm. Những người bị cùng quẫn về kinh tế, bị dày vò vì miếng ăn, còn hơi đau lo việc giáo dục con cái. Những kẻ chỉ cốt sống thân mình, muốn được rảnh rang để ngày này sang ngày khác bê tha rượu chè, mãi miết cờ bạc, say đắm dĩ bợm, hành lạc cho thỏa tính, nên đã từ bỏ nhiệm vụ làm cha mẹ. Cũng có người, nản nhàn những thuyết giáo dục tự do, những triết lý chủ trương dồn ép vào tiềm thức, nên sợ bắt trẻ con vào khuôn phép sẽ gây cho chúng những mặc cảm, những dồn ép nguy hại nên để con em phóng túng. Lại có cha mẹ vốn bị đau khổ vì một nền giáo dục quá nghiêm khắc nên muốn thả lỏng đàn con, không làm cha mẹ mà làm bạn bè, có ngờ đâu con em ta luôn luôn muốn cha mẹ, chúng là Thái-Sơn, Bắc-Đầu đối với chúng.

Ngoài hoàn cảnh gia đình, thái độ cha mẹ, còn ảnh hưởng tai hại của nhà trường với những lớp học quá chật chội, với những chương trình dành cho trẻ quá nhiều dễ dãi và giờ rảnh. Những biến cố dồn dập một cách mau chóng thay đổi hẳn nếp sống, đào sâu cái hồ giữa các thế hệ, sự bất lực của người lớn để giải quyết những vấn đề mới đặt ra, những trạng huống đảo điên cho ta cảm giác con người càng ngày càng

mất giá, sự bấp bênh của ngày mai xui khiến người ta mau mau hưởng lạc... tất cả những yếu tố đó xô đẩy thêm trẻ em vào đường nguy hiểm không ít.

Trong hoàn cảnh xã hội như trên đã phác họa, để bảo vệ các thiếu nhi lâm nguy, người ta nghĩ ngay đến các chương trình đại qui mô cải thiện đời sống của dân nghèo; thay thế các xóm nhà ổ chuột, bùn lầy nước đọng bằng những khu gia cư sáng sủa khang trang; nâng cao mức sản hoạt; làm giảm nạn thất nghiệp; mang lại sự an toàn kinh tế và xã hội; cắt thêm trường học; tổ chức thật nhiều nơi giải trí lành mạnh cho trẻ; tăng cường hoạt động các cơ quan y tế xã hội để săn sóc chu đáo hơn sức khỏe của thiếu nhi; bỏ trừ cờ bạc, rượu chè gái đĩ; hạn chế các ca lâu, tửu quán chớp bóng, nháy đêm.... Nhưng ở những nước mới độc lập, các chính phủ thường phải giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế cấp bách hơn nên mặc dầu có những chương trình cải tiến dân sinh mà thường sự thực hện không được liên tục kết quả thực tế không được là bao.

Lại có những người tưởng con mình được ăn học nơi tử tế, trông nom rất chu đáo nên hồ hững với vấn đề chung của dân tộc, có khi trong thâm tâm cho là không giải quyết nổi... Việc cấp bách là cho thấy cá nhân không trường tồn mà dân tộc mới vĩnh cửu, một số con em dù may mắn được giáo dục chu đáo

BẢO-VỆ THIẾU-NHI

cũng không sống được trong một xã hội đầy kẻ sa đọa lưu manh, chính vì quyền lợi hạnh phúc con em ta mà ta phải lo giáo dục những trẻ em chung quanh ta.

Một khi hàng thiện trí thức quan niệm được đúng đắn nhiệm vụ của mình, những công việc như giáo dục phụ huynh, cải thiện chương trình học đường, bài trừ sản phẩm đồi độc là những chuyện dễ dàng thực hiện.

Tuy nhiên, trong lúc chờ đợi, các liên-gia có thể tổ chức những cuộc sinh hoạt chung, trao đổi ý-kiến, gây mấm thân thiện, giúp nhau giải quyết các vấn đề giáo dục con em. Ở Mỹ, ở Pháp, ở Nhật, những tổ chức tương tự đã đem lại những kết quả rất tốt đẹp.

Về vấn đề pháp lý, hiện thời ta chỉ có mấy điều khoản ở hộ luật truất quyền làm cha, vài điều khoản hình luật trừng phạt những cha mẹ hành hạ con cái và đạo luật ngày 3-7-1958 thiết lập tòa án thiếu nhi để xử các trẻ em phạm pháp. Rõ ràng chỉ quanh quẩn ở vấn đề trừng phạt và cải hóa các thiếu nhi đã tội lỗi còn việc bảo vệ những trẻ bơ vơ, những trẻ bị hành hạ, những trẻ đang lâm nguy, thì thiếu hẳn. Ở các

nước Âu, Mỹ, với đạo luật tổ chức tòa án thiếu nhi năm 1949 (Standard Juvenile Court Act) và luật ngày 23-12-1958 ở Pháp đã mở rộng thẩm quyền tòa án trẻ em để bao gồm tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe vật chất, tinh thần và tâm linh của các trẻ em chưa phạm pháp. Ta đã có một đạo luật gia-đình giải phóng hơn một nửa dân-tộc khỏi tập tục cổ-hủ, lẽ nào ta không có một bộ luật thiếu nhi bảo-vệ biết bao thế-hệ sau này.

Người ta thường ví một quốc-gia như một xưởng máy. Đuổi hết thợ, đóng cửa xưởng, ra sức dọn dẹp rác rưởi, lau chùi dầu nhớt cho sạch sẽ, việc ấy các quân-nhân nhiều nơi đã làm và làm được. Nhưng để xưởng hoạt động, giáo-dục cho thợ không xả rác, giữ gìn cho máy chạy không chầy dầy, các quân-nhân yêu nước thường nhường chỗ cho các nhà hành-chánh có khả năng. Còn đào luyện con em thợ thuyền để thay thế cha anh, lớp thợ mới lại có tài điều khiển những máy móc tinh xảo, mới thay, cho kịp những tiến-bộ là công việc của nhà chính-trị.

Tôi tin tưởng ở các vị dân-biểu của chúng ta là những nhà chính-trị có lập trường dân-tộc vững chắc.

TRẦN-THÚC-LINH

Nhà phê bình giỏi

Trong bài tựa tập *La vie littéraire*, Anatole France giải thích thế nào là một nhà phê bình giỏi :

— « Người phê bình giỏi là người thuật lại được những cuộc phiêu lưu của tâm hồn mình ở giữa các kiệt tác ».

MỘT ĐỊA HẠT VĂN CHƯƠNG MỚI :

loại tiểu thuyết khoa học dự-tưởng

NGUYỄN-TẠO-LÂM

TRONG chợ sách Tây phương hiện nay có một địa hạt tương đối mới mẻ và phổ biến : địa hạt tiểu thuyết khoa học dự tưởng hay hư tưởng (romans de science-anticipation, science-fiction). Xét cho cùng kỹ lý thì nó cũng na ná như loại tiểu thuyết thần kỳ kiếm hiệp của Tàu và ta trước đây vài mươi năm, nghĩa là nó cũng được xây dựng hoàn toàn trên những mơ ước, những tưởng tượng huyền hoặc vô lý nhất, miễn sao hấp dẫn và gay cấn, thu hút được người đọc. Nó không có giá trị văn chương nghệ thuật mấy. Nhưng nó đã dùng đến những phương tiện diễn đạt của văn chương, vậy chúng ta nên và có bốn phận nhìn và tìm hiểu nó.

Con người từ ngàn xưa vốn đã cảm thấy thế giới sinh hoạt bình

thường của mình chật hẹp và đáng chán lắm, chẳng còn gì mới lạ thú vị nữa. Trong lúc đó óc tưởng tượng phác họa ra trước mắt họ bao nhiêu cảnh huyền ảo, thần bí, mà họ có thể tham dự được, giả sử họ có thêm một quyền năng đặc biệt nào đó. Từ giả sử ấy, các tiểu thuyết gia xây dựng tất cả tiểu thuyết khoa học dự tưởng hay hư tưởng của họ. Cũng như trước đây tác giả các truyện kiếm hiệp đã giả sử có những sự tu tiên luyện kiếm thần tình đem lại cho con người nhiều sức mạnh và quyền phép ; thì ngày nay các tiểu thuyết gia loại khoa học dự tưởng hay hư tưởng cũng giả sử con người có thêm một quyền lực mới do khoa học cung cấp ban phát cho.

Nhưng oạ tiểu thuyết này khá hơn loại kiếm hiệp một bậc, vì cái

LOẠI TIỂU THUYẾT KHOA HỌC DỰ TƯỞNG

giả sử đầu tiên thường dựa trên một vài khám phá mới mẻ, hay một vài giả thuyết khoa học có căn cứ. Chẳng hạn các đài thiên văn đưa ra giả thuyết rằng những tinh cầu khác cũng có bầu dưỡng khí hơi giống địa cầu, thì cũng có thể có những sinh vật, và loài người trên đó. Thế rồi tiểu thuyết gia mới nắm ngay lấy giả thuyết kia làm sự thật và xây dựng một thế giới mới, một nhân loại mới kỳ lạ, trên tinh cầu mới. Và để thêm phần gây cần họ sắp đặt một vài cuộc gặp gỡ, giao tiếp trao đổi giữa hai giống người địa cầu, và giống người trên tinh cầu lạ. Đôi bên có thể xem nhau như thù nghịch, đánh giết nhau bằng những vũ khí kỳ lạ; hay may mắn thì bắt dây thân thiện với nhau, để xây dựng một vũ trụ kỳ ảo.

Dựa trên những tiết lộ của thuyết tương đối về thời gian và chuyển động, do Einstein nêu lên, có người có thể đem ra một giả sử mới: giả sử có người chế được một cái máy đi ngược chiều thời gian, trở lui về quá khứ, sống lại và chứng kiến lại đời sống hồng hoang...

Hoặc dựa trên những phát minh về hàng-không và hoá-tiến, và phi thuyền liên hành tinh, kẻ giàu tưởng tượng vội nghĩ ngay đến một cuộc du-lịch liên hành tinh, với những gặp gỡ kỳ ảo với một thế-giới khác.

Cũng có kẻ muốn đi sát với khoa-học. Một tiểu thuyết dự tưởng ký tên Lewis Padgett và có nhan đề

« Con người từ tương-lai mà đến » đặt ra một vấn-đề như sau: Nhân-loại đứng trước một trận chiến tranh tương-lai. Một nhóm bác-học vừa khám phá được một công-thức, một phương-trình toán học kỳ lạ, cần giải quyết và chính bị cấp thời, vì nó có thể đem lại cho nhân-loại sức mạnh tuyệt-đối để tự-vệ hay tiêu diệt địch thủ. Bao nhiêu nhà bác học cắm cúi vào phương-trình toán học ấy. Lần lượt họ ngã gục. Người thì bỗng nhiên mất thế quân bình tự nhiên và cảm thấy mọi vật đảo ngược. Người khác lại bỗng dưng có một quyền phép kỳ lạ làm tan biến tất cả những gì ông muốn cho tan biến. Người kia thì... Nghĩa là phương-trình bí mật kia có một ảnh hưởng, một sức mạnh huyền-bí và ghê gớm. Ai đến với nó thì hoặc chết gục, hoặc điên rồ, hoặc nắm được những quyền phép ghê gớm. Những tiểu-thuyết dự tưởng loại này có đôi chút giá trị ẩn dụ hay ngụ ý, hay tượng-trưng: khoa-học và kỹ-thuật cơ-giới cũng tương tự như phương-trình huyền-bí kia, có thể đem lại cho con người sự điên đảo hay quyền phép lớn lao, nhưng chỉ là quyền phép tiêu diệt hơn là quyền phép sáng-tạo và xây-dựng. Quanh một giả thuyết hay giả sử ấy, tiểu-thuyết gia xây-dựng lên một khung cảnh, một thế-giới, một câu chuyện, những nhân vật, những tình tiết, những gút mắc, những tháo gỡ ly-kỳ. Và thế là câu chuyện khoa-học dự tưởng thành hình.

Người ta có thể tự hỏi loại tiểu-thuyết khoa-học dự tưởng hay hư tưởng có phải là một bộ môn mới của văn-chương và nghệ-thuật thời đại hay không? Thật khó lòng trả lời. Nhìn vào địa hạt này người ta có cảm tưởng loại tiểu-thuyết khoa-học dự tưởng hay hư tưởng đang đề cập và giải quyết những vấn đề cũ kỹ mà văn-chương và nghệ-thuật cũ kỹ đã đặt ra và cố gắng giải quyết, bằng những phương-thức mới. Một thế-giới mới song song và đối xứng với thế-giới cũ của văn - chương nghệ - thuật cũ đã được xây dựng lên bằng những phương - thức mới của khoa-học dự tưởng. Trước hết cũng có loại tiểu-thuyết anh hùng nghĩa-hiệp, khai thác những đề-tài mạnh bạo, tạo nên một kiểu người hùng siêu nhân tương tự kiểu người hùng hiệp sĩ, cứu khốn phò nguy. Nhưng bây giờ cũng kiếm được thay thế bằng những vũ khí tối tân, kỳ lạ, những quang tuyến, những điện tuyến XYZ. Cũng có những tác phẩm tương tự như *Odyssée* của Hy-Lạp cổ, *Tam quốc hay Thủy hử* của Trung-Hoa, *Phù đồng Thiên vương* của Việt-Nam. Và cũng có những chàng trai trẻ tái ba nghĩa hiệp đem tâm huyết chống bạo lực, đề cứu giúp kẻ cô thế.

Đọc tác phẩm của Lewis Padgett (*L'aventurier de l'espace*) người ta tưởng chừng tác giả đã dùng câu chuyện của chàng *Ulysse Hy-Lạp* làm kiểu mẫu. Nhưng ở đây những

hải đảo thần bí được thay thế bằng những vũ trụ, và những tinh cầu. Chàng anh hùng mới của cuộc phiêu lưu liên hành tinh không còn đi từ hải đảo này sang hải đảo kia, thì lại đi từ tinh cầu này sang tinh cầu khác. Chàng cũng mang một cái nghiệp dĩ bất công, bị đưa đẩy bởi một sức mạnh huyền bí nào đó, không bao giờ dừng chân yên nghỉ được. Chàng cũng được an toàn thoát khỏi mọi nguy hiểm và mọi cạm bẫy, chiến thắng tất cả mọi địch thủ. Người ta có thể xem tập sách trên như một sách cổ điển của loại văn chương khoa học dự tưởng.

Cũng có loại văn chương khoa học dự tưởng ủy mị, lâm li, tình tứ. Ở đây khoa học chỉ là cái nền để cho đôi ba anh chị yêu nhau, dùng sức mạnh khoa học để đạt đến tình yêu, hay giết chết tình địch. Cũng có những pha gây cấn, thoát y, mê ly, rùng rợn, trong một bối cảnh khoa học. Cũng có những sự chen lấn của một tình địch, hay một người cha khát khe.

Và cũng có loại luận đề. Tác giả lồng vào câu chuyện một giả thuyết táo bạo, và phần lớn thiếu căn cứ, cốt giải thích một bí mật vũ trụ nào đó. Một cuốn mang nhan đề « *Au delà de l'infini* », ký tên Jimmy Guieu, tác giả nêu lên một giả thuyết: tất cả các vũ-trụ-hệ là một hệ thống duy nhất, song động, nói cách khác, tất cả mọi tinh cầu trong bao nhiêu vũ-trụ-hệ (galaxie) hợp thành một sinh vật, một con người, và là một người,

LOẠI TIỂU THUYẾT KHOA HỌC DỰ TƯỞNG

đàn bà không lớn. Cũng như xác con người gồm những tế bào vốn là một thứ sinh vật nhỏ, một thứ thái dương hệ hay vũ trụ hệ tí hon hợp thành. Và trong con người cũng có những thứ sinh vật thù nghịch, giết hại nhau. Thỉ trong cái hệ thống rộng lớn bao trùm tất cả các vũ trụ-hệ trong không gian, và hợp thành một con người, cũng có những thế giới, những nhân loại, những vũ trụ chen chúc sinh sống.

Đối với loại tiểu thuyết khoa học dự tưởng, giả thuyết làm nền cho câu chuyện không cần lắm miễn là tác giả biết khéo léo dựng nên bối cảnh và câu chuyện sao cho chặt chẽ, hợp lý, một khi đã đặt ra những giả thuyết nền tảng. Cái lý ở đây không là cái lý bình thường của ta, mà chỉ là cái lý của câu chuyện.

Đại để có hai loại bối cảnh cho văn chương khoa học dự tưởng : bối cảnh mặt đất, bối cảnh vũ trụ. Sự khác biệt giữa hai loại không đáng kể. Chúng chỉ khác biệt nhau ở tầm độ tác động và sinh hoạt mà thôi. Một bên thì nằm trong một biên giới không gian là địa cầu. (Thường không có biên giới thời gian). Một bên thì gần như không có biên giới không gian, hay đúng hơn biên giới đó đã được mở rộng vô cùng tận, nên có thể cảm như không có. Chúng giống nhau ở điểm bao giờ con người cũng là trung tâm và chủ thể của hai khung cảnh ấy. Tất cả được tạo dựng nên vì con người, đặt dưới quyền điều khiển và xử dụng của con người.

Vấn đề là con người có cảm nắm được cái phương thức huyền diệu để điều khiển và xử dụng hai thế giới kia không ?

Sự thật loại văn chương khoa học dự tưởng không hoàn toàn vô căn cứ, vô giá trị, chỉ dựa lên óc tưởng tượng phong phú của một vài tiểu thuyết gia sắp mang chứng loạn óc. Nó có những nguyên nhân chính đáng và sâu kín trong tâm hồn và trí thức con người. Trước mặt chúng ta khoa học đang biến đổi khung cảnh sinh hoạt, thay hẳn bộ mặt cả một thế giới, hứa hẹn những phép lạ kỳ diệu ; bất kỳ phép lạ đó có thể hữu ích hay tai hại. Và con người thấy vậy tự hỏi trong một thế giới khoa học tương lai, chính con người đứng vào chỗ nào ? Chỗ thứ nhất, hay hết ? Chủ nhân hay nô lệ ? Tướng lãnh hay thần thuộc ? Văn chương khoa học dự tưởng là những nỗ lực khám phá và đề nghị các câu trả lời cho những thắc mắc trên. Darwin đã nêu lên thuyết tiền hóa Lamark, Geoffroy de Saint-Hilaire cho rằng sự tiền hóa sẽ diễn ra theo từng đợt nhảy vọt, theo những biến dịch (mutation brusque) bất ngờ, hơn là bằng lẽ lồi tiền hóa liên tục và trường kỳ. Từ những ý nghĩ này, một văn sĩ của loại văn chương khoa học dự tưởng là Theodore Sturgeon nêu lên câu hỏi : cái gì đến kế tiếp và thay thế con người ? Cuốn « Les plus qu'humains » đem ra một kết quả của cuộc biến dịch từ con người : một giống người mới kỳ lạ, hỗn hợp bằng nhiều người ; và trong

con người hỗn hợp to lớn, mỗi người nhỏ là một cơ quan, người thì làm đầu, người thì làm tim. . . Có văn sĩ khác lại nêu lên ý nghĩ này: để ứng phó với những nhu cầu tương lai trong một thế giới khoa học phức tạp, cần nhiều bàn tay, nhiều đầu óc, nhiều mắt mũi trong một con người (để điều khiển được nhiều nút điện của các máy móc phức tạp) người ta sẽ ảnh hưởng đến bào thai bằng những quang tuyến, và tạo nên một giống người « ba đầu sáu tay, sáu con mắt ». Một thí dụ khác cho công cuộc biến dịch bất ngờ: sau loài người sẽ đến loài chó làm chủ địa cầu, trước khi quyền bá chủ giao về các người máy. (Xin xem « Demain des Chiens, của Simak) Qua những câu chuyện hoang đường ấy chúng ta nhận thấy sự sợ hãi của con người đối với một đe dọa đang thành hình: máy móc thoát khỏi quyền chi phối của con người đạt đến một độ hoạt động độc lập, sẽ phản lại con người, và thống trị con người sau này.

Nếu xét theo quan điểm, và trên khía cạnh này, văn chương khoa học dự tưởng có một giá trị đạo đức và nhân bản khá cao: nó nói lên những lo sợ, những thắc mắc xa xôi của con người trước một thế giới đang biến đổi nhanh chóng do khoa học. Và con người sợ khoa học sẽ như con ngựa chướng khó lòng điều khiển, có thể mang cỗ xe nhân loại xuống vực diệt vong. Thực ra nỗi lo sợ này rất có lý, và có thể nói là nó đang được thực hiện,

chứng nghiệm dần dà. Chỉ có điểm này có thể gọi là hư tưởng hay dự tưởng: bởi cảnh khoa học trong tiểu thuyết và văn chương dù cho có được thực hiện trong một tương lai mơ hồ, cũng còn quá xa xôi; và văn sĩ đã phóng đại những đe dọa, cũng như những thực hiện, những phát minh của khoa học lên một tầm rộng ghê gớm. Tự nó, nỗi lo sợ được diễn tả trong loại văn chương khoa học dự tưởng rất hữu lý. Đó là nỗi lo sợ của con người trước một sức phát triển khoa học kinh hoàng. Cũng là nỗi lo sợ của con người trước những chân trời bí hiểm và mệnh mông mà khoa học mở rộng ra trước mắt con người.

Có những văn sĩ khác lại lo sợ rằng ngày mai trong một thế giới và vũ trụ đã biến đổi con người vẫn như cũ, vẫn giữ lấy những tâm tính, những thái độ, những đạo đức cũ và như thế tất sẽ khổ sở trong một thế giới không còn thích hợp. Hai đàn anh trong loại này là Van Vogt và Isaac Asimov. Con người tuy cảm nắm được những quyền lực ghê gớm, lại vẫn bám víu vào một tâm lý hẹp hòi, có những kỳ thị những thù ghét nhỏ nhen, và do đó chỉ biết dùng quyền lực giết hại lẫn nhau một cách ghê gớm hơn mà thôi.

Một khuynh hướng lạc quan duy nhất do một văn sĩ đại diện là Ray Bradbury, lại tin rằng mặc dầu con người sẽ gặp bao nhiêu khó khăn trong một thế giới và một vũ trụ

LOẠI TIỂU THUYẾT KHOA HỌC DỰ TƯỞNG

tương lai, sẽ có những đe dọa do những quái vật máy móc hay những quái vật từ các hành tinh khác đem lại, nhưng cuối cùng một số người ưu tú vẫn có thể thoát được, và xây dựng một nhân loại mới tốt đẹp. Đây là một điểm đáng chú ý : giữa bao nhiêu khuynh hướng bị quan rãi rác trong loại văn chương khoa học dự tưởng, lóe lên một khuynh hướng tươi sáng, tin tưởng, hy vọng. Bradbury cũng có thể được xem như một Voltaire mới, nêu lên phương châm, tất cả đều tốt đẹp trong một thế giới tốt đẹp hoàn hảo nhất.

Loại văn - chương khoa - học dự tưởng, như chúng ta vừa xét qua, là lời nói của sự sợ hãi, hoang mang của con người trước một thế-giới lạ, trước những bí mật mà khoa học đã, đang hay sẽ mở ra trước mặt con người. Nhưng nó không những là lời nói của sự sợ hãi và hoang mang, nó còn là một bài trường ca tán tụng những công nghiệp cùng những cò găng của con người để quá quyết sự hiện hữu của mình trên địa-cầu và trong vũ-trụ. Thật vậy một khi chúng ta đã chấp nhận rằng tâm trạng nhân-loại hiện nay là sợ hãi, hoang mang ; khung cảnh khách quan đã bị khoa-học và kỹ-thuật biến đổi đột ngột và bất chấp những nguyện ước của con người ; đời sống xã-hội đã bị chuyên-môn hóa thái quá để chạy theo lý-tưởng duy khoa - học ; con người đứng trước trạng huống này có thể chọn

một trong hai thái-độ : buông trôi phó mặc những lực lượng vượt quá tầm tay của con người, nhận lấy cái nghiệp một cách nhẩn nhục và im lặng, hay là can đảm phản kháng, tìm lối thoát, chiến đấu đến giây phút cuối cùng. Văn-chương khoa-học dự tưởng đã gán cho con người thái-độ thứ hai. Chúng ta thấy những nhân-vật trong truyện tuy biết kết cuộc không tài nào thoát khỏi cảnh tận diệt chung của vũ-trụ, vẫn lì lợm, can trường tranh đấu, nỗ lực, tìm lối thoát bằng mọi cách và ở mọi ngõ. Như thế văn-chương dự tưởng đã đặt con người rất cao trong hệ - thống đạo - đức, đã tin tưởng vào ý thức hướng thượng của con người.

Và đứng trước tình trạng ấy người ta có thể nêu lên hai giả thuyết trái ngược : hoặc con người bất xứng với xứ mạng của mình, và bất lực, cuối cùng sẽ thất bại toàn diện, bị tận diệt thảm thương ; hoặc con người sẽ vượt qua được khó khăn, chiến thắng được nghịch cảnh và các địch thủ. Không hiểu vì lý-do nào, nguyên-nhân nào, văn-chương khoa-học dự tưởng đã chọn giả thuyết thứ hai để tiên đoán vận mệnh con người. Có thể rằng dựa lên những sự kiện đen tối hôm nay, hy-vọng ít hơn thất vọng, lâm lạc nhiều hơn nỗ lực ? Tuy nhiên tâm trạng bi quan này không đến nỗi tuyệt đối. Nếu nó giả thiết con người sẽ thất bại, thì bao giờ nó cũng kèm thêm một giả thiết khác là con người vẫn nỗ lực chiến đấu

với những nghịch cảnh cho đến giờ phút cuối cùng. Đó là một vinh dự lớn lao : còn tin tưởng ở thiện chí của con người. **Vậy có thể cho rằng văn-chương khoa-học dự tưởng là một thứ văn chương bi quan, nhưng không phản luân-lý và đạo-đức, trái lại còn có nhiều luân-lý và đạo-đức. Về nghệ-thuật, nó cũng không phải là không giá-trị. Nó đã tạo nên được những thề-giới văn - chương riêng biệt, độc đáo, với những thần-thoại, những điển tích, những lẽ lời của nó. Nó giúp con người làm quen với những phát triển khoa học và kỹ thuật một cách thích thú và dễ dàng. Nó là bài thơ, là một bức tranh siêu thực diễn tả nỗi sợ hãi và hoang mang của con người trước một thế giới lạ, chưa tìm được phương thức chế ngự và chung sống với thế giới ấy và những quái vật của nó. Đồng thời nó còn có tham vọng phổ biến khoa học và bình dân hóa những địa hạt bí hiểm của khoa học. Thực ra nó không xa cách với khoa học như người ta có thể tưởng. Mọi dự liệu, mọi chương trình khoa học, mọi giả thuyết khoa học mới, đều có vẻ là những giấc mơ huyền hoặc. Chiếc tiềm thủy đình kỳ lạ không chạy bằng than đá và hơi nước của Jules Verne, cũng như phi đạn lên cung trăng của ông, ngày nay đã được thực hiện trong các tiềm thủy đình nguyên tử, và các phi đạn liên hành tinh đang được chế tạo. Mặt khác loại văn chương này còn là một lối thoát hơi an toàn cho trí tưởng tượng và có phiêu lưu mạo hiểm của con**

người luôn thêm khát của mới lạ. Phần lớn, nó thuộc về một loại văn chương lành mạnh và đạo đức, vô hại.

Sau khi đã nêu lên những nhận xét này, chúng ta có thể tự hỏi loại văn chương khoa học dự tưởng này có thể khoác một bộ mặt mới, và nhận lấy một sứ mạng mới hay không ? Nói cách khác, có nghĩa là nó có thể đi sát hơn vào thực tế và khoa học. Rất có thể. Nhưng người ta sợ nó sẽ mất đi nhiều phần thú vị và hấp dẫn, vì nó không thỏa mãn óc tưởng tượng vô kỷ luật của con người nữa. Chẳng khác nào đòi hỏi loại tiểu thuyết kiếm hiệp phải đúng với lịch sử và thực tế ? Đó chỉ là một trong những lý do. Chúng ta đã thấy thủy tổ chính đáng nhất của loại văn chương này là Jules Verne bao giờ cũng dựa sát theo các tài liệu khoa học chính xác đương thời để xây dựng câu chuyện của ông. Và câu chuyện đó không vì thế mất phần hào hứng. Vậy nếu loại văn chương khoa học dự tưởng có thể đi sát với thực tế và khoa học, nó sẽ vô cùng hữu ích, và trở nên những dự liệu, những tiên đoán có căn cứ về tương lai nhân loại.

Nhìn vào văn chương nước nhà chúng ta thấy thiếu vắng loại văn chương khoa học dự tưởng. Thịnh thoảng cũng có đôi ba câu chuyện lẻ tẻ được xây dựng trên khoa học dự tưởng, nhưng một cây quả thật làm chẳng nên non. Đó là trường hợp câu « chuyện ba người lính nhảy dù lâm nạn » của Nguyễn-Mạnh-Côn, Ốc tưởng tượng của người Việt vồn

LOẠI TIỂU THUYẾT KHOA HỌC DỰ TƯỞNG

khá phong phú, vì vậy sự thiếu vắng này do nguyên nhân nào? Đáng lý loại văn chương này phải vô cùng phong phú để đền bù những thua thiệt hiện tại? Cũng có đôi ba câu chuyện của Phi-long, nhưng ở đây phần khoa học chiếm tỉ số nhẹ. Bởi cảnh lòng lẻo. Phải chăng hiện tượng này muốn nói lên rằng dân tộc Việt chưa thể làm quen được với khoa học và khung cảnh mới lạ của nó?

Đứng trên quan điểm văn chương và nghệ thuật mà nhìn vào loại văn chương khoa học dự tưởng chúng ta có những cái mong và cái lo: lo loại văn chương này bị con buôn đầu cơ, và biến nó thành một phương tiện làm tiền, câu thị hiếu sỗ động, đầu độc óc tưởng tượng; mong cho loại văn chương khoa học dự tưởng trở nên một môn bộ đặc sắc của văn chương diễn đạt được những sợ hãi và hoang mang, và mơ ước của con người trước một tương lai mờ mịt. Hiện nay về phẩm loại văn chương

khoa học dự tưởng bị con buôn đầu cơ thắng thế. Nhưng cái thắng thế nhất thời này không đáng sợ lắm, một khi chúng ta và người đọc có thể phân biệt được. Giữa một câu truyện khoa học dự tưởng có giá trị văn chương nghệ thuật, do những ngòi bút tên tuổi đứng đầu viết ra, và thứ văn chương khoa học dự tưởng câu tiền, sự cách biệt rất xa và ai cũng nhận thấy sự cách biệt đó. Như vậy là điều đáng mừng.

Hiện nay nhiều người cảm bực lo sợ thiếu đề tài mới lạ, và cạn nguồn cảm hứng, vấp phải những lời điếu cữ. Thì đây, một địa hạt mới mẻ, trống hoang, mặc tình khai thác. Người viết những dòng này mong sao sớm bắt gặp những tác phẩm giá trị trong loại văn chương trên, và bên cạnh những tác phẩm văn chương cổ điển, có thể sắp thêm vài ba tác phẩm của loại văn chương mới này.

NGUYỄN-TẠO-LÂM

Một lời phê bình Edgar Poe

Maurice Pollinat phê bình Edgar Poe :

— « Edgar Poe bởi không muốn làm thiên thần cho nên quyết làm ma quỷ; ông không ca ngợi con họa mi mà lại ca ngợi con quạ; và trong viên ngọc của Hung ác và của quái đản, ông khắc nên được giấc mơ của ông với một vẻ diễm lệ thật đáng hãi hùng ».



ENOS trước giờ khởi hành
trước những dụng cụ kiểm tra

HÀNH TRÌNH CỦA ENOS

VÕ-QUANG-YẾN

HÔM 29-11-61, lần đầu tiên Mỹ bắn vệ tinh nhân tạo có mang theo một sinh vật : con khỉ Enos.

5 tuổi rưỡi, cân nặng khoảng 17 ki lô, cao 95 phân, Enos là một con khỉ đực quê ở Camerun, được chở qua Mỹ từ 18 tháng nay. Điềm tĩnh và yên lặng, gần như tâm ngảm, Enos đã được lựa chọn trong số 5 con khỉ khác (4 đực, 1 cái, trong số ấy có con Ham đã từng bay trong một cuộc bắn xạ thuật và con Rocky sẽ thay thế Enos nếu có gì bất trắc trước giờ khởi hành) nhờ có đủ điều kiện sức khỏe và nhất là rất mau lẹ trong vận động phản ứng.

Vệ tinh thuộc loại Mercury được một hỏa tiễn Atlas bắn ra khỏi quả đất. Lúc khởi hành, tổng số trọng lượng là 125 tấn mà nhiên liệu đã chiếm hết 120 tấn.

Như mọi lần khác, các nhà báo cùng nhiều nhân viên cao cấp đã được mời lại Cap Canaveral (Floride) để dự kiến cuộc khởi hành. Trước giờ đốt hỏa tiễn, tiếng đếm thụt lùi trong loa làm hồi hộp biết bao quả tim. 19 giây trước giờ đã định, tiếng đếm bỗng ngừng bật. Mọi người lo sợ ngày giờ bắn phải hoãn lại 24 tiếng đồng hồ. Trong những công tác quan trọng như thế này, vì một cơ quan trong hỏa tiễn bị hỏng hay vì thời tiết không hiểu đủ điều kiện, hoãn lại một vài ngày là sự thường. Nhưng trước nỗi xôn xao của các khán giả, 10 giây trước giờ bắn, tiếng đếm lại vang lên. Đến nay người ta vẫn chưa có cho biết lý do việc ngừng đếm kia.

10 giờ 06 phút (giờ địa phương)
Dưới chân hỏa tiễn, lửa khói bắt đầu

HÀNH TRÌNH CỦA ENOS

phun ra trong một tiếng động rầm trời 2 phút sau, hỏa tiễn dần dần rời mặt đất, cho thoát ra đằng sau một luồng lửa vàng chói lọi trong khoảng khắc nhuộm màu cam đẹp. Trên nền trời trong vắt, hỏa tiễn tăng dần tốc độ. Trời thật tốt và người xem tưởng như phân biệt được cả luồng lửa theo hỏa tiễn mặc dầu hỏa tiễn lên đã khá cao. Nhưng hồi hộp thì vẫn luôn còn hồi hộp cho đến lúc hỏa tiễn bay đã thật xa, tiếng động hết còn nghe và hỏa tiễn cũng hết còn thấy.

4 phút sau lúc khởi hành, bộ phận cấp cứu rời hỏa tiễn. Bộ phận này là một cây tháp gắn trước hỏa tiễn có nhiệm vụ đẩy nhà phi hành ra xa nếu trong hỏa tiễn xảy ra chuyện bất trắc có thể nổ cháy. Vài phút sau, người ta cho biết cápsuyn đựng Enos, với tốc độ 25.000 cây số/giờ đã ra khỏi sức hấp dẫn của trọng lực và bắt đầu chạy trên quỹ đạo đạo xung quanh quả đất.

10 giờ 22 phút. Đài quan sát ở đảo Canaries bắt đầu truyền tin với vệ tinh Mercury. Vệ tinh nhận và phát tin rất đều. Đúng như đã tính trước, vệ tinh chạy trên một quỹ đạo hình thuận qua các vĩ tuyến 32 Nam và bắc, khoảng xa mặt đất nhất là 204 cây số khoảng gần nhất 157 cây số.

10 giờ 29 phút. Đến lượt đài quan sát Kano ở Nigéria tiếp xúc với cápsuyn.

Vệ tinh chạy vòng thứ nhất xung quanh quả đất đúng 88 phút 30 giây. Enos làm tròn nhiệm vụ người ta đã giao phó cho. Nó được cột vào một cái ghế có lót nệm, sau một cái bảng ở trên có 3 cái đòn (levier). Mỗi khi một đèn đỏ sáng lên, nó phải kéo một trong 3 cái đòn

ấy luôn trong 2 phút, cứ 20 giây một lần. Đồng thời một cái đèn xanh bật lên bên trái. Enos phải kéo một cái đòn khác để tắt đi. Nếu nó không làm đầy đủ phận sự thì một giòng điện nhẹ chạy qua mình để nhắc nó. Trái lại, mỗi khi xong việc, hoặc nước hoặc quả (những viên thuốc thơm mùi chuối) được tự động đưa ra biếu nó. Suy ra, thật đã tốn bao công phu tập luyện.

Enos đã luôn được mạnh khỏe trong cuộc hành trình, sẵn sàng bay 3 vòng xung quanh quả đất như đã định trước. Nhưng qua vòng thứ hai, nhiệt độ trong cápsuyn bỗng nhiên lên cao bất thường, đồng thời một bộ phận trong cápsuyn, đến nay chưa được cho biết, bị hỏng. Nếu vệ tinh bay 3 vòng thì sau đấy những hỏa tiễn hồi tố sẽ được một cái «đồng hồ» tự động cho chạy và vệ tinh sẽ một mình về lại mặt đất. Đằng này, sợ nhiệt độ cao sẽ có hại cho Enos tất nhiên sẽ làm hỏng cuộc thí nghiệm, từ mặt đất người ta đã truyền lệnh cho cápsuyn vận dụng các hỏa tiễn hồi tố và rời quỹ đạo lúc vệ tinh mới bắt đầu chạy vòng thứ ba, ngang trên đất Floride. Cápsuyn rơi xuống thái bình dương, cách Bermudes 350 cây số về phía đông nam. Sau đấy ít lâu chiếc khu trục hạm Stornes đậu bên cạnh đến cột cápsuyn và Enos ra khỏi nước.

Các bác-sĩ đã lại ngay khám xét « nhà phi hành ». Sau một chuyến bay đặc biệt 3 giờ 20 phút, với những lúc lực gia tốc mạnh đến nỗi như mình nặng tới 90 kilô, Enos vẫn có vẻ điềm tĩnh, khỏe mạnh. Ngay lúc còn ở trên không, mặc dầu ở khoảng không trọng lực, Enos đã làm đủ phận sự, tất nhiên đã sống như thường :

VÕ - QUANG - YÊN

tìm đập đều, nhiệt độ đứng yên, và ngay đến nhịp thở cũng không tỏ vẻ lo sợ. Rồi đây các nhà sinh-vật-học còn tiếp tục khám xét để tìm hiểu phản ứng sinh-lý của những nhà phi hành tương-lai. Trong lúc chúng tôi viết những hàng này, 2 ngày sau khi Enos trở về mặt đất, các bác-sĩ tuyên-bố Enos hoàn toàn vô sự. Công cuộc khảo-sát sinh-lý này phải gấp rút vì như tuồng Mỹ muốn một ngày gần đây, trong khoảng vài tuần, sẽ bắn một vệ-tinh có người ở.

Trung-tá John Herschl Glenn, 40 tuổi, sĩ-quan hải-quân, đã được chính thức bổ nhậm làm nhà phi hành Mỹ thứ nhất nay mai đáp vệ-tinh lên khoảng không-

gian không trọng-lực Ông sẽ lập lại đúng hành trình của Enos. Một sĩ-quan hải-quân khác, thiếu-tá Scott Carpenter đã được cử làm người thay thế trung-tá Glenn nếu vì một nguyên do gì đến giờ chót, trung-tá Glenn không bay được. Rất có thể sau vụ bắn Enos này, Ty không-gian Mỹ sẽ hiến cho công chúng một món quà Noel đặc sắc: một cuộc bắn vĩ-đại của người ra vũ-trụ. Nhưng với cuộc hành trình chưa hoàn toàn thành công vừa rồi, có lẽ các nhà chuyên-môn Mỹ còn phải thử lại một lần nữa. Chúng ta còn đợi xem.

VÕ-QUANG-YÊN

Trong tháng 12 - 1961 phát hành :

THƠ MỸ

thơ CAO-MỸ-NHÂN — Thế-Phong vào đề

• 30 ĐỒNG

QUA VÀI NÉT PHÁT HỌA VỀ

12 NHÀ THƠ MỚI NHẤT HÔM NAY

• Cao Mỹ Nhân — Diễm Châu — Đào Minh Lượng — Hà Phương — Hà Yên Chi — Kiều Thệ Thủy — Nị Thu — Như Lan — Thanh Nhung — Tuyết Linh — Trần Dạ Từ — Viên Linh

ĐƯỜNG BÁ BÒN *giới thiệu*

• 50 ĐỒNG

ĐẠI NAM VĂN HIỂN xuất bản

201 - 11 — Nguyễn Huệ — Phú Nhuận — Saigon

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135, Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

LÁ THƯ

CUỐI NĂM

Đoàn-Thêm

Saigon, ngày 30-11-1961

Gửi bạn C. T.

ĐƯỢC coi bản thảo « *Bức thư cuối năm* » của bạn nói về tình-hình nghiên-cứu và sáng-tác trên thế-giới và Việt-Nam tự-do 1961, tôi xin trình bày vài nhận xét riêng, và xin phép đăng lên báo, vì đây là một vấn-đề chung.

Qua 16 trang đánh máy, thoạt tiên tôi có cảm-tưởng rằng bạn đã bao quát được các lãnh-vực văn-học nghệ-thuật của quá nửa nhân-loại trong năm sắp hết, và có lẽ rồi đây nhiều độc-giả cũng sẽ thấy như tôi.

Song, chỗ thân thì hỏi thiệt, làm sao một mình bạn có phương - tiện và thời - giờ đọc hết các sách báo như Tòa Thánh Vatican ?

Bạn chỉ biết tiếng Pháp và võ vẽ tiếng Anh, sao bạn giới thiệu cả các tác-giả Ý, Đức và Y-Pha-Nho ? Bạn vừa dạy học 35 giờ mỗi tuần, cộng tác với bốn tờ nhật-báo và tạp-chí, thì lúc nào bạn xem, dù là xem lướt, dù chỉ xem một hai trăm trong mấy ngàn cuốn của Pháp ? Mà ngay đến các ấn - loát-

phẩm ở Việt-Nam, cũng khó lòng kiểm điểm hết. Thực ra, bạn chỉ dựa vào một vài cuốn có đọc kỹ, và một số bài phê bình hoặc tổng-kết về hai ba loại sách của đám bảy tác-giả, rồi gom góp lượm lặt mà viết ra 16 trang của bạn: Kể cũng đã công phu, tuy không thể siết.

Nhưng nếu đã không siết, thiết nghĩ bạn nên hết sức dè-dặt trong sự lược-thuật, và không nên quá-quyết khen chê với những lời lẽ đao búa của một bậc thầy thiên-hạ, một tôn-sư trịnh-trọng nghiêm-khắc hay cau mày quở phạt, hoặc mỉa mai châm biếm đến nỗi tôi thấy tủi quá cho tất cả những người nào cảm bút.

Tôi không muốn kể hết ra đây nhiều tỉ-dụ về đường lối của bạn, vì không ích gì khi chính bạn cũng chẳng nắm vững được mọi tác-phẩm mà bạn mới nghe nói, hoặc phỏng theo vài tác-giả khác. Tôi chỉ ước mong lưu ý bạn đến mấy điểm chính-yếu.

*
* *

Trước hết, bạn than rằng ở miền Nam này, trong năm 1961 cũng như ngót mười năm qua, các loại nghiên-cứu « không có gì đáng kể ».

« Không có gì đáng kể » ở tất cả các lãnh-vực ? dù là triết-học, mỹ-thuật, xã-hội, chánh-trị, luật-pháp, v.v...? Nhưng bạn không chuyên chú hoặc không thành thạo về các ngành đó, thì quán triệt sao được mà phủ nhận ầm ỉ ?

Rất có thể bạn trả lời rằng : chưa thấy những pho sách nào được đa-số ca ngợi. Nhưng khôn thay, những loại nghiên-cứu khô-khan, ở nước nào thời nào cũng vậy chỉ được một thiểu-số chuyên-môn để ý. Và lại, trong hoàn-cảnh khó khăn của nước nhà hiện nay, sự ăn-loát đòi hỏi những điều-kiện tài-chánh mà phần đông các học-giả không sẵn : nên thường thường, họ đành chịu thỉnh thoảng đăng trên một vài tạp-chí. Nếu tích lại số bài biên-khảo có ích trong năm hoặc trong khoảng vài năm nay, tôi tưởng cũng có thể thành những bộ dày, chứng tỏ sự cõ gắng lặn lội nhưng không ngừng của các giới hiểu-học miền Nam.

Nếu bạn bảo phẩm cần hơn lượng, thì tôi lại xin trở về câu hỏi đã đặt : mỗi ngành khảo-cứu có những phương-

pháp (disciplines) riêng biệt, liệu bạn có thấu đáo nỗi hết cả không ? Mỗi nhà chuyên-môn kiểm điểm phê-bình về ngành của mình, chưa chắc đã khỏi thiếu sót hoặc sai lầm, huống chi là người ở ngoài nghề mà hạ bút ban lời quở trách ?

*
* *

Ở lãnh-vực sáng-tác, bạn cũng lên tiếng kêu rằng về tiểu-thuyết, kịch, thơ... hầu hết là lạc-lõng, sa-đọa, cũ-kỹ, tầm-thường ; đôi khi được một vài truyện ngắn hay dăm vần thơ « tạm tạm nghe được » lời « tiền-chiến » hổng rồi, lời « hậu-chiến » chưa tỏ rõ được bản-sắc, tóm lại chẳng một tác-phẩm nào đi vào sự thực của thế-hệ, « nói lên tiếng nói của thời-đại »...

Thật đáng buồn cho tất cả những nhà trí-thức, những tâm-hồn tha-thiết với nghệ-thuật, những ai quên ăn mất ngủ để sáng-tác, và cả những người như bạn theo dõi họ để lên án một cách gắt gao : làm sao không sinh sản được kiệt-tác ?

Có khác gì bạn P. L. của chúng ta phát khùng khi thấy vợ chỉ đẻ những con gái không ngoạn-mục cho lắm : khờn thay, chị P. L. đâu muốn như thế ? Chị cũng chỉ mong được lệnh-ái nào khả-quan để mọi người tâm tặc, và đáp lại tiếng gọi của những vị ưạ chuộng mỹ-thuật.

Song hàng ngàn năm mới thấy một Tây-Thi, và trái Đĩnh Lê Lý Trần Lê mới có một Kiều, thì bạn cũng không nên sốt ruột mắng mỏ văn nghệ-sỹ mười năm chưa thoát thai được những tác-phẩm kết tinh tâm-hồn thời-đại, những Nàng Thơ diễm-tuyệt khiến cả dân-tộc say mê : tội nghiệp cho chị P. L. và tội nghiệp cho những mặc-khách rung đùi hay nhăn trán mà vẫn chỉ cho ra đời những đứa con bị lờm nguýt.

Thực ra, trong hàng trăm hàng ngàn trẻ nhỏ nức lên tiếng khóc ban đầu, và nếu chưa ai phượng - phi đình - ngộ khác thường để người đời chào mừng bằng những bó hoa rực rỡ, thì nhiều em chẳng được về này cũng được về kia, chớ đâu đến nỗi đáng vứt bỏ trên các vỉa hè cạnh những rác rưởi và dưới mắt thương hại của khách qua đường ngạo-nghe ?

Tiến-nhân tôi có dạy chúng tôi : làm bài thơ tám câu mà được chừng hai câu, là khá rồi. Tôi nghĩ như vậy cũng quá nghiêm, nhưng ngẫm lại, nhiều phần đúng : chẳng hạn trong hàng chục cuốn thơ của Victor Hugo làm tiếp tục trong 60 năm, gạn lọc ra những câu, những đoạn, những bài thiết hay, đáng đọc cho tới ngày nay, chỉ còn chừng một tập với độ hai ngàn câu, chứ không thể nói bộ « La Légende des Siècles » hay bộ « Les Contemplations » là tuyệt-diệu hay không tuyệt-diệu ; phải đợi khá lâu, các nhà văn-học-sử mới soát lại được kỹ lưỡng và rút nhận xét tổng-quát về sự-nghiep thi-nhân. Giá thử năm 1866, bạn viết đề kiểm điểm tình-hình văn-chương bên Pháp, tất bạn phán nản rằng không có tác-phẩm thời-đại : tuy-nhiên, nhiều bài trong « La chanson des Rues et des Bois » của thi-sỹ kể trên, tới nay vẫn còn được học thuộc lòng, mặc dầu phần lớn tập thơ kia đã bị rơi vào bóng tối thời-gian.

Có lẽ đó là sỗ-phận chung của rất nhiều thi-phẩm, tiểu-thuyết, hoặc kịch đem đọc (1) Sỗ thơ của Verlaine cũng in ra đến 7, 8 tập dày, nhưng được thưởng-thức trong sinh-thời của ông hoặc ngày nay, bắt quá vài chục bài ngắn. Cho nên chúng ta cần xét lại cả về *quan-niệm kiệt-tác* (« Chef-d'oeuvre ») : nhiều tác-phẩm nổi tiếng vì một vài đặc-sắc, và lọt ra được một vài vẻ đẹp mới, một vài khía cạnh sự thực ở một hoàn-cảnh hoặc của tâm-hồn giới này giới khác, chứ ít khi có thể « nói lên tiếng nói của thời-đại » như bạn thường nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Bởi mục-đích của các tác-giả phải hạn-chê trong đề-tài, và theo những phương-diện muốn soi xét, nên kết-quả thu lượm được dù nhiều ít cũng chỉ có tính-cách tương-đôi. Và do đó, nhiều người cảm bút tự xét tài năng của mình không vọt cao lên sao Ngưu sao Đầu, nên đành thu hẹp nguyện-vọng, chẳng dám mong « bắt - hủ », « toàn - bích » chỉ muốn *góp một viên đá viên gạch* để cùng nhau kiến thiết dần lâu đài văn-hóa dân-tộc. (2) Nhưng trong khi miệt mài cặm cụi, mà cứ

(1) Nếu là kịch cò đem diễn lại, tất phải trình diễn tất cả vở, vì không thể nào khác. Song nếu vở kịch cũ còn được đọc vì đã nổi tiếng, thường thường cũng chỉ được trích lại vài đoạn có giá-trị nhất.

(2) Chữ « góp phần, Contribution » của Pháp, thường hay được dùng để chỉ nhiều luận-đề, hay các công-trình nghiên-cứu (Contribution à l'étude de....)

bị anh la hét: sao không làm nổi kiệt-tác? thì quả là khổ cực.

*
* *

Luận-điều của tôi, có thể áp-dụng ở các phạm-vi sáng tác khác nữa: chúng ta nên tránh sự xét đoán và kết luận vội vàng, nhất là căn-cứ vào một *niên-độ* khi công-cuộc nghiên-cứu hay sáng-tác có tính-cách lâu dài.

Những lời phê-phán của bạn có thể gây hai hậu-quả tai hại:

Người ngoại-quốc theo dõi sự tiến-triển của ta, sẽ yên trí rằng trình-độ ta rất thấp kém (Đã có một nhà văn Việt-Nam viết như bạn, quả quyết rằng ở miền Nam, ngay đến nghiên-cứu cũng không đáng kể).

Ngoài ra, những văn-nghệ-sĩ có thành-tâm thiện-chí, sẽ nản lòng, khi đương cần những sự khuyến khích để dần bước.

Dĩ-nhiên nói thực mất lòng, nhưng chắc đâu lời của bạn là đúng sự thực?

Tôi không chối cãi rằng tình-trạng nghiên cứu hay sáng tác của chúng ta còn nhiều sự đáng tiếc, và đòi hỏi những kết-quả tươi sáng lộng lẫy hơn.

Song nếu chưa thấy những kỳ-công làm hài lòng bạn thì về này cộng với dáng khác, văn-hóa miền Nam tuy chậm chạp cũng vẫn tiến dần.

Cả sự hoang-mang bồi-rối của chúng ta cũng chứng tỏ sự tự-do tìm hướng, và nhu-cầu đổi mới, những là động-lực mạnh trong công-cuộc sáng tạo, của tất cả các cơ-cấu còn dư sinh-khí.

Mỗi người cầm bút cố gắng hơn một chút, thì nếu sự-nghiệp riêng chưa thành, các phần nhỏ mọn góp vào, cũng xây dựng nổi những móng nền chung.

Một đời được mấy anh-hùng? Một nước một thời này nờ được bao nhiêu tài-hoa? Ít lắm, ở dân-tộc nào cũng vậy, xin bạn nhớ lại thực-tế trên lịch-sử văn-hóa năm ngàn năm của giống người.

Đề kết-luận, tôi thiết tha mong rằng . bạn sẽ xét lại quan-điểm. Khinh-suất và khinh bạc là những điều mà riêng tôi rất e sợ, chúng ta cùng nên tránh.

Chắc bạn còn thắc mắc: thế thì mách bạn những gì thiết-thực đây ?

Tôi xin đề nghị như sau :

— Chọn lấy bộ - môn của bạn, hoặc kịch, hoặc tiểu-thuyết, hoặc thơ, nhạc, hay triết - học, sử học v.v... Mỗi chúng ta chỉ có thể chuyên chú về một ngành.

— Trong ngành đó, lựa một số sách, càng nhiều càng hay, đọc cho thiết kỹ, — vì nếu tóm tắt còn sai thì phê bình gì ?

— Đừng đưa ra những ý-kiến hàm-hó, nhưng xin cho biết ở lập-trường nào, và xét về những phương-diện gì ?

— Đối với những tác-phẩm đã đọc. vạch rõ các đặc-tính và tìm xem được về những điểm nào, hồng về những điểm nào và theo những tiêu-chuẩn gì ? : nói có sách, mách có chứng.

— Nếu thử kết-luận về cả ngành đã chọn, thì cũng xin thận-trọng vì rất dễ khiếm-khuyết: tôi không tin rằng bạn đọc nổi số tiểu-thuyết xuất-bản trong một năm.

D. T.

Nhà xuất bản Sông Hương đã phát hành :

NỖI BUỒN CỦA ANH

— Thi-phẩm thứ ba của Thê-Viên

— Bìa : Ngọc-Dũng — phụ bản : Lữ-Hổ

Tác-phẩm mang nỗi buồn của thời đại, các bạn yêu thơ xin đừng bỏ qua.

GIÁ 30 đ.

trên vùng cao sáng

PHAN - DUY - NHÂN

bởi vùng vẫy trong hình hài trời buộc
cho tôi xin một phút mở linh hồn
khi đã biết sinh ra cùng cỏ mọc
số phận người từ đó bổng hoang mang
khi vừa lớn nổi buồn cao với núi
tôi bắn khoắn soi mặt bến sông này
lửa bập bùng hai bên bờ cát bụi
e cấm hờn thiếu hũy nốt tương lai
người thất vọng rên la từng dấu đạn
cột đèn cao khói xám tiếng kêu buồn
khi nằm xuống trông thấy mình suy nhược
tôi cúi hờn ngửa mặt ngó tiền thân
lửa đã cháy vây đời tôi bốn phía
nên thất thanh xin mở ngõ thiên đường
khi quỳ xuống cao dâng lời ngưỡng mộ
kẻ tội đồ mong được Chúa tuyên dương
tim tôi đây dâng Người làm lễ tặng
thân tôi đây dâng đời làm cầu thang
hy vọng mới bùng trong niềm phá hoại
trên cao kia tôi thấy lại linh hồn
nổi yêu thương từ đó nở hoa vàng

P.D.N.

Chung linh

ĐOÀN - THÊM

Trưa dài chán chường khô dốc nắng
Rối ren sầm vía mọc chông gai
Những mùa rơi héo từ hoang rợ
Thời ác về hun quăng lạc loài

Lòng sông chia đôi cầu biên cương
Lửa ngấm phương tàn nung ráng thép
Nước quên non bờ vợ chiều sương
Đồ hướng, mặt trời nghiêng kiếp vắng

Hai ngàn năm tình ru yêu thương
Sóng cát loang thình mờ tiếng gọi
Khinh thiên liêng, người xa du dương
Núi, biên, ruộng, rừng nghe khóc gió

Dòng tuổi trôi quanh thời hồi tiếc
Nhớ nguồn reo sáng lọc hôm mai
Hồn hoa mất trắng tìn linh diệu
Trở lại ngây thơ thuở mẫu-hoài

Nửa giấc đời khuya lay bóng sử
Tắt mơ buông ý lặng giờ xanh
Đêm nay hương ngát, đồng ngân diệu
Nghĩa sống rung mây nở mộng lành.

Đ. T.

BÁCH KHOA CXIX

Lẽ Sống

HOÀI - HƯƠNG

Cuộc đời nếu chỉ áo cơm thôi,
Hăm bảy năm sinh đủ chán rồi !
Nhưng mắt còn vương hoa thắm nở
Còn nằm thao thức ngắm mây trôi.

Có những bài thơ ngập cảm tình
Đặt dìu sóng nhạc quyến dêm xinh
Nụ cười không tắt trong tranh ấy,
Là cả đời vui của chúng mình

Buồn với mưa khuya, tiếc nắng chiều
Môi thêm chực cắn cả niềm yêu
Đã từng ấp ủ Ngày Mai Đẹp
Sao nở vầy đời giữa Quạnh Hiu ?

Hãy xới cho hoa nở ngập vườn
Giữ màu nắng biếc, bóng trắng thương,
Đem thơ ràng buộc Thanh-bình lại,
Trên nẻo mình đi rộn trống trường.

Cơm áo đã đành chia khắp cả,
San đều Thương Mến, Nỗi Vui Chung,
Ghép những tâm hồn Quen với Lạ
Ý nhạc, Đời thơ bớt lạnh lùng.

H. H.



ĐI LA-MÃ

Nhật ký của MINH-ĐỨC

16-9-61 « Nguy nga thay cái phút lên đường », thật thê, ai đã mắc phải chứng bệnh lang thang thì đời chỉ có những phút ấy là nguy nga nhất. Đứng trước chiếc va-li và cây đàn, tôi nghe như có tiếng chim, tiếng gió, đã bắt đầu véo von trong tâm hồn. Bốn tháng nay chẳng đi đâu xa, không khí nghe u uất, trời đất như muốn dịch lại gần nhau, tôi có cảm tưởng mình sắp biến thành miếng thịt muối của cái xăng-uyt và sẽ có ngày bị ăn. Cần phải đi tìm lối thoát đi để nhớ, đi để thương. Phức tạp thật nhưng đây là tất cả bệnh triệu của chứng lang thang. Hành lý xếp xong cả rồi chỉ còn chờ anh T. H. đến đón và làm nốt mấy việc cuối cùng, hôn con

mèo, chào tất cả mọi vật thân yêu trong phòng, thắp hương lên bàn thờ tuy tôi vẫn tin rằng mẹ sẽ theo mình trên đường đi. Không quên mang theo tròng hạt, thê là yên chí. Đồng hành có anh T. H. và ông L. một người Ấn-Độ, anh T. H. người bé nhỏ nhưng rất tự nhiên không có cái mặc cảm của những người Việt bé nhỏ khác, anh ấy có vẻ sung sướng vì được trở lại đất Ý, trên xe anh ấy hát luôn miệng, huýt sáo như thổi còi, tôi đề nghị anh ấy về nước thổi còi cho một ban âm nhạc cũng đủ ăn, nghe điếc cả tai. Ông Ấn-Độ vẫn lì lì không nói qua một tiếng đây là loại người bị đẩy ra đời quá sớm, có gia đình quá sớm, nên đôi môi đã héo nụ cười từ bao giờ.

Trong ba người chỉ có tôi mang theo tiền mặt, anh T. H. sang Pháp đã tiêu xài cho những người đẹp hết nhẫn, ông bạn Ấn-Độ thì chỉ có ngân phiếu Mỹ-kim nên nhất định không muốn đổi. Tôi chỉ có hơn 40 ngàn quan, vì thế không ai dám hoang phí. Bàn tính mãi mới dám vào hiệu ăn, đi với điều kiện hạng bét như thế này chắc chỉ có những đứa nghèo, hà tiện, gàn, hoặc mắc chứng lang thang đến cùng độ mới dám đi. Xe của anh T. H. tuy là Volkswagen nhưng nó đã đến tuổi hưu trí nên chạy nghe kêu ầm ầm như xe đi đổ rác buổi sáng, cái vỏ bên ngoài thì cũ rích méo mó, đồ đạc chật ngộp lên đến mũi, mỗi lần muốn quay kính lên xuống thì phải tìm cho ra cái quay tra vào cho đúng chỗ mới có thể quay được vì cái tay quay đã gãy từ kiếp nào. Muốn mở cửa chỗ tôi ngồi, thì phải một người ra giật ở ngoài, bên trong một người phải nắm dài ra hết sức bình sinh mà kéo. Sáng nay đến đón ông Ấn-Độ tôi cứ ngỡ rằng không thể nào đủ chỗ, ông ấy lại còn mang thêm hành lý mới, thế mà rồi vẫn đầu vào đầy cả. Tôi nghi bụng các ông này không đi làm nghề xếp hành lý cho mấy cái xe hàng thật phí cả của. Anh T. H. tuy gầy đét còi áo ra lại càng rõ bộ xương, thế mà vẫn lái được xe từ nước này sang nước khác, gặp cô nào hơi xinh xinh cũng đòi mời lên xe thỉnh thoảng lại đòi đi tìm người đẹp để yêu vì cuộc sống vô nghĩa lý.

Đến Dijon vào lúc 4 giờ chiều, dừng xe trên một con lạch để nghỉ một

lưng cho đỡ mỏi, suốt mấy tiếng đồng hồ ngồi chật chội, nào vali, chăn gối, soong chảo, máy lục âm, đàn, và gì gì nữa, xe chỉ có thể đi vào quãng 60 cây số một giờ. Tối nay chắc không thể nào ngủ lại Genève được, mặc dầu tôi đã hẹn với anh T. H. sẽ thết anh ấy một bữa cơm nhưng T. H. chê tôi nghèo và bảo không thêm ăn cơm nhà nghèo.

Thế mà rồi cũng lết được đến Genève, nhưng phải 10 giờ đêm, trời về tháng này ngày đã bắt đầu ngắn, đi ban đêm qua những dốc núi chập chùng, xe lại không tốt. Lắm khi tôi tưởng chừng như sắp rơi cả xuống vực, phải công nhận là T. H. lái rất khá. Qua biên giới lúc người ta khám giấy, ông bạn Ấn-Độ lưng chừng không chịu đưa ra, đợi hỏi mới đưa làm T. H. cầu nhàu ầm lên. Tìm được một trại để cắm lều mọi người đều mừng nghĩ đến sự nằm yên ngủ trong mây tiếng đồng hồ. Trại ở đây tốt hơn trại ở Pháp có chỗ tắm, chỗ rửa mặt riêng tuy hôm nay chúng tôi không may gặp lúc người ta sơn phòng tắm nên cắm không được bước chân vào. T. H. vừa xuống xe vội vã chạy đi hỏi phòng tắm nhưng đành tui ngịu trở về đau khổ vì không được tắm.

Trong lúc ấy thì ông L. chỉ biết đợi T. H. về báo xem chỗ nào có thể dựng lều được, ông không dám quyết định và T. H. lại một phen cầu nhàu.

Trại đã bắt đầu có vẻ thừa thớt, toàn sân chỉ còn độ 10 cái lều vải và hai cái ca-ra-van. Một lý do nữa,

vi trại nấy ở gần đường cái, đường xe lửa, và lại, vì ở hẳn ngoài ô nên trên trời máy bay được tự do lượn vòng suốt đêm, cộng với tiếng xe, tiếng còi tàu, khó mà ngủ được yên giấc, thêm vào đang mùa lễ táo nên thỉnh thoảng một vài quả lễ rụng trên mái lều rồi lăn lông lốc xuống đất nghe như ai ném đá.

17-9-61 Đêm qua lạnh thấu nên ngủ không yên, lâu lắm mới lại được nằm đất, tôi cứ đòi ngủ hẳn ngoài sân nhưng T. H. không cho, sợ tôi ốm. Anh ấy, không biết rằng tôi vẫn ngủ ngoài trời nghe sao nói chuyện là thường.

Nhớ lại thuở còn lang thang miền rừng núi. Nằm nghe tiếng run rề, tiếng xe qua lại tiếng lễ táo rụng và cả tiếng ngáy vi vu của ông bạn Ấn Độ (con người chỉ ăn toàn hoa quả, uống sữa thè mà lúc ngáy thì át cả tiếng bánh xe lửa nghiền đường sắt).

Trại còn có chỗ bán xăng nhà đồi tiền, quán bán thức ăn, bán quà kỷ niệm, nhưng chúng tôi là dân du lịch hạng bét nên chỉ nhìn mà thôi. Sau khi ăn sáng xếp lều và chốt hành lý vào xe xong chúng tôi lại sửa soạn lên đường đêm nay nhất định phải ngủ ở Milan. Trước khi rời Genève chúng tôi đánh một vòng vào thành phố T.H. và ông L. chưa biết Genève nên muốn vào xem, mặc dầu sẽ muộn hơn một tiếng đồng hồ. Đi vòng thành phố và men theo hồ Lemán tôi nhớ độ trước đã từng lang thang suốt đêm với ba người

bạn, đèn quán cà phê nào cũng bị mờ ra vì muộn quá, trời rét cóng cả tay nhưng trót hứa là đi suốt đêm nên phải giữ lời. những người bạn ấy ngày nay ở đâu rồi, mỗi lần đi qua hồ Lemán họ có nhớ đèn tôi như tôi đang nhớ đèn họ hôm nay chăng?

Từ Genève sang Lausanne đường đi rất đẹp, phong cảnh thay đổi không ngừng, những đồi nho giống thành từng; từ dưới lên mãi trên đỉnh, thỉnh thoảng lại chen vào một lâu đài của ai từ trên núi nhìn bao quát xuống, ở đây tha hồ mà mơ mộng. Qua Montreux chúng tôi đi dọc bờ hồ, đèn một chỗ đẹp quá không thể không dừng lại, tôi tìm một men bờ gần hồ nhất để, ngồi nhìn nước hồ mơn man bờ đá, nhẹ như bàn tay người yêu lúc vuốt lên mái tóc. Không khí trong suốt trong như tất cả mọi vật đều là một thứ pha lê mong manh và quý giá lắm, tôi ngập ngừng muốn lên tiếng hát mà chỉ sợ giọng mình sẽ làm vỡ tan một vật gì chăng?

Đường sang Ý quanh co, tôi nhất định đòi đi con đường về lỏi St Bernard nếu không thì ông bạn Ấn Độ muốn đi về lỏi Sion phải trèo đèo đèn hơn hai nghìn thước. Đường đèn St Bernard chỉ có 470 thước mà thôi, chưa đèn đâu cả mà xe đã mệt mỏi lắm rồi, mỗi lần đòi sờ nghe rẹt rẹt trong như bao nhiêu xương sườn xương sống của xe đều muốn gãy. Dừng bên ngọn núi nghe gió rung rinh mây sợi cỏ may và bên cạnh

tiếng những thác nước từ trong núi trắng xóa chảy ra, đồ ai khỏi muốn làm thơ. Mỗi lần dừng xe là ba chúng tôi mỗi đứa đi tìm một gốc cây thật xa để mơ mộng riêng, anh T. H. mơ người đẹp, tôi viết nhật ký và ông L. chắc đang nghĩ đến vợ con hoặc tính sổ chi tiêu. Có lẽ sự phải ngồi hăng giờ bên nhau làm cho người nào cũng nghĩ người nào Trời trong quá và gió dịu dịu, nằm trên đám cỏ cạnh một bờ núi, tôi nhớ đến các bạn ở quê nhà giờ này có lẽ đang được cái sung sướng ngồi trong một quán phở, nhắc đến phở lại nhớ đến T. H. hẹn sang Ý sẽ làm một bữa phở cho biết tài. Nghĩ đến cô Ph. cô gái tôi vừa quen qua những dòng thư, cô Ph. vừa viết thư bảo rằng: « em chỉ mộng được xuất dương ». Nếu muốn xuất dương thì phải biết liêu, biết lì, biết chịu cực khổ. Liêu nghĩa là đừng có tính toán nhiều quá, lì tức là ai khuyên can bàn bạc gì cũng đừng nên nghe và phải chịu cực khổ ngay cả sự phải nhịn ăn, nhịn uống, ngủ đất, nếu không thể thì chắc phải chờ đến già mới hy vọng đủ tiền mua vé máy bay và thuê phòng trọ.

Lúc sáng, T.H. lại vừa mắng ông bạn Ân-độ một trận vì ông ấy lười không chịu làm gì cả, một mình T.H. vừa phải lái xe lại vừa phải lo thu dọn, cắm lều. Ông này chỉ ngồi im lặng mãi mãi mới giả lời: « tại tôi sợ làm không vừa ý anh nên tôi để cho anh làm đây chứ ». Kể ra có bạn đồng hành như ông Ân-độ này cũng thích, suốt buổi ông ấy ngồi yên

không chuyện trò gì, mỗi người tha hồ mơ mộng riêng.

Xe vẫn trèo mãi mà chưa qua khỏi núi; mở bản đồ xem lại thì ra lúc này xem nhầm, con đường đi St Bernard cao những 2470 thước nhưng vì con số hai nghìn bị một đường vạch ngang qua nên không rõ. Lỗi tại cái bản đồ in tối nhưng càng hay, nếu không có sự nhầm lẫn đó thì nhất định là không bao giờ chúng tôi đi qua đây. Những xe khác hẳn cũng đã nhầm như thế chẳng? Lên đến đỉnh nhìn ra chung quanh bao la, những mảnh tuyết chưa tan còn nằm ngổn ngang trắng xóa, nổi bật lên trong màu xanh của lá cây.

Đền biên giới Ý, xe nào cũng ngừng lại nghỉ ngơi và đổ thêm xăng vì xăng Thụy-Sĩ rẻ hơn. Xứ Ý nghèo nàn hơn xứ Thụy-Sĩ nhiều quá. Một phần vì khí hậu, Thụy-Sĩ có tuyết, có mưa điều hòa, trong khi đất Ý khô cằn, có độ hăng 5 tháng không có một hạt mưa về. Hơn nữa, xứ Ý còn bị chiến tranh giày xéo. Những mái nhà lợp bằng đá đen cũ kỹ gần như muốn vụn ra, bên cạnh những gốc cây cằn cỗi trong lúc ấy thì Thụy-Sĩ hoa cỏ tốt tươi nhưng người Thụy-Sĩ vẫn nổi tiếng là gỗ đá và đất Ý tuy nghèo nàn nhưng quyền rũ hơn nhiều. Trên đường đi thỉnh thoảng hiện ra một vài nóc nhà già nua một vài gác chuông gãy guộc, cao lêu đêu.

Nhau được giống thành từng giàn, cột giàn xây bằng vôi trắng toát đứng thành hàng như đoàn quân ma. Rất

ĐI LA-MÃ

nhiều ruộng ngô nhưng chỉ có nhà nghèo và súc vật mới ăn thứ ấy.

Gần đền Ivrea tất cả các thứ xe phải dừng lại để chờ tàu hỏa, nhưng tàu hỏa cũng chịu ảnh hưởng khí hậu của xứ nóng nên khệnh khạng chờ gần nửa tiếng đồng hồ mới chịu đi qua, chúng tôi sốt ruột vì xe chạy chậm gặp độ ba lần chờ tàu như thế này thì không biết mấy giờ mới đến Milan. Dọc theo con đường, trên thì núi cao ngất, dưới thì nước lũ cuốn cuộn từ đâu ? về đâu ? băng qua những tảng lớp đá sỏi rửa mòn những phiến đá lớn, và làm gãy còm những phiến đá nhỏ. Cụ Không bảo : « nhân giả nhạo thủy, trí giả nhạo sơn », ở đây vừa lòng cả người nhân lẫn người trí.

Bắt đầu vào xa lộ, ở đây vào xa lộ phải giả tiền chứ không như ở Pháp. T. H. tức lắm vì bị lừa, chúng tôi không có tiền Ý phải giả tiền Pháp và họ giả lại thiếu, không theo đúng giá thị trường. Dầu sao đi trên xa lộ vẫn sướng hơn và tuy xe cũ kỹ như thế có lúc T. H. cũng dám cho chạy 120 mặc dầu xa lộ mới làm xong có một bên kia chưa đi được thế mà vẫn phải giả tiền như thường.

Đền Milan còn sớm chúng tôi vào thành phố đi một vòng và mục đích là đền viếng cái duomo (dome) của nhà thờ lớn nhất và nổi tiếng nhất ở Milan. Cái Dome này xây từ 1386 do nhà kiến trúc thứ nhất tên là Marco da Campione góp sức với rất nhiều kiến trúc sư và điêu khắc khác. Bên ngoài nhìn thật là công phu tất cả đều chạm trổ tỉ mỉ từng nóc chuông

nhọn hoắt trổ lên, bên trong những cột đá to lớn đường kính của mỗi cột đền hơn 3 thước, và sự không trang trí càng tăng thêm vẻ hoành mông đồ sộ.

Cảnh sát Ý mặc quần áo trắng, đằng xa nhìn tưởng như mặc quần áo ngủ. Hồi mãi mới tìm thấy đường đền trại. Trại ở đây bản hơn trại ở Genève nhiều, nhưng vì trời còn nóng nên khách du lịch vẫn đông. Trại này chính hiệu là quốc tế, đủ các thứ tiếng nói và sở xe, sự bản cũng rất quốc tế, nhưng có người đã đặt câu hỏi rằng : « Sạch như xứ Thụy sĩ từ trước đền nay nhưng đã làm gì được chưa trong khi xứ Ý nổi tiếng bản thù nhưng đã sản xuất ra được bao nhiêu là tác phẩm bao nhiêu là nhân tài ».

Ở trong những cái trại này ai khôn thì lo mà dậy cho sớm, vào nhà rửa mặt mới khỏi bị ngửi các thứ mùi... của những người vào trước. Không phải để tự khoe mình khôn nhưng tôi vốn thuộc loại ngủ sớm dậy sớm nên thoát khỏi cái mùi bắt hủ mà tôi hôm qua khứu giác phải chịu đựng một cách đau khổ.

Tôi qua trước khi ngủ T.H. hỏi tôi viết gì mà dài thế và anh ấy dọa : «chị viết thế nào mà ngộ nhớ ai xem được biết những chuyện xấu của tôi để tôi ế vợ thì chị chết, tôi đánh chị». Nhưng anh ấy đánh được tôi chắc còn lâu. Tôi hứa sẽ ca tụng anh ấy rất nhiều để ngày về, vừa xuống thang máy bay là thấy

một cái đuôi dài lê thê toàn các cô đẹp ra đây làm đuôi đội đón anh T.H. về, tha hồ cho anh ấy chọn vợ. Nhưng mà những chàng trai tâm hồn còn mềm yếu sang Âu thế nào cũng phải bị đôi mắt xanh quyền rũ. Trước khi ngủ T.H. đã thốt lên một câu: «Các cô gái Việt không có mái tóc vàng, không có đôi mắt xanh, không biết hôn và thân hình không to lớn». Tôi hỏi lại: «Anh muốn các cô to lớn để các cô ấy đánh anh à?» T.H. không giả lời chỉ băng khuâng nói một mình: «Mắt các cô gái Việt đen ngòm chắc tâm hồn các cô ấy cũng đen điu như thế». Tôi không biết anh ấy yêu đôi mắt xanh, mái tóc vàng vì màu sắc hay chỉ vì ngày xưa còn để lại trong đầu óc các chú bé Việt hình ảnh những bà đầm mặc áo hoa để tay trần mỗi chiều đi dạo phố, và các chú bé Việt lúc ấy chỉ biết đứng xa nhìn...

Trại Milan có cả một hiệu ăn to tướng ở ngay trước cửa, hôm qua T.H. mua về cho tôi một đĩa mì (Spagueti) món ăn chính của xứ Ý nhưng vì mệt quá nên tôi chỉ ăn được có một tí và phải bỏ lại tuy phải công nhận rằng ở đây làm ngon hơn các nước khác. Thuở bé tôi cứ bảo đùa rằng sang Ý ăn mì chỉ việc nằm ở dưới cầu thang há miệng chờ ở trên người ta chuyền xuống cho, cứ thế mà nuốt không phải nhai gì cả.

18-9-61 Chia tay với ông bạn Ấn-độ chỉ còn T.H. và tôi tiếp tục về Rome,

T.H. ra nhìn lại cái xe mới thấy vỏ xe mòn lồi cả vài, anh chàng lo ngại định thay nhưng cái bánh xe kia cũng lảng bóng không kém, vừa đi vừa lo không biết có đến nơi được chăng? Còn 500 cây sô. Vào một nhà chứa xe hơi, họ bảo bánh xe kia vẫn hơn thế là thay vậy. Qua Florence ghé nhà thờ San Giovanni Battista, nhà thờ này to lớn, gốc tích bị chìm trong những sự thần thoại, người thứ nhất viết sách báo là cột đền thờ xây lên để dân tặng cho thần Mars nhưng theo nhà khảo cổ Tuscan thì nhà này xây vào quãng thế kỷ thứ 7 hoặc thứ 8 để dâng tặng cho thánh Jean Baptiste, vị thần làm chủ và che chở cho cả thành Florence. Nhà thờ này to rộng bên ngoài xây bằng cẩm thạch đen trắng. Dante, người cha của thi ca Ý đã rửa tội ở đây và ngay đến bây giờ tất cả những trẻ con sinh ở Florence mà bố mẹ người công giáo đều rửa tội ở đây.

Xem viện bảo tàng, suýt nữa lạc nhau vì T.H. và tôi chỉ muốn đi xem riêng, mỗi người một ý thích khác hẳn nhau.

Nhà cửa ở Florence đặc biệt hơn các nơi, tác phẩm nghệ thuật rất nhiều. Đến Siena chỉ đi ngang qua nhưng không ghé vì đêm nay chúng tôi muốn ngủ ở Rome.

10 giờ tôi đến Rome, đầu tiên là gặp các sinh viên người Việt anh nào cũng đầu trực tều vì đi đóng phim làm nhà sư, các anh trông thấy tôi

ngượng nên phải đội mũ trùm lên. Nhà ai cũng chật, đêm nay T.H. lại phải ngủ đất để nhường cái giường cho tôi. Suốt ngày không ăn gì nên T.H. và tôi phải đi ăn Pizza trước khi về ngủ. Pizza là một món ăn đặc biệt của Ý, làm bằng bột bở lò trên có nấm hoặc cá mòi ngon nhưng mệt quá nên cũng chẳng thấy thú vị gì.

19-9-61. Nhà các anh sinh viên này cũng không kém gì những cái trại muốn được rửa mặt phải lo dậy sớm. Sáu anh ở ba phòng, có chỗ tắm, nhà bếp, họ phải trả giá 60 nghìn lire một tháng, chia làm 6 thì cũng tạm được chỉ phải cái sự bẩn thì không còn chỗ chê. Nhất là vào trong bếp nhìn cái lò còn bẩn gấp trăm lần nhà tôi, từ nay mỗi lần ai chê nhà tôi bẩn tôi sẽ mời người ta sang La-Mã nhìn cái bếp nhà các anh sinh viên Việt-Nam này.

Sáng nay đi cùng với anh T. H. đến nhà anh Q. gặp anh Th. nhân viên sở công chánh sang học bổ túc ở Hòa Lan một năm. Anh Th. có vẻ vui mừng lúc gặp nữ đồng bào nên mang cả ảnh gia đình vợ con ra cho xem. Anh ấy kể chuyện ở Hòa Lan chỉ có hai ông người Việt nên tuy ở cách nhau mấy trăm cây số mà cũng viết thư tìm nhau, gặp nhau và trở nên đôi bạn thân. Đây là một sự cần phải ghi lên giấy vì quen sống ở Paris mà người Việt gặp nhau thì lơ đi như không trông thấy dù có khi đã từng biết nhau.

Anh Q. đưa đi đến St Pierre bỏ đây giao cho một cái bản đồ và chỉ số xe buýt thế là một mình tôi vào Vatican. Lâu lắm không lang thang như thế này. Còn gì thú vị bằng sự phải tự tìm tòi lấy, đến một nơi mà mình không quen biết từ ngôn ngữ đến đường lối.

Xe ca của khách du lịch thế giới đỗ hàng chục chiếc, nhả ra từng bầy du khách. Vào cửa trước hết là phải chen lấy vé, ai đi theo các tổ chức thì đã có vé cắm sẵn trong tay, mỗi vé giá 300 liras. Tôi không có tiền lẻ, lúc sáng đi, anh T. H. giả cho 10 nghìn lire cứ thế mang đi đến nơi bị người bán vé rầy cho một trận, may quá chẳng hiểu gì và cứ xem như ông ta đang nói những lời rất dễ thương. Chung quanh tôi mỗi người nói một thứ tiếng như ong vỡ tổ không còn biết đảng nào mà theo. Tôi len lỏi tìm được một đám khách du lịch Gia-Nã-Đại mà người chỉ dẫn nói tiếng Pháp, cứ thế là bắt đầu, từ những cái bê tấm thượng cổ to tướng bằng đá hoa mang từ Ai-Cập sang để cho cả gia đình và chó mèo có thể cùng vào tấm một lúc. Tiếp theo là những tượng đá cổ đặc biệt như tượng « Le torse du Belvédère » hoặc « Disco-bole ». Ai từng phen dám nghĩ rằng điêu khắc là một nghệ thuật bị giảng chức, vào đây chắc sẽ ngập ngừng đổi ý. Dùng chữ đẹp thì không thể nào tả hết nghĩa, chẳng biết dùng tính từ gì để diễn tả. Người ta vẫn nói câu « Hãy đến xem thành phố Naple rồi chết ». Nhưng trước khi đến Naple

xin đừng quên ghé Rome để viếng điện Vatican, một trong những kỳ quan của thế giới. Không có viện bảo tàng nào vượt nổi.

Sau khi đi viếng hết các phòng triển lãm tác-phẩm điêu khắc, cả đoàn kéo sang các phòng triển lãm vẽ tranh và Bích họa (fresque). Những bức bích họa của các nhà danh họa như Raphael, Michel Ange, Titien, Boticelli v.v., Ngoài những bức tranh nổi tiếng như La Madone của Foligno, La transfiguration của Raphael, La guérison du lépreux của Boticelli, Vocation de St. Pierre et St. André của Guirlandajo v.v., Tôi còn bỏ đoàn để dừng lại nhìn bức tranh của Lovérini 1887 có gì đẹp một cách ghê sợ.

Vào Chapelle Sixtine nơi đức Giáo Hoàng vẫn đến làm lễ cầu nguyện và cũng là nơi bầu cử Giáo-Hoàng. Người đông như chợ, từng nhóm người leo đèo đi theo một ông « ghít ». Lâm khi hai người « ghít » đứng gần nhau quá mà mỗi người nói một thứ tiếng không còn ai hiểu ai nói gì thế là một bên phải nhượng bộ chờ cho bên kia làm xong phận sự. Tất cả đều ngẩng cổ nhìn lên trần nhà vì đây là cái vòm (voûte) do tay Michel Ange trang trí lấy tất cả. Màu sắc từ mấy thế kỷ vẫn còn thắm tươi ? Những bức bích họa vẽ lại từ lúc chia ly của ánh sáng và bóng tối « la séparation de la lumière et des ténèbres » cho đến L'ivresse de Noé ? Khi Michel Ange đã già 60 tuổi mới trở lại vẽ thêm bức bích họa « Jugement dernier ». Chung quanh vòm

toàn là những bức bích họa của các họa sĩ danh tiếng khác ở thế kỷ thứ 15 nhưng vì xếp đứng bên tác phẩm của Michel Ange nên bị mờ đi ít người chú ý đến.

Sau đây chúng tôi đi đến những gian phòng trưng bày toàn thắm dẹt ở Bruxelle từ thế kỷ thứ XVI kể lại những đoạn đời của Chúa Jésus. Còn nữa, còn rất nhiều nhưng tôi không biết nói gì hơn là nhấn với mọi người cứ đến xem rồi sẽ biết, thế là tiện nhất. Cuối cùng người « ghít » đưa chúng tôi đến gian phòng tặng phẩm của thế giới tặng các vị Giáo Hoàng từ trước đến nay. Ngọc vàng châu báu đủ cả, món quà được tôn làm hoa khôi là một món quà đặc biệt của vua François Joseph d'Autriche tặng đức Giáo Hoàng Léon Décini thứ XIII. Tượng một người chẵn chiến tay ôm cừu bên cạnh một bầy cừu. (Độc Thánh Kinh ai cũng biết sự tích). Tất cả đều bằng vàng dựng trên một phiến cẩm thạch. Bảo vật cổ nhiên là được bỏ cẩn thận vào lồng kính.

Ra khỏi Vatican tôi phải viết cái địa chỉ và số xe buýt để đưa hỏi người ta lỗi về. Biết có mỗi hai chữ strada và gracia, thế mà vẫn dám lang thang. Lạc đường tứ tung, người Ý chỉ đường rất lều lẻo. Có một lão định đi về cùng đường, lão hỏi tôi chiều nay có trở lại đây không (tiếng Pháp với Ý gần nhau nên dẫu không nói nhưng cũng có thể hiểu được) Tôi bảo không, thế là lão ta rút lui mất. Trời nắng hừng

hực, đói, mỗi chân, tất cả những nỗi
bực mình muôn thuở nhưng không
sao, vẫn thích, và tất cả mọi con
đường đều đưa đến thành La-Mã
lo gì...

Về đến nhà đã hơn một giờ may
gặp anh Lý xuống đi chợ, tôi vội
nhờ anh ấy mua thêm cái ăn chia
với các anh.

Ăn xong ngồi nói chuyện vớ vẩn
với các anh ấy một lúc, anh Hải
thấy tôi mang bàn chải đi đánh
răng mỉm cười chề giễu, anh ấy
đưa hộp tăm cho tôi và kiêu hãnh
nói: « Tôi vẫn giữ cái tục xla răng
sau khi ăn xong vì tôi cho là hay
nhất». Bắt chước anh Hải. Tôi cũng
lấy một cái tăm, nhưng lỗi tăm của
Ý, to tròn, nhọn một đầu, rất tiện
nhưng cũng dễ làm chảy máu răng,
rốt cuộc là tôi đành phải ném nó
đi.

Lục sách báo của các anh ấy để
đọc, ở Paris ít có dịp đọc sách Việt,
một là phải mua ở hiệu sách Lê-
Lợi, hai là phải bỏ lên tận tòa Đại
sứ mới có sách báo Việt mà đọc,
bên này các anh mới sang nên có
rất nhiều những thứ sách báo Việt
đây là tâm trạng chung của những
kẻ mới lìa quê hương, chưa bị máu
sắc ngoại quốc làm phai.

Một sự tình cờ trong mây sò báo
Mai lại có bài của anh Th H.
truyện ngắn «Bữa cơm cuối cùng».
Thật hết sức vô lý, anh em ruột
với nhau mà tôi chỉ gặp anh ấy
tâm sự trên những bài báo mà thôi,

cuộc đời với bao nhiêu trời buộc
đã chia rẽ anh em tôi. Vô lý hơn
nữa là từ Paris bỏ sang Rome để
khóc vì trong câu chuyện anh Th. H.
đã kể một mẫu tâm sự gia đình
mà vai chủ động là anh ấy và
người đã chết, là cha chúng tôi.
Người ngoài đọc có thấy gì không
nhưng giá ai thử sống cái vai trò
của tôi trong những phút đọc mẫu
tâm sự ấy. Anh H. cũng là đứa con
không may nghĩa là không được
gặp cha mẹ trước khi cha mẹ chết,
không được tiễn đưa những người
thân yêu nhất của đời mình ra
nghĩa trang. Tôi đọc xong nghe như
kim chích vào ruột. Hình như con
người tôi chưa bao giờ được khóc
tự do nên mỗi lần có dịp gì gọi
đến là nó lại bùng lên nhưng lần
nào cũng bị dập tắt đi vì không
thể làm bận rộn người chung quanh
bằng những giọt nước mắt của
mình nhất là người phương tây vẫn
gỗ đá hơn. Lắm khi buồn, tôi tha
thẩn ra nghĩa trang Montparnasse
ngồi bên một nấm mộ, lòng hướng
về những nấm mộ ở quê nhà, có
những người nhìn tôi hơi ngạc
nhiên vì họ không tìm thấy một
nét liên lạc gì trên nét mặt con
người Á đông đang buồn rầu ngồi
cạnh với tên tuổi của người chết
khắc trên nấm mộ. Nhưng họ hiểu
làm sao nổi. Sung sướng thay những
ai được tiễn cha mẹ ra nghĩa trang,
được tự do buồn, tự do khóc trong
những phút ấy. Lỗi tại anh H. đâu
sao anh ấy cũng còn được chút an
 ủi là bây giờ thỉnh thoảng buồn có

thề lang thang lên ngồi bên cạnh mộ. Thiên nhật ký này tôi định chỉ ghi vào những gì vui nhất để mỗi lần đọc lại sẽ tìm được những phút vui qua. Thề mà vẫn không tránh khỏi những ý nghĩ u ám, xin lỗi vậy. Thấy tôi nằm gục mặt trong giường, anh Chi, một sinh viên học thuốc, vội vã chạy đến hỏi thăm có phải tôi đang lên cơn đau dạ dày không? Tôi không biết nên trả lời thế nào. Cái bệnh dạ dày nan y đâm ra ai cũng biết.

Chiều nay đi chơi với anh Hải chủ nhà, gọi là chủ cũng không đúng chỉ vì năm ngoái lúc làm giấy thuê nhà chỉ có anh ấy là đủ tuổi có thể đứng tên được mà thôi. Anh này vì cũng có đóng phim làm sư, nên ra đường phải đội mũ để che cái đầu trọc. Chúng tôi lấy métro đi, xứ Ý chỉ có mỗi một đường métro và métro cũng chỉ có một hạng chứ không chia ra hạng nhất hạng nhì như ở Pháp. Chúng tôi đi thẳng đến Colisée hay là amphitheatrum flavium, dấu tích của một thời thịnh vượng flavienne cuối thế kỷ thứ nhất, sau thiên chúa (Vespasien bắt đầu xây năm 72 và con trai Titus tiếp tục vào năm 80) người ta kể rằng khi khai mạc có đến năm ngàn ác thú bị giết, có cả thủy chiến và cuộc khai mạc kéo dài 100 ngày. Colisée còn là nơi người ta dùng để khủng bố rất dã man các tín đồ thiên chúa giáo vào hồi thế kỷ thứ hai và thứ ba. Trong vòng 300 năm nơi này là chỗ đầu trường giữa người với loài ác thú.

Colisée rất rộng chứa được 5 nghìn người, xây bằng vôi với gạch, bên ngoài là vòng bán nguyệt chia ra mấy tầng dành cho các giai cấp khán giả. Bên trong đào sâu xuống dưới xây thành vòng tròn mà hiện còn thấy những cái vòng sắt rất to, những bàn đạp ngựa (étriers) những đường hầm dẫn nước vào. Thời gian đã làm long lở đi rất nhiều nhờ có hai vị Giáo Hoàng Gregoire XIV và Pie IX đã sửa chữa lại để cò gìn giữ vì theo câu sấm truyền: « Ngày nào Colisée này còn thì La-Mã còn, Colisée ngã thì La-Mã cũng ngã theo và cũng là ngày tận thế ». Nghe câu này tôi lại nhớ đến câu « Đồng trụ chiết, giao chi diệt ». Tiếc rằng vì chiều nên đóng cửa ở những tầng trên chúng tôi không thể trèo lên nhìn xuống được.

Sau đây chúng tôi đi xem mấy cái Forum, anh H. hỏi tôi: « Nhìn mấy cái cột nát, những bức tường đổ này, chị có nghĩ gì không? Có chứ ai mà lại không nghĩ. Nói những ý nghĩ của tôi ra anh Hải kêu ầm lên hỏi tôi còn đợi gì mà không làm thơ. Đi qua Place de la colonne chúng tôi dừng lại xem một hồi lâu. Cột này lấy tên của Trajan tên một vị vua La-Mã xây Năm 112 để kỷ niệm cuộc thắng lợi ở Dacians (dacie). Cột xây bằng 80 khối đá cẩm thạch, bên trong có thang cấp, bên ngoài chạm trổ có đến 2500 hình người diễn lại cuộc đấu tranh ở Dacian, cột cao hơn 300 thước ở trên có tượng của vua Trajan.

Tôi hơn 8 giờ mới về đến nhà, các anh nấu phở gà hôm nay, thú vị chưa? Trong số các anh nấy có anh Lý người Nam làm bếp rất giỏi và hát rất hay. Mặt mày ngây thơ tính nết ngoan ngoãn, giống như tất cả những anh khác. Tôi hỏi anh Lý biết làm bếp trước kia hay sang đến đây mới tìm tôi lấy như phần đông những người Việt khác, trong số ấy có cả tôi. Anh Lý bảo: « Vì trước kia mẹ tôi đi vắng nhà suốt ngày nên dạy cho tôi ở nhà nấu lấy mà ăn ». Anh ấy vừa làm bếp vừa hát những bài mới ở nhà, làm tôi nhớ Sài Gòn quá. Anh Hảo, người Trung, dọa sẽ làm bún bò thết tôi và anh Hùng còn nợ tôi một tiệc phở do tay anh ấy

nấu lấy. Nhà các anh nấy không có bát nên dùng đĩa sâu làm bát, và nhất định không chịu gọi nó là cái đĩa mà cứ nằng nặc gọi nó là cái bát, hôm mới đến nghe nói có cái bát tôi đi tìm mãi chẳng thấy đâu cả, các anh ấy phải đưa ra mới biết thì ra nó là cái đĩa. Hôm nay vì đặc biệt ăn phở nên các anh ấy tử tế nhường cho tôi một cái bát thật, độc nhất trong nhà nhưng nhìn lại nó không hẳn là cái bát, có thể gọi là cái chậu làm dưa bên xứ ta vừa to vừa nặng. Dẫu sao ăn phở của anh Lý vẫn còn ngon hơn ăn cơm Ý, quả thật tôi là đứa quê mùa nhất.

MINH-ĐỨC

biển sáng

huy - lực

*Bình minh cười rục biển
Trăng sao trốn cuộc đời
Hòn bi hồng ai liệng
Nằm trên cát chơi-vơi. . .*

*Ngày vươn vai thức giấc
Vén màn đêm tung trời
Gió nồng thơm phảng-phất
Thơ dong buồm ra khơi. . .*

H. L.

TỜ MÂY

BÙI - GIÁNG

HUẾ

Chập chờn hương thồi ngàn thông
Lời dâng cánh mỏng nét bông bênh mây
Vàng xanh mắt ghé bên mây
Hồn xuân ước hẹn với tay ngón về
Ngậm ngùi xoay điệu tề mề
Chiều kia nức nở xuống đê âm thanh
Bước đi tự buổi cây cảnh
Bỏ rơi lá cũ bên thành nhặt son
Trời kim hải ngó thu mòn
Cồn hoa tề lạnh lệ đồn nguyên tiêu
Chiêm bao giấn bước mộng liễu
Tuyết băng tụ giữa gió diu lang thang

LỤC TỈNH

Hồng về hương bóng bay ngang
Trời xanh tụ lá hàng hàng ngần ngợ
Em đi tự buổi ai ngờ
Tiếng than đầu ngõ bây giờ vọng qua
Ngọn nguồn em có nhớ ra
Đầu nghiêng gợn sóng nước xa thêm bờ
Trời Lục Tỉnh lất lây thơ
Đồng thanh thánh thót sương mờ Hậu Giang
Xa nhau cỏ lạnh trên ngàn
Nhớ nhung gửi nước lũ tràn xuống khe
Mùa măng hoa núi lại về
Thị thành mở cửa đón nghe một lời

B. G.

Mặc - nhận

MINH - KHIẾT

Chưa lần nào hai người còn trẻ đó !
Đặt tay nhau sóng bước giữa công viên,
Thóc-mách bên tai những giọng chim hiền :

— Em tôi đẹp !

— Thơ anh làm tuyệt quá !



Chưa lần nào, sau chiều mưa lâm-lũ,
Tan sở làm, người vội-vã « rồ » xăng....
(Em về xe, hay lại cũng về chân ?)

— Ô, anh đến !

— Đưa em về kéo tối.



Chưa lần nào, trong vườn tràn nắng mới,
Vai kề vai ; cùng nhắc chuyện trầu cau ;
Giấy mực bây giờ, vàng đá mai sau,
— Em có thuận ?

— Đến ngày nao anh nhỉ ?



Chưa lần nào, giữa trời khuya, thủ thi
Đấy trăng, sao — Người chứng của chúng mình
(Xin nguyên thể, dù gặp cảnh điêu-linh)
— Mãi bền chặt...

— Mãi chung tình anh nhé !



Chưa lần nào, nhưng thấy đều có cả
Trong suy tư, đã cho, nhận quá nhiều....
Hai dòng sông, thuyền : chung một bến yêu,
Dù cách trở, vẫn dặt dìu âm hưởng.



Chưa lần nào, vì hãy còn tin tưởng,
Tay chẳng trong tay, lòng hiểu qua lòng.
Lối đi về, còn cách núi, rào sông.
Trước Thượng-Đế, Họ cúi đầu mặc-nhận !

M. K.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim

Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamoc

**Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông**

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

NGỘ NHẬN

(*LE MALENTENDU*)

ALBERT CAMUS

BÙI-GIÁNG dịch

(xin xem B. K. từ số 117)

LỚP II

Gian phòng. Bóng tối khởi sự phủ tràn. Jan nhìn ra ngoài, bên cửa sổ.

XEN I

Jan

Maria nói có lý, giờ phút này nhọc nhằn lắm. (*Một lúc*). Nàng đương làm gì trong phòng trọ, nàng suy nghĩ gì? Tâm hồn khép lại, mi mắt khô, im lìm thu hình trong chiếc ghế? Nhưng đêm xưa, ở trời xa ấy... nhưng niềm hứa hẹn hạnh phúc ngày mai... (*Chàng ngó lại gian phòng*). Mà thôi, sao ta lại lo âu vô lý thế này. Lòng đã định, sao còn cứ bầu khoăn. Chính trong gian phòng này mọi sự sẽ được dàn xếp.

Có tiếng gõ cửa thình lình. Martha bước vào.

Martha

Thưa ông, tôi không phá rầy ông chứ? Ông cho phép tôi thay nước và đổi khăn lau.

Jan

Thế à? Hình như đã được thay rồi chứ?

Martha

Chưa. Người đầy tớ già đôi lúc đang trí quá.

Jan

Không hề gì... Tôi... Tôi ngần ngại không dám nói rằng... cô không làm rộn tôi chút nào.

Martha

Tại sao?

Jan

Tôi không chắc rằng cái đó nằm trong quy ước.

Martha

Ông thấy chưa? Tại sao ông không thể đáp như mọi người? Tại sao?

NGỘ NHẬN

Jan, chàng mỉm cười.

Tôi phải tập cho quen dần. Cô hãy chậm rãi cho tôi một thời gian tập sự.

Martha, loay hoay xếp dọn.

Ông sắp phải đi. Ông sẽ không có thì giờ đâu, ông ạ.

Jan quay mặt đi, nhìn ra cửa sổ. Martha quan sát chàng. Jan vẫn quay lưng. Nàng vừa xếp dọn vừa nói.

Thưa ông, tôi rất tiếc rằng gian phòng này không đầy đủ tiện nghi như ông mong muốn.

Jan

Gian phòng rất sạch sẽ, đó là điều hệ trọng nhất. Vả lại nó vừa được dọn xếp, sửa sang lại, phải chăng?

Martha

Phải. Sao ông biết?

Jan

Nhìn đôi chi tiết thì rõ ngay.

Martha

Dù sao, khách trọ vẫn phàn nàn vì thiếu nước máy. Họ phàn nàn cũng phải. Từ lâu chúng tôi vẫn mong muốn đặt một bóng đèn điện ở đầu giường. Đối với những người quen nằm trong giường đọc sách mà phải trỗi dậy tắt đèn thì thật là bức.

Jan, chàng quay lại

Quả thật tôi không để ý tới cái đó. Nhưng không hề gì.

Martha

Ông thật là độ lượng. Tôi rất hân hoan thấy rằng ông không để ý tới bao nhiêu

cái khuyết điểm của quán trọ này. Có người không chịu nổi ắt là bỏ đi ngay.

Jan

Mặc dù những quy ước, cô hãy cho phép tôi nói thật rằng cô... cô « khác thường » quá. Có chủ quán nào lại đi phơi bày mãi những cái hỏng của quán mình. Nghe mà tưởng như cô có ý mong tôi bỏ đi không bằng.

Martha

Ý tôi không hẳn là như vậy (*quyết định*). Nhưng quả thật mẹ con tôi dần dần mới chịu tiếp đón ông.

Jan

Tôi cũng có nhận thấy thế. Bà và cô không thiết cảm giữ tôi mấy tí. Nhưng tôi không hiểu tại sao. Chắc cô không nghi ngờ... Chắc cô không sợ tôi nghèo quá không trả nổi tiền mướn phòng? và tôi cũng không có vẻ gì giống hạng người bất lương?

Martha

Không, không phải thế. Ông không có vẻ gì của người bất lương cả. Chúng tôi sắp bỏ quán này để đi nơi khác, vì thế nên trong thời gian này, chúng tôi đã định đóng cửa không đón khách, để có thì giờ soạn sửa lên đường. Điều đó cũng dễ, vì khách đến đây hiếm hoi lắm. Nhưng chính riêng đối với ông, chúng tôi mới hiểu rằng từ lâu chúng tôi đã từ bỏ ý định làm lại cái nghề cũ...từ bỏ đến một trình hạn nào...

Jan

Thế ra cô muốn tôi đi?

BÁCH KHOA CXIX

Martha

Tôi đã nói, mẹ con tôi do dự nhiều, nhất là tôi. Sự thật thì mọi sự do tôi, thế mà tôi chưa rõ mình phải quyết định theo bề nào.

Jan

Tôi không muốn bà và cô phải phiền lòng. Tôi sẽ làm theo ý cô muốn. Nhưng tôi xin nói rằng nếu có thể ở lại một đôi ngày thì tiện cho tôi lắm. Tôi có công việc phải dàn xếp ổn thỏa, trước khi lên đường viễn du, và tôi đã mong tìm được nơi đây chút yên nghỉ thanh bình thích hợp.

Martha

Tôi hiểu điều ông mong muốn. Ông tin cho nhé, tôi sẽ còn nghĩ tới điều đó nhiều.

Một lúc. Nàng ngáp ngừng bước một bước về phía cửa.

Vậy ông sắp quay về miền cũ ?

Jan

Có lẽ.

Martha

Miền đó lộng lẫy lắm, phải không ?

Jan, chàng nhìn ra cửa sổ.

Vâng, miền đó đẹp lắm.

Martha

Tôi nghe người ta bảo rằng ở những miền đó có nhiều bãi biển im vắng quanh quē suốt bốn mùa, phải không ?

Jan

Đúng thế. Nơi đó không có dấu vết gì của đời sống con người. Buổi mai, ra bãi ta thấy dấu chân chim trên cát. Dấu

chân những con hải điểu. Đó là những dấu hiệu duy nhất của sự sống. Còn buổi chiều...

Martha, dịu dàng.

Còn những buổi chiều thì sao ?

Jan

Những buổi chiều thật choáng váng ngắt ngậy. Vâng. Đó là một miền lộng lẫy lắm.

Martha, với một giọng đổi khác.

Tôi vẫn thường nghĩ tới luôn. Nhiều du khách kể lại tôi nghe. Tôi có đọc ít nhiều trong sách vở. Nhiều bận, như hôm nay, giữa mùa Xuân đang màu lên chát chát, ngồi ở đây mà lòng gửi đâu xa. Phương trời kia bốn mùa hoa lá nở... *(Một lúc, rồi, đổi giọng âm thầm).* Và những điều tôi mơ tưởng đã xui tôi mù mắt không thấy gì nữa cả ở xung quanh.

Jan nhìn nàng chăm chú, dịu dàng lại ngồi trước mặt nàng.

Jan

Tôi hiểu. Mùa xuân ở miền xa bên trời ấy ngập tràn hương sắc, hoa nở ngàn ngàn trên những bức tường vôi trắng. Nếu cô đi dạo một giờ trên những đồi núi quanh đô thị tôi ở, thì cô sẽ mang về trong nếp áo mùi hương dịu mát của bao đóa hồng vàng.

Martha cũng ngồi lại.

Martha

Ô, kỳ diệu thật ! Ở đây, cái mà chúng tôi gọi mùa xuân chỉ là một đóa hồng và hai nụ lộc chớm nở trong khu vườn

tu viện. (Khinh bỉ). Chẳng đó đủ làm xáo động tâm hồn thiên hạ ở đây. Nhưng lòng họ cũng lơ láo như đóa hồng khoe kiết ấy. Một làn gió mạnh sẽ làm xiêu rụng héo khô ngay. Ô ! con người họ thế nào thì mùa xuân của họ thế ấy.

Jan

Cô nói chưa đúng lắm. Bởi vì còn mùa thu nữa.

Martha

Mùa thu như thế nào ? Mùa thu là gì ?

Jan

Là một mùa xuân thứ hai. Tất cả lá cây đều giống hệt như hoa thắm. (Chàng nhìn Martha có vẻ khấn khodu). Có lẽ những người cô gặp... cũng sẽ nảy nở huy hoàng như vậy, nếu cô chịu kiên nhẫn giúp họ một chút thôi.

Martha

Tôi không thể nào còn giữ được một chút kiên nhẫn nào đối với cái giải đất Âu Châu này. Mùa thu giống như mùa xuân và mùa xuân dâng mùi tử nhục. Nhưng tôi hình dung ngầy ngất cái miền xứ xa lạ kia có một mùa hè rực rỡ ngập trời, thiêu đốt hết vạn vật, còn mùa đông mưa trút như vùi chôn hết các đô thị, để cuối cùng, vạn vật sẽ hiện lại nguyên hình.

Một lúc im lặng. Jan càng nhìn Martha một cách tò mò thêm mãi. Nàng nhận thấy, và đột ngột đứng lên.

Martha

Tại sao ông nhìn tôi như thế ?

Jan

Xin lỗi cô, nhưng vì vừa rồi chúng ta đã gác quy ước lại một bên, nên tôi có thể nói với cô rằng : đây là lần đầu tiên, tôi nhận thấy cô nói chuyện đúng giọng điệu con người.

Martha, giọng mãnh liệt.

Ông làm. Cho dầu sự thật là thế, thì ông cũng không nên lấy đó làm mừng. Cái tốt nơi tôi không phải là nhân tính. Bởi vì nhân tính nơi tôi là những dục vọng, cái tôi giống con người là cái tôi ước ao, mà muốn đạt tới cái mình ước ao, tôi tin rằng tôi sẽ dày xéo hết mọi trở lực trên đường.

Jan, chàng mỉm cười.

Đó là những sự mãnh liệt tôi hiểu được lắm lắm. Tôi không phải kinh sợ gì, bởi vì tôi sẽ không là một trở ngại trên bước đường của cô. Không có gì xui tôi chống đối lại những ước muốn của cô.

Martha

Ông không có lý do gì để chống đối, chắc chắn như vậy. Nhưng ông cũng không có lý do gì để đem thân mình ra phục vụ chúng, và trong vài trường hợp, điều đó có thể xô đẩy mọi sự tới gặp.

Jan

Ai nói với cô rằng tôi không có lý do để đem thân mình ra phục vụ ?

Martha

Lương tri nói, và ý muốn của tôi. Tôi muốn gạt ông ra ngoài những trù định của tôi.

Jan

Bây giờ cô lại trở về với những quy ước cũ.

Martha

Phải, và chúng ta đã lầm lạc khi xa rời quy ước, ông thấy chưa. Tôi chỉ xin cảm ơn ông đã nói cho tôi nhiều về những nơi ông biết, và tôi xin lỗi vì có lẽ đã làm ông mất thì giờ (*Nàng quay ra gần đến cửa*)

Nhưng tôi cũng cần cho ông rõ rằng, đối với tôi, cái thì giờ đó không phí đâu. Nó đã đánh thức những ước muốn nào âm ỷ... tiềm tàng. Nếu không, có lẽ tôi quên đi mất. Nếu quả thật ông muốn ở lại đây, thì ông đã toại nguyện một cách bất ngờ. Tôi đã định đến bảo ông hãy nên bỏ mà đi, nhưng chính ông đã nói đến nhân tính của tôi, và vì thế nên bây giờ tôi mong ông ở lại. Niềm khát vọng bề khơi và ánh sáng của tôi sẽ được thỏa mãn nhiều.

Jan nhìn nàng một lúc im lặng.

Jan, chậm rãi

Giọng nói của cô nghe kỳ dị lắm. Nhưng tôi sẽ ở lại, nếu có thể, nếu mẹ cô cũng không thấy trở ngại gì.

Martha

Mẹ tôi có những ước muốn nhẹ hơn tôi, cố nhiên. Bà ta không có những lý do như tôi để mong ông ở lại. Bà ta không mơ tưởng tới bề khơi, bãi vắng, nên bà ta không chấp thuận việc cầm giữ ông ở lại đây. Đây chỉ là lý do với riêng tôi. Nhưng, đồng thời, mẹ tôi cũng chẳng có gì mạnh mẽ để mà phản đối, và như vậy đủ để vấn đề được dàn xếp ổn thỏa.

Jan

Nếu tôi không làm thì trong hai người, một người giữ tôi vì nỗi lợi, còn người kia vì hững hờ?

Martha

Một người khách trọ còn có thể mong muốn gì hơn nữa?

Nàng mở cửa.

Jan

Vậy thì tôi phải hân hoan. Nhưng hẳn là cô cũng hiểu cho chứ? mọi việc ở đây có vẻ kỳ dị lắm, ngôn ngữ và người. Ngôi nhà này thật là khác lạ.

Martha

Có lẽ chỉ tại ông. Ông xử sự một cách khác lạ.

XEN II

Jan, nhìn về phía cửa,

Có lẽ, phải rồi... (*chàng đến bên giường và ngồi xuống*). Nhưng cô gái này làm ta e ngại. Ta muốn bỏ đi, trở về với Maria, tìm lại hạnh phúc. Ta đến đây để làm gì? Thật là ngu xuẩn. Nhưng không. Ta có

bổn phận với mẹ và với em. Ta đã hờ mẹ và em ra đi một thời gian lâu quá. (*Chàng đứng lên*). Vâng. Mọi sự sẽ được dàn xếp định đoạt ở đây, chính trong gian phòng này.

Nhưng sao gian phòng lạnh lẽo quá?

NGỘ NHẬN

Ta chẳng còn nhận ra được gì cả. Cái gì cũng khác. Đổi mới hết. Gian phòng trở thành giống hệt như mọi phòng ngủ ở những thành phố xa lạ kia, với những khách xa lạ kia, với những khách đơn độc đi về mỗi tối. Ta cũng từng đã biết.

Ngày đó ta cũng tưởng rằng chắc có một lời đáp ta phải tìm ra. Biết đâu ta chẳng tìm ra ở chính nơi này. (Chàng nhìn ra ngoài) Trời mây âm u lắm. Giờ đây niềm khắc khoải cũ lại trở về, nó nằm đây, ở giữa xương da, giống như một vết thương khôn hàn, máu vẫn rỉ chảy. Một chút cử động cũng làm cho tê điếng. Tên nó là gì? Là sự hãi hùng trước cô đơn vĩnh viễn, là niềm thảng

thốt lo sợ không tìm được câu trả lời. Vâng. Làm sao tìm ra câu trả lời ở một gian phòng trọ?

Chàng tiến lại bên chuông báo Ngập ngừng rồi bấm chuông. Không nghe gì hết. Một lúc im lặng, tiếng chân đi, một tiếng gõ cửa. Cửa mở. Người đầy tớ già đứng im lìm không nói.

Jan

Xin lỗi ông. Không có gì. Tôi chỉ muốn thử xem có ai đáp không. Thử xem chuông còn reo không.

Ông già nhìn chàng, rồi đóng cửa. Tiếng chân xa dần.

XEN III

Jan

Chuông reo, nhưng ông già không nói. Đó không phải là câu trả lời. (Chàng

nhìn trời). Làm sao?

Hai tiếng gõ cửa. Cô gái vào, bưng một cái khay.

XEN IV

Jan

Gì thế cô?

Martha

Nước trà của ông gọi.

Jan

Tôi có gọi gì đâu.

Martha

A? Thử thì ông lão nghe nhầm. Ông ta quen lối đoán chừng. (Nàng đặt khay lên bàn. Jan đưa tay...) Hay là tôi phải mang trở ra?

Jan

Không, không, trái lại, xin cảm ơn cô.

Nàng nhìn Jan. Nàng bước ra.

BÁCH KHOA CXIX

XEN V

Chàng cầm tách, ngó nhìn, rồi lại đặt xuống.

Jan

Một cốc bia, nhưng đổi lấy bạc; một tách trà, nhưng vì nhầm lẫn. (*Chàng nằng nặt, cầm một lúc lạng lẽ. Rồi nói giọng bơ thờ*). Ô Trời! Hãy giúp tôi tìm ra tiếng nói, tìm được những lời thích hợp. Nếu không thì cho phép tôi chấm dứt việc dọ dẫm này, mà trở về với tình yêu

của người vợ. Hãy cho tôi đủ sức chọn lựa theo sở thích của mình, và bám vào mà gìn giữ. (*Chàng cười*). Nào, ta bây giờ vui lên, nếm nỡ dự tiệc. Đây là thịnh yến của gia đình thật dài đưa con phóng đang trở về!

Chàng nằng. Có tiếng gõ cửa thật mạnh. Gì thế?

Cửa mở. Bà mẹ bước vào.

XEN VI

Bà mẹ

Xin lỗi ông, con gái tôi bảo rằng nó có đem trà đến ông dùng.

Jan

Vâng, có đấy.

Bà mẹ

Ông đã uống?

Jan

Vâng, thế thì sao?

Bà mẹ

Xin lỗi, ông, tôi dọn khay vậy.

Jan

Tôi đã làm phiền bà. Tôi rất tiếc...

Bà mẹ

Không hề gì. Thật ra, trà này không phải để ông dùng.

Jan

A! Thế sao. Cô gái của bà mang đến nhưng sự thật là tôi không gọi.

Bà Mẹ, giọng mệt mỏi.

Vâng thế đó. Đáng lẽ ra...

Jan, ngạc nhiên.

Tôi rất tiếc, bà hiểu cho, tôi không muốn, nhưng cô ấy vẫn cứ để lại, và tôi không biết rằng...

Bà Mẹ

Tôi cũng rất tiếc. Nhưng ông đừng xin lỗi gì hết. Đây chỉ là do nhầm lẫn.

Bà ta dọn khay và sắp bước ra.

Jan

Thưa bà!

Bà mẹ

Vâng?

Jan

Tôi vừa mới định : Chiều nay ăn trưa xong tôi xin đi, chắc thế... Cổ nhiên, tôi sẽ trả đủ tiền phòng cho bà.

Bà lặng lẽ nhìn chàng.

Tôi hiểu... bà có vẻ ngạc nhiên. Nhưng xin bà đừng bận tâm gì hết. Mọi sự không do bà. Đối với bà, tôi quyến luyến, quyến luyến rất nhiều. Nhưng quả thật ở đây tôi cảm thấy lóng cóng ít nhiều, nên xin đi vậy.

Bà Mẹ *chậm rãi.*

Không hề gì ông ạ. Bao giờ ông cũng hoàn toàn tự do, nguyên tắc là vậy. Nhưng từ đây đến trưa, có lẽ ông sẽ đổi ý. Đôi lúc, người ta buông theo cảm giác nhất thời, nhưng rồi mọi sự sẽ được dàn xếp, và ta sẽ quên đi.

Jan

Tôi không tin như vậy, thưa bà... Dù sao tôi cũng mong bà đừng nghĩ rằng tôi đi vì bất mãn. Trái lại, tôi rất cảm tạ bà đã đón tiếp tôi .. (*Chàng ngập ngừng*). Tôi thấy hình như bà đối xử với tôi rất độ lượng.

Bà mẹ

Tất nhiên phải là như vậy. Tôi không có lý do gì riêng để ác cảm với ông

Jan *nén xúc động*

Có lẽ, thật vậy. Nhưng tôi nói với bà điều đó là có ý mong được từ già bà một cách thỏa đáng. Ngày sau có lẽ tôi sẽ trở lại. Tôi chắc thế. Nhưng bây giờ, tôi có cảm tưởng như mình đã nhầm lẫn và không biết mình ở đây để làm gì. Nói thật với bà, tôi có cảm tưởng đau buồn là căn nhà này quá xa lạ đối với tôi.

Bà vẫn nhìn chàng.

Bà mẹ

Phải, đúng là như vậy. Nhưng thường thường, đó là những điều người ta cảm thấy ngay từ lúc đầu.

Jan

Vâng, thưa bà. Tôi vốn đang trí hơi nhiều. Và lâu ngày trở lại một chốn nào xa cách lâu năm, thật là khó khăn lắm. Thưa Bà, bà cũng rõ cho như vậy.

Bà mẹ

Tôi hiểu ông lắm. Tôi cũng muốn mọi sự dàn xếp thỏa đáng cho ông. Nhưng tôi nghĩ rằng, đối với chúng tôi... phải là... thật cũng khó nói...

Jan

Dạ ! Thật là như vậy. Tôi không hờn trách bà điều gì hết cả. Chỉ vì bà và cô là những người đầu tiên tôi gặp lại tự lúc về đây. Và cổ nhiên những khó khăn không tránh được. Và cổ nhiên lỗi tại tôi hết cả. Tôi còn lơ láo lắm giữa chốn này.

Bà mẹ

Khi mọi sự đều khó khăn, ai làm sao dàn xếp xong cho được. Quả thật, chúng tôi cũng buồn lắm, giờ đây ông lại quyết định đi. Nhưng dù sao, tôi cũng không thấy có lý do gì để coi đó là điều hệ trọng.

Jan

Bà chia sẻ chút buồn phiền của tôi, thế đã là quý lắm. Bà đã cố gắng hiểu lòng tôi. Tôi không biết nói làm sao để bà rõ rằng điều bà vừa nói làm tôi cảm

đang biết chừng nào. (Chàng toan bước tới.) Thưa. Thưa bà...

Bà mẹ

Bao giờ chúng tôi cũng phải gắng niềm nở đối với mọi khách trọ. Nghề nghiệp buộc phải vậy.

Jan, chán nản.

Bà nói rất có lý. (Một lúc.) Dù sao, tôi cũng được phép xin lỗi bà, và xin bồi thường tổn kém cho bà, nếu bà xét thấy như vậy là phải.

Chàng đưa tay lên trán. Xem chàng mệt mỏi hơn. Chàng nói khó khăn hơn.

Bà đã dọn sửa, tiêu pha, và cố nhiên là...

Bà mẹ

Thật ra không phải chúng tôi đòi tiền bồi thường. Chúng tôi tỏ ý hối tiếc không phải vì mình, mà vì ông.

Jan, chàng dựa chán vào góc bàn.

Ồ ! không hề gì cái đó. Điều cốt yếu

là chúng ta thỏa thuận, và khi tôi đi rồi, đừng để lại cho bà một kỷ niệm không đẹp. Tôi sẽ không quên căn nhà này, bà hiểu cho như vậy, và tôi mong rằng, ngày sau trở lại, tôi sẽ biết lỗi. . . tôi sẽ bớt lóng cồng, không như bây giờ.

Bà mẹ bước về phía cửa không nói lời nào.

Jan

Thưa bà !

Bà quay lại. Chàng nói một cách khó khăn, rồi kết thúc dễ hơn lúc bắt đầu. (1)

Tôi muốn. . . (chàng dừng lại). Xin bà thứ lỗi, chỉ vì đi xa nên nhọc mệt. (Chàng ngồi xuống giường). Tôi muốn dù sao cũng xin được cảm tạ bà. . . Và mong bà hiểu cho rằng tôi già từ gian nhà này không phải như lỗi người khách lạ.

Bà mẹ

Xin lỗi ông.

Bà bước ra.

XEN VII

Chàng nhìn bà bước ra. Chàng toan bước theo, nhưng đồng thời cho thấy nhiều dấu hiệu mệt mỏi. Như không gắng gượng được nữa, chàng tựa xuống gối.

Jan

Ngày mai, ta sẽ cùng Maria trở lại nơi này và ta sẽ nói : « Thưa mẹ, con đây ». Mẹ và em sẽ sung sướng. Phải rồi. Nhất định là thế. Maria nói có lý (Chàng thở ra, nằm nghiêng đầu xuống). Ôi ! buổi chiều nay sao mà buồn chán

quá. Mọi sự quá xa xôi. (Chàng hoàn toàn nằm duỗi, nói những lời gì không rõ). Phải hay không ?

(1) Nghĩa là sự cố gắng cùng cực một lần cuối. . . trước khi thề phách tan lìa.

(Lời chú của người dịch)

NGỘ NHẬN

*Chàng ngủ thiếp. Đêm tối. Vắng lặng.
Hai người đàn bà cầm đèn bước vào.*

Người đầy tớ già theo sau.

XEN VIII

Martha

*Cầm đèn soi thân hình người khách, thì
thào nói :*

Gã ngủ say.

Bà Mẹ

*Cũng thì thào, nhưng càng về sau càng
lớn giọng :*

Hồng. Hồng cả. Ta không bằng lòng.
Con buộc ta nhúng tay vào việc này. Con
đã cưỡng ép ta Lôi cuốn ta. Con khởi
đầu rồi bắt ta phải kết thúc. Ta không
thích cái lối đó. Con dẫn gỗ, con buộc ta
vác cây.

Martha

Không làm thế sao được. Mẹ cứ do
dự hoang mang, thì con có bốn phận phải
quyết liệt.

Bà mẹ

Ta biết lắm. Không thể nào tránh khỏi.
Con bưng bình nặng nặc một hai. Ta
không thích.

Martha

Thôi, hãy gác lại. Hãy nghĩ tới ngày
mai và ra tay gấp.

*Nàng lục túi áo của người ngủ, móc
ra tấm ví và đem bạc. Lần lượt khắp
túi trên túi dưới. Tờ giấy thông hành rơi
ra, lọt xuống kẽ giường. Người đầy tớ
già nhặt lấy, hai mẹ con Martha không
hay biết. Người đầy tớ ra ngoài.*

Martha

Thế là xong. Một lát nữa, nước sông
sẽ dâng đầy. Thôi ta xuống phòng dưới.
Lát nữa nghe triều nước dâng lên tràn
qua bờ đập, ta sẽ trở lên khiêng gã đi.
Nào, xuống thôi, mẹ !

Bà mẹ, thần nhiên.

Không. Cứ ở lại đây. Ta thích ở đây.

Bà ngồi xuống.

Martha

Nhưng... (Nàng nhìn mẹ rồi tỏ vẻ thách
đố). Con không hoảng sợ đâu, mẹ đừng
tưởng lầm nhé. Được, cứ ngồi đây đợi.

Bà mẹ

Phải, ngồi đây mà đợi. Đợi... Đợi
chờ... cho khỏe... Đợi chờ cho... cho.
Lát nữa sẽ phải khiêng gã đi suốt dọc
đường, từ đây cho tới bến nước. Nghĩ
tới mà thấy mỗi rụi cả người. Mỗi một
chấn chường đã ăn sâu trong xương
máu tự bao giờ không làm sao tiêu tan
được nữa. (Bà lắc lư như gật gù muốn
ngủ). Còn gã ? Gã ngủ li bì. Gã già
biệt cỏi đời. Từ nay thôi hết. Mọi sự
đổi với gã đã êm xuôi. Từ một giấc
ngủ đầy vang-bóng, gã bước sang một
giấc ngủ say mù, lạng lẽ, không mộng,
không mơ. Ngủ. Ngủ triền miên.
Mặc kệ cỏi đời thiên hạ sống rút ray,
vò xé.

BÙI - GIANG

Martha, giọng thách đố.

Vậy ta hãy nên hoan hỉ đi ! Con đã không có lý do gì để oán ghét y, thì con cũng vui lòng thấy y không phải đau đớn gì hết. Nhưng... như dường con nước đang lên (Nàng lắng tai nghe rồi mỉm cười.) Ô ! mẹ ạ, mọi sự sắp xong xuôi.

Bà mẹ vẫn giọng cũ.

Phải, mọi sự sẽ xong xuôi. Con nước đang lên. Trong khi đó gã vẫn không hay biết gì cả. Gã vẫn ngủ say. Gã không phải băn khoăn nhọc lòng quyết định một việc gì, hoàn tất một việc gì. Gã ngủ. Gã không còn phải tự cưỡng ép mình, thôi thúc mình, buộc mình phải làm cái điều mình muốn. Gã không phải sống cái tấn tường bí đất của nội tâm ò xé... Gã ngủ, không còn phải thức mắc suy gẫm lôi thôi vì bốn phận vì nhiệm vụ, không, không, còn ta, ta già, ta mỏi, ở a muốn được như gã, ngủ li bì để êm đềm đi vào cõi chết. (Im lặng.) Con không nói gì, Martha ?

Martha

Không. Con lắng tai. Chờ nghe tiếng sóng nước vỗ.

Bà mẹ

Chỉ một lát nữa. Chỉ một lát nữa thôi. Phải, chờ một lát thôi. Dù sao trong lúc này cũng còn một chút hạnh phúc.

Martha

Hạnh phúc sẽ đến sau. Không đến trước.

Bà mẹ

Con ạ, gã có ý muốn ra đi chiều hôm nay. Con biết không ?

Martha

Không, con không biết điều đó. Nhưng cho dầu có biết đi nữa, thì con cũng hành động như vậy thôi. Con đã quyết định thế.

Bà Mẹ

Khi nãy gã nói với ta điều đó, và ta không biết trả lời ra sao.

Martha

Thế ra mẹ có tới nói chuyện với gã ?

Bà mẹ

Có. Ta định ngăn không cho gã uống. Nhưng muộn mất rồi.

Martha

Phải, muộn mất rồi ! Phải. Con xin nói mẹ rõ, chính gã đã giúp con quyết định. Trong khi con còn lưỡng lự. Con còn phân vân, Nhưng gã đã đại dột nói tới những xú xa xôi của con mong đợi, và khi làm con cảm động như vậy, gã đã cho con đủ vũ khí để sát hại gã. Đó, lòng trong sạch ngày thơ được lịch phần thưởng như thế đó.

Bà mẹ

Nhưng con ạ, cuối cùng gã đã hiểu. Gã có nói với ta rằng gã cảm thấy gian nhà này không phải là nơi có thể ở trọ được.

Martha, giọng cầu kính.

Phải, gian nhà này không phải để cho gã ở trọ, ấy bởi vì nó không phải là gian nhà trọ cho bất cứ một ai. Tất cả mọi người không ai có thể tìm nơi đây thanh bình hay ấm cúng. Nếu gã hiểu điều ấy sớm hơn một chút, thì gã đã thoát chết, và

NGO NHẬN

chúng ta đã khỏi phải dạy cho gà biết rằng gian phòng này cốt để cho thiên hạ ngủ và cuộc đời này cốt để cho thiên hạ về đây chịu chết. Thôi, thế cũng đủ rồi... (Nghe có tiếng nước dăng) Mẹ lắng tai, kìa, nước trào qua bờ đập. Nào, mẹ hãy lại đây, và hãy cầu Trời cho công việc chóng xong.

Bà mẹ bước một bước tới giường.

Bà mẹ

Nào ta ra tay. Nhưng ta tưởng chừng buổi bình minh kia sẽ không bao giờ đến.

HẠ MÀN

(còn tiếp 1 kỳ)

ĐÍNH CHÁNH

Trong Bách-Khoa số 117 bài «Độc một trang sử» có mấy lời sau mong bạn đọc sửa giùm :

Trong :
48 cột một
49 cột hai
54 cột hai
56 cột hai

Trước chép :
một đoạn thiên ở
xuống khai phá sông
đã phá hủy huyện
hiện tượng và chân

Xin chớ lại :
một đoạn **như thế** ở
xuống khai **thám** sông
đã phá **hủy** huyện
hiện tượng **xuyên tạc** chân.

Xin cáo lỗi cùng quý vị.

B. K.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
金字烟

Cigarettes JOB Surimes
COFAT CHON



CÓ CHỒNG KHÔNG TỈNH TRÍ

NGUYỄN NGU-I

Khi con người ta nhịn nói lâu quá thì dường như là con người ta quên cái nghệ-thuật nói đi, lòng sôi nổi bao nhiêu ý và tình cũng khó mà phóng thích nổi ra được.

Còn Dung thì trí vướng ngón-ngang những lo âu mới về bệnh-tật của chồng nên cũng ngậm cảm như hến. Thỉnh-thoảng nàng liếc trộm, nhìn lại chồng. Cái người đàn ông giản-dị mà nội cái việc được vợ chiều chuộng cũng đủ làm cho sung sướng ấy, mặt vui rộ lên trước các món ăn ngon, anh chàng bớt vẻ ác hiểm nhiều, tuy thế cũng không thể nào báo anh chàng có một gương mặt bình thường được. Trước kia Dung ngỡ đó là tàng-tích của sự hung tợn, nhưng giờ đây, sau điều tiết lậu của con Phèn, nàng thấy ra đó là vẻ mặt ngờ ngác của một người không được tỉnh trí lắm, nhất là đôi con mắt trắng

BỮA cơm chiều hôm đó khởi đầu bằng một cuộc im lặng tang ma. Nguyên thì lẽ cố nhiên không nói gì, mặc dầu chàng đã bỏ được bộ mặt khó khăn dăm, và mặc dầu hạnh-phúc như chói lọi ra khắp mặt chàng.

CÓ CHỒNG KHÔNG TÌNH TRÍ

đờ và lảo liêng như sợ hãi, như đi vắng hoặc như nhìn vật gì vô-hình đang ẩn hiện đâu đây...

« *Nửa đêm phát điên thình-lình, đập phá rầm rầm* ».

Lời con Phên lại như vang lên bên tai nàng. Dung đã thương yêu chồng ngay sau đêm tân hôn. Vì thế nàng rất ái ngại cho tương lai của chồng. Nàng lại ái ngại cho tánh-mạng của nàng nữa. Ừ, nửa đêm, anh ấy nổi cơn lên, giết chết mình thì ai ngăn được ?

Người chồng mà nàng hết sợ hãi bỗng nhiên trở nên một người nguy-hiểm như hôm trước ; lần này anh ta chỉ sẽ nguy-hiểm trong lúc vô ý thức thôi, nhưng đằng nào kết-quả cũng thế, nàng cũng sẽ bị « sát » bởi ông chồng tuổi Dần sát vợ này.

Đến giữa chừng bữa ăn, Nguyên mới chịu xuất khẩu :

— Em chưng món óc heo này ngon quá. Ở ngoài, vợ các anh bạn cứ hỏi về em, họ hỏi nhứt là về tài nấu ăn của em. À, này em, vợ anh giáo Đạm nài nỉ đòi lại thăm em. Anh đã từ chối khách khứa, trừ khách làm ăn. Nhưng chị ấy kéo nài hoài nên...

Dung ngắt lời chồng, hỏi :

— Xin lỗi anh, cho em chặn hỏi điều này. Em đã cảm thấy rõ rệt là anh muốn cấm em, chớ có lí nào mà anh lại không dắt em đi thăm bạn hữu xa gần, và cũng không cho họ đến chơi đây.

— Không phải vậy đâu em. Thường thường vợ chồng mới thì người ta đi du lịch. Anh bận công việc thương-mại quá,

đi xa không được nên bóp bụng mà ở nhà. Nhưng em có biết họ đi du-lịch để chi không ? Để xa tất cả mọi người quen thuộc đến quấy rầy họ. Họ muốn hạnh-phú: phải thật là thân-mật, âm-thầm, phải hoàn-toàn là của riêng của họ. Như thế mình đi không được thì trong khi ở nhà chỉ nên trốn khách là hơn.

— Anh nói nghe cũng có lí đó, nhưng không rõ anh có thành thật hay không :

— Sao em lại cho anh là không thành thật : bằng cớ của sự thành-thật của anh là việc « cấm cung » mà anh nói đó chỉ là tạm thời thôi. Hôm nay em cho em tiếp khách đây. Anh tiếp câu chuyện hồi nãy bị em chặn lại... À... chị ấy nài nỉ quá, nên anh cũng ừ cho rồi, và mai này chỉ sẽ tới chơi. Anh nói là em nhút nhát lắm.

— Em có nhút nhát đâu !

— Thì cứ nói thế để cắt nghĩa sự không đi đâu của em chớ. Chỉ nghe như vậy chỉ nói tha em việc tới thăm chỉ trước theo tục-lệ và xin đến đây thăm em.

— Anh nói là mai à ?

— Ừ sáng mai, độ chín giờ. Anh báo trước với em để em chuẩn bị...

— Đến phải chuẩn-bị để tiếp chị ấy à ?

— Nghĩa là để em khỏi ngạc nhiên. Vói lại để cho em hay trước điều này là chị giáo Đạm là một người đàn bà thuộc vào hạng người ngồi lê đôi mách. Em có nói chuyện với chị thì nói đại-khái về cảm-tưởng đầu tiên của em đối với xứ anh, hỏi thăm sơ sịa về gia-quyển chỉ rồi thôi, đừng nói gì nhiều mà sanh chuyện. Phần chị, chỉ sẽ nói tàu chớ không bết, như thế em cố tránh đừng hỏi gì thêm cho

chỉ có dịp mà nói nhiều nữa. Anh không lẽ khuyên em nên lạnh nhạt để chỉ cụt húng mà về sớm chừng nào tốt chừng nấy, nhưng em cũng nên làm chỉ bớt húng đi.

Dung ranh mãnh nói :

— Anh dạy vợ tiếp khách lịch-sự quá !

Nguyên hiểu tất cả cái mỉa-mai trong câu nói của Dung, tức giận hỏi xằng-xớm :

— Bộ em cũng ham nói lắm sao.

Dung mỉm cười bình-tĩnh đáp :

— Em chỉ nói vừa phải thôi và cũng rất sợ mấy người ba-hoa, nhưng lần đầu tiếp người ta mà nguội lạnh quá như anh dặn, coi sao cho được.

Nguyên toan đưa chén cho con Phèn xúc cơm thêm, lại thôi, buông đũa xuống. Chàng cũng không ăn tráng miệng và vội vàng đứng lên.

Dung được thấy rõ ràng sự mất bình-tĩnh mau lẹ của chồng ; bây giờ thử lại bài toán nàng mới chắc chắn là chồng mình có một bộ thần-kinh dễ bị kích-động quá. Đó là bộ thần-kinh của một người có thể điên hoặc đã điên rồi một lần.

Biết rằng đã trễ, Dung cũng gỡ sơ bằng một lời, rồi lát nữa sẽ hay :

— Nhưng nói mà nghe chớ em vẫn nghe theo lời anh dạy.

Nguyên đã đi ra ngoài sân trước.

Dung cho con Phèn dọn mâm cơm. Nàng uống nước chầm rãi như không có việc gì xảy ra và khi xong xuôi đầu đó

cả, nàng vào buồng ngủ rửa mặt chải đầu như sắp đi coi hát.

Dung đã quyết gây hạnh-phúc cho chồng thì không khi nào nàng để cho chồng buồn. Sở dĩ hôm nay nàng chọc tức chồng là để chỉ thử lại bài toán thôi, thử xem coi chồng có vững vàng về thần-kinh chăng. Và chỉ một lần ấy thôi, mà lần ấy, nàng sẽ xóa mất ngay bây giờ đây.

Xong, Dung đi ra ngoài trước. Nàng đứng lại ngưỡng cửa quan sát phía sau lưng của chồng rất lâu.

Nguyên đứng nơi thềm, tay chấp sau lưng, nhìn đăm đăm xuống bãi cỏ trước nhà. Sao đã bắt đầu thấp lèn và nhấp nháy sau những cành điệp - phượng trụi lá. Bóng Nguyên in nổi bật trên nền đêm mờ mờ, dềnh dàng như một Tạczăng.

Sợ chồng giựt mình, Dung kéo dép lẹ bẹp đi lại sau lưng Nguyên, làm bô hù một tiếng để nhát chồng chơi. Nguyên không bị hết hồn. Vẫn có một bộ thần-kinh rất nhạy nhưng lại khỏi giựt mình trước mặt vợ mới cưới, nên chàng thích chí lắm và bỗng nguội tức ngay.

Nguyên thấy vợ tinh-ngịch như trẻ con mà cũng thật thà như trẻ con, muốn hù người ta mà lại không đi rón rén. Chàng yêu vợ quá, vì được cái nết trẻ dại ấy rót sự mát dịu vào lòng đang u uất những ẩn tình không cởi mở được.

Chàng vừa choàng tay sau lưng vợ thì nghe Dung đã thả rơi mình vào lòng chàng. Dung không nhéo trách :

— Em mới cãi anh một chút, chưa kịp xin lỗi thì anh đã giận em rồi. Bộ anh hông cưng em hả ?

CÓ CHỒNG KHÔNG TÌNH TRÍ

— Giận đâu mà giận :

— Hồng giận sao anh hồng ăn nữa ?

— Tại anh no rồi.

— No thì no chớ sao lại không ăn tráng miệng ?

Nguyên tát yêu vào má vợ :

— Điều tra gắt quá.

— Anh giận em, em hồng chịu đâu.

Thôi anh quả có giận mà bây giờ anh hết giận rồi, anh xin lỗi em đó.

Không cốt nhõng nhẽo cho chồng cứng mà chỉ muốn vượt giận chồng trong giây lát. Dung đứng vững lại, cặp tay với chồng bước ra sân. Nguyên đi theo vợ như trẻ con bị dắt dẫn...

Ra tới ngoài sân, Dung huơ tay lên, nẩy ngực ra, thon bụng vào mà thở như sau khi tập thể thao.

Nguyên cười nói :

— Sau khi ăn không nên tập thể-dục, mà không tập thì đừng thở như thế.

— Em bắt chước anh mà.

— Một lát khuya và sáng dậy, anh mới tập, mới thở kia chớ

— À, này anh, anh có đọc quyển « Sức khỏe của bộ thần-kinh » chưa ?

— Không, anh không biết quyển sách đó. Mà bộ thần-kinh cũng có sức khỏe nữa à ?

— Cứ theo sách ấy thì có. Nhưng người ta lại tập thể-thao để bổ sức khỏe cho những cơ năng khác hơn là cho bộ thần-kinh. Bộ này lại cần phải lành-mạnh hơn bộ máy nào khác vì nó kiểm soát tất cả những bộ máy khác.

— Sách ấy dạy làm sao để bổ sức khỏe cho bộ thần-kinh ?

— Nó bảo nên cử các chất kích-thích như là cà-phê và trà Tàu.

— À, anh lại thích uống cà-phê mà cũng có sao đâu ?

— Không có sao bây giờ, nhưng có hại về sau.

— Hại bề nào. Anh sẽ bại xui à ?

— Không. Bại-xui cũng là một chứng bệnh thần-kinh đó, nhưng dễ trị. Cái chứng bị kích-thích của thần-kinh, trái ngược lại với chứng tê bại và khó trị hơn nhiều.

— Nó lại bảo sao nữa ?

— Nó bảo ta không nên buồn nên giận, không nên sợ hãi ..

Nguyên làm thỉnh, châu mày, cái chân mày chỉ mới bỏ được mấy hôm nay, nhờ sự an ủi của vợ

Dung ngả vào chồng, nhõng nhẽo :

— Mình đi xa không được, thì gần đây có chỗ nào cảnh đẹp, anh dẫn em đi xem nghen anh.

Sự mát dịu của thân bình vợ, cái êm ái của giọng nũng-nịu kia lại xóa ngay được nỗi lòng băn-khoăn vừa mới tỉnh thức nơi trí Nguyên.

Chàng vuốt tóc vợ, êm ái nói :

— Ừ, anh sẽ đưa em đi.

Dung đòi hỏi cốt để chồng hết châu mày, chớ không mục-dịch gì khác. Tuy thế, sẵn dịp nàng cũng đi sâu vào cuộc phiếm du sắp tới đó.

— Nghe nói suối Trị-An đẹp lắm, anh đưa em đi coi suối đó nghen.

— Ai bảo em ở đây có suối Trị-An?

— Ở dưới xứ em họ đồn như vậy.

Nguyên cười xòa :

— Họ nói bậy thôi. Ở xứ Đồng-Nai này không có suối nào là suối Trị-An cả. Trên thượng lưu sông Đồng-Nai có một cái thác nước gọi là hán Ông Sâm, tây kêu « chute de Trị-An ». Phàm hề dốt thì hay nói tiếng Tây, mà lại nói sai. Những người dốt không chịu kêu hán Ông Sâm như ta, lại kêu là suối Trị-An, tiếng « chute » là thác nước, nói sai đi thành suối.

— Vậy hả? Ừ thì thác, à quên hán Ông Sâm. Để rồi anh đưa em đi hán Ông-Sâm nghe anh.

— Anh cũng nhớ thác nước đó ăm, nhưng nó lại ở giữa rừng sâu. Đạo này vì thời cuộc, ta không thể lên đến đó được. (1)

— Uống quá, lấy chõng về Đồng-Nai mà lại không biết « suối Trị-An » thì họ sẽ bảo là nhà quê mất.

— Hừ, vài năm nữa, thái-bình trở lại thì vợ chồng ta sẽ đi chớ. Hồi trước anh đi trên ấy tuần lễ một, đi săn ấy mà. Anh nhớ nó lắm.

— Anh không nhớ em?

— Không nhớ mà xuống tới Tân-An để tìm em!

— Anh xuống dưới hồi nào đâu? Họp chàng là anh ở trên này ngoắt người ta lên thì có. Anh thấy hông, em thương

anh lắm nên anh không rước mà cũng lên.

— Không rước thì em biết đường đâu mà lên. Anh không rước thì em đã đi lạc vô « suối Trị-An » rồi còn gì!

Hai vợ chồng cười xòa. Nguyên nói :

— Để anh tả cảnh hán Ông Sâm cho em nghe đừng em khỏi bị họ chê là nhà quê. Sông Đồng-Nai chảy từ trên Đà-Lạt về tới đó là gặp đá chắn ngang đường đi.

« Đó là một dãy đá dài hàng trăm cây số, nên con sông không thể tránh đi quanh đi quẹo chỗ khác được, đành phải nhảy chồm lên đá mà đi xuống nữa.

« Đá đó là đá hán, nó hán con sông lại »

— Cửa ông Sâm đổ xuống dựng ngấn sông? Dung hỏi đùa

— Ông Sâm là ông quỷ gì, không ai biết cả. Nhưng đá đó là những ngón tay, những cái rễ mọc đi xa của dãy núi Trường-Sơn, núi này tới miền Nam Trung-Việt thì hết, nhưng rễ ăn mãi tới Nam-Việt ta.

— Núi có rễ, thế có lá và có trái không?

Nguyên không chịu thua vợ trong việc nói đùa :

— Có, núi có trái, nên người bắt mới gọi là quả núi, như quả cam, quả cà, nghĩa là trái của cái núi.

— Chịu thua ngài rồi đó.

— Bề ngang của dãy núi hán dài độ hai trăm thước. Nơi đó, con sông nhảy chồm lên, như anh đã nói, bọt nước

(1) Câu chuyện này xảy ra năm 1952 (Lời chú của tác-giả).

CÓ CHỒNG KHÔNG TÍNH TRÍ

trắng phau trào lên như mặt nước sôi, mới trông khúc sông người ta có ấn tượng là xem một thúng bông gòn bị ai xốc xáo. Đó, biết bao nhiêu đó là đủ nói dốc với người ta rồi.

— Nhưng thác nước nó làm thình mà nhảy chồm chồm à?

— À quên, thác đổ ào ào như sóng vỗ ở bãi biển vậy.

— Cũng tạm gọi là đủ đi. Anh nè, anh buồn gỗ mà có khai thác lâm sản không?

— Có chứ.

— Khai thác lâm-sản sao lại không dám lên rừng?

— Nhưng nhà khai-thác lâm-sản to không có lên rừng bao giờ cả. Có người già đời cũng chưa biết rừng ra sao. Anh nhờ đi săn mà biết, nhưng bây giờ thì không đi săn nữa được.

*
* *

— Kia chị giáo! Em ơi, có chị giáo Đạm lại chơi!

Dung đang ngồi trong buồn đàn len để đợi khách, nghe chồng kêu, buông tất cả chạy ra, bụng hơi hộp lăm. Nhưng vừa thấy mặt vợ giáo Đạm là nàng yên lòng ngay, mặt cả bối rối vì mặc cảm của « cô dâu... mới ».

Bà giáo Đạm mặt đầy đà mà lại lùn tịt. Gương mặt bà lộ ra một vẻ gì dễ thân-mật và quyến rũ đánh bạn lăm.

Dung tỏ ra bất thiệp được ngay!

— Anh Nguyễn vừa định đưa em đi thăm bạn hữu trong thành - phố là em

phát sốt rét ngay, nên đi chưa được, kể chị đến, thật là vợ chồng em lỗi quá.

Vợ giáo Đạm xía qua viên thuốc sống, nói:

— Hề gì, chỗ chị em mình ế mà; sốt rét làm sao?

— Nghe nói ớn ớn. Chắc trời trở mùa, chứ không lẽ mới về đã nhiễm phải rét Đồng-Nai.

— Hay là chị chói nước?

— Chối nước là làm sao chị?

— Chị uống nước Tân-An quen rồi, bây giờ uống nước Đồng-Nai khác đi, hai thứ nước đó nó chóng chói với nhau. . .

Nguyễn cười ngặt.

— Nước Tân-An nó đã tiêu đi hồi tám mươi đời vương nào rồi còn đâu để mà chói lại với nước Đồng-Nai.

Dung cũng nhận rằng lời vợ giáo Đạm có vẻ lang băm lăm, nhưng nàng không dám cãi, vả biết cãi cũng vô ích thôi.

Vợ giáo Đạm cũng cười.

— Anh nói ngang như vậy sao được. Sách vở người ta nói như vậy, mấy ông già bà cả cũng bảo thế thì mình cũng phải tin là thế chứ.

Rồi bà giáo ấy lại trở tài lang-băm thêm:

— Mà có gì khó, chị đào rễ ớt, sắc mà uống thì hết ngay, hiệu-nghiệm lăm.

Thấy vợ chồng bạn không hoan-nghinh tài thầy-thuốc của mình lăm, vợ giáo Đạm nhìn quanh quất rồi nói lảng sang chuyện khác:

— Hồi mới bước vào sân, tôi cứ ngỡ anh ở chái bên kia như hồi trước. Chỉ tám chỉ chỉ, tôi mới biết mà qua đây. Bên kia đi hướng xuống sông mát lắm, mà anh lại dời qua bên này, nghĩ cũng phải. . . Đói chỗ thử coi. . .

Nhưng lời sau này phát giác cho Dung biết một chuyện mới, đã xảy ra lúc trước : cái chái bên ấy là chỗ ở của Nguyễn và vợ cũ.

Trong lúc vợ giáo Đạm nói những điều đó, nàng liếc trộm chồng thấy Nguyễn châu mày, khó chịu. Đến bốn tiếng chót « Dời chỗ thử coi » thì mặt Nguyễn hầm hầm. Cơn tức giận chàng dần nảy giờ sắp bùng nổ ra giây phút nào đây không biết.

Sợ hãi, Dung cứu vãn tình thế.

— Chị cũng ở cùng tỉnh với anh hay là cách xa như vợ chồng em đây ?

— Chúng tôi ở cùng tỉnh mà cùng làng nữa.

— Làng xa hay gần chị ?

— Vợ chồng tôi ở Đồng-Môn.

— Đồng-Môn. . . Đồng-Nai, ngộ quá, xứ này toàn là đồng không mà thôi. Bộ ở đó môn nhiều lắm hở chị ?

Vợ giáo Đạm cười xòa :

— Không có cây môn nào hết. Tích đâu hồi xưa ế mà. Bây giờ lần lần kêu là Long-Thành, tên Đồng-Môn, là tiếng cũ, tôi quen miệng kêu vậy thôi.

Không-khí đã giãn ra được phần nào. Tuy thế Nguyễn cũng chưa tươi tỉnh lại được như cũ. Vợ giáo Đạm, thì dường như là không thêm biết gì bên ngoài cả,

gặp đâu nói đó, bất kể phản ứng của người nghe.

Giữa lúc ấy thì có khách vào, một người khách đàn ông lạ, đối với cả bà giáo Đạm nữa. Bà ta đứng lên, Dung rất mừng ngỡ là bà toan về. Không dè bà lại nói :

— Thôi để anh tiếp khách đàn ông ở đây, chị em mình xuống bếp nói chuyện chơi.

Ấy mới chết. Dung muốn nghe những điều bép xép của người đàn bà bất lịch-sự ấy, nhưng lại rất sợ chồng giận thấy nàng thân mật với bà ta. Dẫn nhau đi xuống bếp, chắc là Nguyễn không bằng lòng tí nào cả.

Dẫn xuống dưới ấy để mà nghe bà ta nói bậy bạ về những chuyện mà Nguyễn muốn giấu à !

Dung làm thinh, để xem chồng xử trí ra sao ; nàng nhìn Nguyễn và bất gặp mắt chồng đang tìm mắt nàng như để nhắc lại.

— Em nên coi chừng, xuống dưới ấy rồi liệu mà tổng cổ con mẹ ra, đừng cho mẹ nói nhiều.

Dung mừng lắm vì đã qua được một bước hết sức khó khăn. Hai người chào khách rồi mượn đường trong buồng đi ra sau bếp. Dung tự hỏi : « Chị giáo này cố ý hay vô tình mà đến vào lúc chị bếp đi chợ vắng và con Phên bận giặt giệm. Chưa tự đáp được là bà giáo đã nói tía-lia :

— Phải mà, có đàn bà trong nhà thì coi nó sạch sẽ, vui vẻ ra. Thật là khác xưa nhiều. Lóng trước, nó u-trẻ không thể tưởng-tượng được.

CÓ CHỒNG KHÔNG TÍNH TRÍ

Dung hơi sung sướng được ngợi khen, nhưng không khỏi thắc mắc về vẻ u-trẻ lúc trước. Nhà có tôi tớ, chắc hẳn là Nguyên phải đau khổ lắm nên mới bỏ nhà cửa hoang-phế như vậy. Nguyên đau khổ? Nguyên yêu « người đó » lắm à? Dung thật tình không nghe mình ghen, nhưng nàng vẫn lo Nàng biết « người đó » đẹp lắm, đẹp hơn nàng nhiều, nên nàng đã bị mặc cảm, nghe mình kém sút, nhỏ bé, không đáng kể. Nay người khách nhắc lại, khiến nỗi lo vừa quên được lại tỉnh thức, chồng nàng yêu nàng không? Chắc là có. Nhưng yêu nhiều hay ít? Chắc yêu ít thôi, vì nàng kém đẹp.

— Chắc chồng em đau khổ lắm. Dung nói lớn lên những ý nghĩ thầm của mình, để đáp lại bà giáo.

— Ừ, anh ấy đau khổ lắm, tội nghiệp.

— Chị à, nhiều lúc em tưởng tượng em chết, rồi em tự hỏi không biết anh ấy sẽ đau khổ vì cái chết của em bằng buồn rầu vì cái chết của chị hồi trước hay không?

Bà giáo Đạm nhìn Dung lâu lắm rồi, nói :

— Không, chị đừng có hiểu lầm. Anh ấy đau khổ vì chuyện khác, chứ không phải vì cái tang kia đâu. Tôi dám chắc anh yêu chị lắm. Hồi này, tôi trông mặt anh tươi tắn thì biết ngay anh đã được hạnh-phúc với chị, khác...khác xưa xa.

Bà giáo Đạm quan sát nhà bếp như bà mẹ chồng tương-lai đi coi nhà cô dâu sắp đi hỏi cho con bà, đoạn nói tiếp :

— Phải mà, chị đảm đang như vậy, chị lại hiền đức như vậy, anh toại

nguyện là phải. Tôi nói anh toại nguyện thì trúng hơn là anh được hạnh-phúc.

« Toại nguyện là hạnh-phúc tốt cùng. Và gương mặt của người toại nguyện nó tươi nở hoàn-toàn, chứ không chớm nở như mặt người sung sướng. Mặt anh ấy đã nở hết ra đó ».

Bà giáo được trớn, nói như vội nước phong-tên chảy, không gì ngăn cản được nữa.

— Ai thấy anh chưa mãn tang mà cưới vợ khác cũng chê cười, cho đến vợ chồng tôi tôi đây cũng thấy đó là trái. Nhưng nay nghĩ lại, anh có lý lắm. Anh cần một người an ủi anh. Người đó phải có nhiều đức tánh, mà nhất là phải hiền đức. Vợ chồng tôi cứ lo chị không đủ điều kiện thì tội nghiệp cho anh. Bữa nay gặp chị tôi thật vững bụng lắm. Thôi, hết cơn bỉ cực đến hồi thới lai vậy. Chị nè, người ta nói gì mặc người ta, chị cứ thương anh cho nhiều, lo săn sóc anh là tốt rồi. Anh không phải người ác đâu, trái lại, anh hơn đức không ai bằng. Anh là người rất đáng thương và rất đáng trọng. Nếu quả thật anh có lỡ làm điều gì thì chẳng qua là tại hoàn-cảnh thôi.

Bà giáo Đạm rất tiếc mà không nói thêm được nữa, Dung cũng rất tiếc mà hột nghe vì chị bếp đã về.

Bữa cơm trưa hôm đó, Nguyên hỏi vợ :

— Em nghĩ thế nào về chị giáo Đạm :

Dung cũng đã có những ý nghĩ rõ rệt về bà khách kỳ-dị ấy. Đó là một con người tốt bụng theo lối Việt-Nam ta, nhưng lại mắc phải cái chứng trống trải,

hở hênh của con người thiếu giáo-dục.
Dầu sao, cũng là người tốt.

Nhưng ngại chổng bắt bình nàng đáp :

— Mới nói chuyện qua loa buổi đầu, em chưa biết rõ. Nhưng quả chị ta bép xép lắm như anh đã nói.

— Xuống bếp, chị ấy nói gì lâu dữ vậy ?

— Chỉ chưa kịp nói gì thì chị Năm đã vô, rồi chúng em bận bịu về nồi cơm trạch cá thì đã từa.

Nguyễn thở ra khoan-khoái, như vừa trút được một mối lo.

— Con người gì kém lịch-sự đến thế là cùng.

— Nhưng sao lại là bạn anh ?

— Ờ... Tuy thế, hai vợ chồng tốt bụng lắm, nên anh mến. Để em xem. Rồi chỉ sẽ đi đồn, khen em chỗ này, rồi chê em chỗ nọ cho mà coi.

— Chắc chỉ chê em xấu.

— Chỉ không dám chê thế đâu. Chỉ thì như bà chằn ấy mà còn chê ai. Nhưng chắc chằn chỉ sẽ chê em .. đen.

Dung cười híp con mắt lại nói :

— Em đen thật, bị em là dân Tân-An, chớ phải được dân Đồng-Nai nước ngọt sao mà trắng.

Nguyễn cũng cười :

— Đen, nhưng mà đen duyên đó.

— Em chắc ở đây có nhiều người chê anh lẩn.

— Chê chỗ nào :

— Xứ nào cũng có năm bảy cô gái lơ thời, và hầu hết đang.

Tìm nơi chết vợ, sẵn sàng qui mộ.

« Anh mà đi cưới vợ nơi khác, khiến họ thất vọng, họ oán anh lắm. Họ chỉ mong anh cưới vợ xấu để mà chê thôi. Và bây giờ điều mong mỏi của họ đã được thực-hiện, họ mặc sức mà... »

Hai vợ chồng ăn cơm từ lâu, uống cũng vừa xong chén nước. Họ vừa đi vào trong vừa nói nói với nhau những điều đó.

«... mặc sức mà chê cười ». Nguyễn tiếp lời vợ, rồi cười mỉa-mai. Giây lâu chàng nói như nói một mình.

— Họ ngốc lắm mới chê như vậy. Ấy mình cũng đã ngốc một lần rồi và đã bị trừng phạt một cách đau đớn vì chỗ ngốc ấy.

Nguyễn mặt buồn dầu dầu, nằm xuống giường, gác tay lên trán mà thở ra. Dung luôn luôn kính nể sự im lặng của chồng và bây giờ hơn bao giờ hết, nàng rần rần im, nín lặng, để mặc chồng xuôi theo những ý nghĩ đau buồn gì mà nàng không không được biết. Lâu lắm, nàng mới dăm dăm mình qua nằm nghiêng, rồi đặt cánh tay lên ngực chồng.

Nguyễn như giật mình, sức nhớ lại vợ. Chàng vuốt tóc Dung mà vẫn không nhìn nàng. Dung dạn lần ra, thở thê hởi :

— Mình ơ, mình à, hình như thuở giờ mình chưa được hạnh phúc lần nào phải không mình ?

Nguyễn bấy giờ mới nhìn vợ trần trối, ngạc nhiên mà thấy Dung biết được tâm-tình chàng. Giây lâu chàng mới nói :

— Không. Anh không bao giờ được hạnh-phúc cả.

Dung níu chồng, nói trong nước mắt :

CÓ CHỒNG KHÔNG TÍNH TRÍ

— Minh sẽ được hạnh-phúc, em thề quyết gây hạnh-phúc cho mình.

Nguyên ôm ghì lấy vợ, rồi chàng cũng khóc như đàn bà hay như trẻ con cũng thế.

Lần đầu tiên trong đời chàng, Nguyên thấy mình được thương yêu, chàng bắt đầu yêu con người đã ăn nằm với chàng từ mấy tháng nay. Đôi bạn như tan biến ra rồi nhập lại với nhau thành một, xác thịt lẫn tâm-hồn Lâu lắm, Nguyên mới thôi khóc, nựng vợ mà rằng :

— Anh cưới em vì anh đoán biết em sẽ dịu hiền, sẽ thương yêu anh dầu nó có sao đi nữa. Tánh linh anh không lầm. Nhưng mãi đến hôm nay anh mới vững bụng về em.

— Em vụng về lắm, không biết mơn trớn anh như những cô khôn khéo. Em lại như lạc hướng trong nhà này, nên lắm khi em lỡ tay lỡ lời khiến anh buồn thêm nhưng em quyết tập cho khéo léo hơn, khéo miệng và khéo tay để anh vui sống được với em.

Đêm hôm đó là đêm tân hôn thật sự của hai vợ chồng già, lấy nhau từ mấy tháng nay rồi, mà đêm nay mới thật sự cùng nhau chơi với trong nguồn ân ái.

Sau đó, Nguyên ngã lăn ra mà ngủ say như bất kì người chờ g nào.

Dung không nhắm mắt được. Nàng đang có tâm trạng ẽ chề của phần đông đàn bà cảm thấy mình bị bỏ rơi sau phút sinh lý của bọn đàn ông ích-kĩ, tất cả cái vắng lặng của đêm khuya, như đi lên họ thấy nhỏ nhoi lạc lõng giữa cuộc đời vừa ngỡ

tìm thấy được bạn đường lại hóa ra cô độc một mình, cô độc gấp mười hồi con gái. Nhưng Dung ngủ không được cũng vì một lẽ khác nữa trái hẳn với lẽ trên. Nàng đã sung sướng. Lần đầu tiên, kể từ ngày cưới, nàng mới thấy rõ là chồng nàng yêu nàng, đời nàng có lẽ sống, và nàng có lẽ sống hơn là nàng sẽ nỗ lực để gây lại hạnh phúc cho chồng. Dung ngồi dậy, vặn đèn lên rồi nhìn chồng. Trong giấc ngủ, mặt Nguyên dịu lại, không còn mang dấu vết hung tợn nào cả. Mặt chàng hơi ngậy tho, ồ, mà không, nói ngậy ngô thì đúng hơn. Dung nhìn gương mặt một hồi rồi đâm ra sợ hãi cái vẻ ngậy ngô và lơ lơ, lảo lảo đó nhắc nàng nhớ đến câu chuyện do con Phèn kể : Nguyên đã bị vợ trước bắt hồn đến điên lên. Đây là gương mặt của một người không được tính trí lắm. Nguyên đã thật khôi tráng bỉnh ấy chẳng ? Một đêm nào đó, chàng sẽ phát điên trở lại, vì vợ trước muốn mượn tay chàng để giết nàng chẳng ?

Nghĩ đến đó, Dung hoảng quá, nhào lăn đại vào mình chồng như để cầu cứu. Thật là mỉa mai, ai đời cầu cứu lại đi cầu cứu chính ngay kẻ mình đang nghi sợ. Nguyên giật mình thức dậy, ngỡ vợ mình trở mình, ôm lấy nàng vừa dỗ vừa ru như ru em.

Nhưng chỉ mười giây sau lại ngáy như sấm.

NGUYỄN-NGU-Í

(Khi người chết có mặt)

BÁCH KHOA CXIX

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUYỄN-NGU-Í**

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình?

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

XX

*** TƯỜNG-HÙNG**

Họ Nguyễn.

Sanh ngày 4-9-1931 tại Hà-Nội.

Cộng tác với : giải phẩm « Văn hóa Ngày nay » (1958), giải phẩm « Tân-phong » (1959).

Đã xuất bản : Gió mát (truyện ngắn, 196)

Hiện du học về Kiến trúc và Điện ảnh La-Mã.

Rome 16-11-1961

Thân gửi anh Ngu-Í,

Cách đây ít lâu tôi nhận được bài phỏng vấn của Bách-Khoa về quan-

niệm sáng-tác do chị Vinh gửi. Và tôi thấy bài đó có đề ngày 10-5 61. Tuy bây giờ đã là tháng 11, tôi cũng trả lời anh và mong anh thứ lỗi cho [...]

Viết để làm gì ?

Thỉnh thoảng tôi tò mò muốn thấy rõ thể giới bên trong của tôi, và tôi yêu lạc vào trong đó ít lâu. Viết đối với tôi giản dị như ăn, gặp một người bạn hay nhìn một làn gió. Vì vậy tôi không đặt « viết để làm gì » thành vấn đề.

Cũng có thể tôi viết để tìm một người bạn. Anh ta kể cho tôi, làm cho tôi nhớ những điều thầm kín, những cái mà không ai kể cho ai nghe thấy cả. Một vài khi tôi thoáng thấy một vài sự thoát khỏi đời sống của tôi, một giọng nói lạ như ánh sáng của một vì sao.

Đó là một quan niệm hoàn toàn chủ quan. Tôi không có ý viết cho ngày nay hay ngày mai. Có một điều tôi dám chắc là lúc nào tôi cũng thành thực, muốn tìm một cái gì bền vững hơn là cái an hưởng nhất thời.

Đường lối sáng tác.

Tôi viết theo bốn lối.

Cách thứ nhất *tùy hứng*. Do một mùi thơm, một câu hát, do một số rã nỉ ở nhật. Nhưng chắc chắn không phải khi tôi buồn nản. Cũng có khi tôi tự tạo hứng bằng cách thay đổi lối sống cho thân thể, hành hạ nó hoặc cho nó thực sung sướng.

Cách thứ hai là lối của Nhật-Linh, *định nhân vật cho rõ rồi để họ sống với nhau*, không cần định trước câu truyện sẽ kết thúc ra sao.

Cách thứ ba là coi viết truyện như *một bài toán*. Thí dụ tôi muốn viết về sự độc ác bao giờ cũng được sung sướng, thì tôi phải tìm nhân vật, khung cảnh, chi tiết và cốt truyện làm sao cho nổi rõ ràng điều tôi muốn. Tôi xây dựng rất nhiều trên giấy, làm lý lịch cho các nhân vật, nói chuyện với họ. Khi đã rõ ràng thì truyện đã xong được 90%, chỉ còn viết ra giấy.

Còn cách thứ tư thì hơi rắc rối và mất thì giờ, tôi *chọn vai người trong đời thực*, có một vài điểm về nhân cách và thân thể giống nhân vật tôi muốn cho vào truyện. Tôi họp họ lại, cho họ một quá khứ; tôi nói rất nhiều gần như thôi mền họ, để cho họ hoàn toàn nhểm cái quá khứ đó. Tôi giảng cho họ rõ sự liên lạc tình cảm giữa họ, ai yêu ai, ai ghét ai chẳng hạn, và tôi bắt đầu cho họ sống với nhau. Như vậy tôi có một truyện gần thực, một phim ảnh, tôi ghi các việc xảy ra và viết lại cho thành truyện.

NGUYỄN-TƯỜNG-HÙNG



PHẠM-VIỆT-TUYỀN

Sanh ngày 15-8-1926 tại Thanh-Hóa (Trung-Việt).

Giáo sư Trung-học, làm thư, viết văn, làm báo.

Chủ nhiệm nhật báo « Tự-do », giám đốc « Cơ sở báo chí và xuất bản Tự do », hội viên hội Liên lạc Văn-hóa Á-Châu, tổng thư ký nhóm Bất Việt.

Đã xuất bản : Nghệ thuật viết văn (1952), Phá lao lung, (thơ, 1956)
 Mấy vấn đề văn hóa (1958).

Anh vốn đã đoan công kia việc nọ, lại còn ma g cái nghiệp báo hằng ngày, nên gặp anh để mà hỏi han thư thả là một điều khó. Cho nên tôi đã lợi dụng một buổi họp của ban Thường vụ hội But Việt kết thúc sớm hơn thường lệ mà phỏng vấn tác giả « Phá lao lung ».

Tên tập thơ anh đã nói khá nhiều về quan niệm sáng tác của anh. Nhưng tôi cũng cứ hỏi :

— Vì sao anh thơ thần với nàng Thơ ?

Anh đắm chiều nhìn bức tranh vẽ các bô lão mua hoa xuân cạnh hồ Hoàn-Kiểm, nét mặt bỗng trở nên khắc khổ, cái khắc khổ nửa như của nhà tu sĩ, nửa như của người chiến sĩ.

Anh mím môi lại, mảy hơi cau :

— Tôi làm thơ là vì thích thơ. Tôi thích thi ca từ hồi còn nhỏ : vỡ lòng thì học những sách chữ Hán có vần có điệu như « Tam tự kinh », « Ấu học ngũ ngôn thi »... Lớn lên thì có những lúc ngây ngất nghe các câu ca dao vang dội giữa đồng quê bát ngát, có những lúc hồi hộp dự các buổi hát đối, hát chèo vào dịp lễ dịp Tết, có những lúc cùng bạn học cùng niên ngâm nga các bài về yêu nước trong khi đi du ngoạn cảnh thiên nhiên sau những thời kỳ học tập thơ văn của Pháp, từ Villon, Ronsard cho đến Valéry, Mallarmé và thưởng thức những thơ văn Tây phương (phần lớn là qua các bản dịch Pháp văn) từ Illade, qua Géorgiques, đến Byron, đến Heine... cùng

những thơ văn Trung-Hoa dịch ra tiếng ta do các thế hệ tiền bối. Ấy là chưa kể những khoảng thời gian mê Tân-Đà, say Thế - Lữ, Lưu-Trọng-Lưu, Xuân-Điệu, thương mến Hàn-Mạc-Tử...

— Cho nên mực đen mới làm tôi tình giấy trắng ?

Anh hơi cười, tiếp :

— Bao giờ trong tôi, có cái gì uất ức, rồi bị dồn ép đến nước phải tuôn ra, là tôi sáng tác... Cần sáng tác lúc ấy, để được giải thoát tâm trí mình.

— Anh cho biết anh bắt đầu « Phá lao lung » lối nào ?

Anh ngẫm nghĩ một chút :

— Lối 1945. Tôi nghĩ rằng người ta làm thơ làm văn, dù hay hay dở, cũng thường bởi hai lý do chính : do cảm hứng cá nhân thôi thúc đến nỗi không sáng tác thì không thể chịu được, hoặc do nhu cầu xã-hội đòi hỏi khi người ta, ngoài hứng thú cá nhân, còn có ý thức đối với xã hội. Hi vọng nhiều, làm thơ. Khắc khoải nhiều, làm văn. Đó là tìm cách ghi lại một tâm trạng, về sau biến thành kỷ niệm. Hoặc là giải đáp một nhu cầu, không những riêng cho mình, mà còn cho cả xã hội hay ít ra là một phần xã hội. Có khi viết là để vượt từ cõi đời thực bắt như ý đến một cõi đời mộng hằng mơ tưởng, có khi viết là để lấy những hình thức, những nét thực, nhưng mẫu thực ở trong đời để sáng tạo thành cả một thế giới riêng.

CUỘC PHÒNG-VĂN VĂN-NGHỆ...

một thế giới đầy bí mật mà khách bàng quan vô tình khó lòng đạt tới.

— Vậy hầu là anh đan diu với nàng Thơ vào thời kì kháng chiến ?

Anh gật đầu.

— Lúc ấy tôi tuổi còn ít quá mà phải làm một việc quá lớn : hồi 1947-49 tôi phải chịu trách nhiệm một trường và một đoàn thể đông đến bốn ngàn người. . .

— Bốn ngàn người ! Một đoàn thể chánh trị trong thời kháng chiến ?

— Một đoàn thể văn hóa xã hội.

— Thế thì anh mệt lắm.

— Một nhọc không thể tưởng được. Bây giờ, hồi tưởng lại thời ấy, tôi không hiểu sao mình đủ sức để gánh trách nhiệm kia trong mấy năm trời. Cả tuần, có bốn phần đi công tác đó đây, chiều thứ bảy, về trụ sở, thân thể rã rời, thần trí mỗi mê, chưa kịp ngả lưng để nghỉ, thì lại phải giải quyết cái này, sắp xếp cái kia, góp ý kiến cái nọ. Được thanh thản các đêm khuya thì bao điều nghe thấy, cảm xúc lúc đi công tác lại bao vây lấy mình, dần vạt mình.

— Thế là anh xãng tay áo, « phá lao lung ».

Anh gật đầu, nhấp một miếng nước trà.

— « Phá lao lung » chỉ là một ít những gì tôi sáng tác trong thời gian ấy.

— Và chắc bài thơ anh thích nhất, anh đã làm trong lúc ấy.

— Anh nói đúng. Tặc rằng bài thơ dài ba trăm câu ấy đã bị thất lạc. . . tuy rằng đã ghi lại trên một tờ bích báo.

— Anh còn nhớ nhan đề ?

— Tôi quên mất.

— Nhưng đại khái, anh. . .

— Tôi nói lên nỗi đau khổ và niềm hi vọng của loài người.

— Vậy, theo anh, anh làm thơ để cho anh trước, rồi để cho thiên hạ sau ?

—

— Tôi muốn nói : cho anh trước, vì trong anh, dồn dập bao điều, anh giữ chúng để « một mình mình biết một mình mình hay » thì anh đau khổ như bị giam cầm, tra tấn ; anh cần tung ngực tù ra, để giải thoát cho mình. . . Nhưng những nỗi uất ức, căm hờn, đau khổ ấy chúng lớn hơn cái đau khổ, căm hờn, uất ức của cá nhân anh. Nói theo Nguyễn-Du, « mà trong lẽ « ấy » có người có ta ».

Anh nhìn tôi, im lặng như đồng tình. Rồi anh nhìn chiếc đồng hồ tay.

Biết đến lúc phải trả lại. . . tự do cho anh, tôi đứng lên trước. Sau lưng tôi, có lẽ mấy bông hoa xuân mua cũng chưa rồi.

NGUYỄN-NGU-Í viết lại



✱ BÙI-KHÁNH-ĐẢN

Sinh năm 1913 tại làng Lại-Trì, tỉnh Thái-Bình (Bắc-Việt).

Học trường Công-Chánh Hà-Nội (1930).

NGUYỄN-NGU-Í phụ-trách

Đã cộng-tác với: Ngộ báo (1936) giai-phẩm Văn-Hóa ngày nay, (1958) giai-phẩm Tân-Phong (1959), Văn-Hóa nguyệt-san, Mai, Bách-Khoa.

Đã xuất-bản (in rônêô) : Đường thi trích dịch (1959, cùng hợp-tác với Đỗ-Bằng-Đoàn).

Hiện làm thầu khoán.

1 — Anh làm thơ từ lúc nào ?

Tôi làm thơ từ hồi còn nhỏ, trong những buổi hầu trà thầy tôi. Nhưng có thể gọi như thế là làm thơ không, khi một đứa bé được nhồi sọ bằng ba thi-văn và những luật bằng trắc để với các đề-tài khô khan cố đặt đủ tám câu cho thành một bài vô tội. Vô tội đối với tôi lúc bấy giờ đã có nghĩa là hay rồi, vì nếu không được lời khen thì ít ra cũng không phải mắng hoặc phải đòn. Thơ thất niêm thất luật thì nghe giáo huấn, ăn cũng đầu, mà ý tưởng không ngay chính thì lập tức có roi. Trận đòn thấm thía ngày nay tôi còn nhớ là do bài thơ « Cái-Mặt-Nạ » mà thầy tôi ra cho nhân buổi phượng-chèo về huyện hát mừng ông bổ-chánh ở tỉnh xuống thanh tra. Tôi không hiểu sao thầy tôi lại ra cho cái đề-tài quái ác thế ngoài nguyên do đem trước anh kếp phượng-chèo hai lần đánh rơi mặt-nạ để mọi người cười ồ. Bài ấy như sau :

*Khen kẻ vô công khéo vẽ mày
Cũng mồm cũng mũi chẳng chân tay
Một khuôn mặt lợn cười không biết
Hai lỗ tai trâu chửi kẻ thầy
Biến kẻ tôi trung thành đứa nịnh
Thay tên có tội hóa người ngay
Cái đời trà trộn mong manh lắm
Khéo rách rồi ra chỗ nó ray*

Tôi phải đòn thực đáng lắm. Tuy lúc đánh, thầy tôi chỉ mắng là hỗn lao mà không cắt nghĩa tại sao, nhưng trong thâm tâm tôi cũng phải nhận là thơ rất có tội vì khi viết tôi đã bị hình bóng béo mập của ông bổ-chánh ám ảnh hoài.

Sau này từ trường ra đời, có nhiều bè bạn bị tù tội vì viết lãng nhưng, rồi những Ngục-trung-ký-sự, Chiêu-hồn-nước, Hải-ngoại-huyết-thư, v v... càng làm cho tôi thấy những bài thơ « vô-tội » tuy nó không hay về thi-văn nhưng nó đã hay về nhiều phương-diện khác.

2. — Tại sao anh lại chọn thể thơ Đường là thể thơ bó buộc nhất ?

Tôi cho là thi-luật của đời Đường đã đạt tới cái mức tinh-vi hòa hợp từ-ngữ của các dân-tộc có tiến nói đơn-âm (monosyllabique). Bằng chứng là 12 thế-kỷ nay ngữ-vi ta vẫn theo một cách thú-vị sự thiên-nhiên đào-thải qua 1.200 năm đã nói nhiều về giá-trị thể thơ đó. Cứ đọc một bài thơ Đường-luật (Hán hoặc Việt) nếu có chữ bằng trắc nào sai thì tự khắc người nghe đã thấy cái gì chướng hay tắc, nghĩa là cái gì phản lại sự hòa hợp âm thanh. Thơ có lẽ cũng như nhạc, những luật hòa hợp nói trên mà người xưa đã tìm ra chắc đã đạt đến chỗ buộnlý đối với thiên-nhiên, với người, chúng ta ngày nay có muốn thay đổi cũng khó khăn. Nhạc-sĩ có thể làm nhiều bản nhạc khác nhau mà vẫn phải trọng nhạc-luật

(Trong phim Symphonie inachevée, nhạc sĩ Schubert đã lúng túng vì một nốt nhạc, mãi sau tìm thấy mới được ông thầy đứng ngoài cửa gật đầu).

Khi người xưa nói : Vương Dương Lư Lạc đương thời thể, bất phể giang hà vạn cổ lưu, không phải là đã có ý gán cho 4 nhà thơ Đường này cái công đặt ra thi-luật, nhưng chỉ bảo là họ đã tìm ra cái lẽ hòa hợp bằng trắc trong thơ để « cùng với nước sông trôi tồn tại đến muôn đời ». Vì yêu thơ có văn nên tôi đã phải nghĩ nhiều về câu nói của Rudyard Kipling trả lời Arthur Gordon (một nhà báo Mỹ) khi ông này đề cập đến giá-trị Thơ của thi-hào Eliot (tên thật là Mary Ann Evans) :

— Vraiment ? s'écria-t-il, alors citez m'en quelques vers.

Je (Arthur Gordon) demeurai bouche bée et il (Kipling) se prit à rire :

— Vous voyez, me dit-il. C'est toujours ce qui arrive avec les vers qui n'ont pas de rimes...

(— Thật ư ? ông nói. Vậy anh hãy đọc cho nghe vài đoạn.

Tôi (Arthur Gordon) ngồi há hốc mồm ra và ông (Kipling) mới phá lên cười :

— Thấy không, ông nói. Với thứ thơ không vần thì bao giờ chẳng thế...)

Thì ra những thứ thơ không vần điệu dù có hay mấy, có nổi tiếng mấy đi nữa cũng vẫn khó mà ai nhớ được. Trái lại như quyển Kiều của ta thì khắp chợ đến quê, đàn bà con trẻ ai cũng có thể thuộc lòng dăm ba đoạn. Ấy là không nói đến thơ của bà huyện Thanh-Quan,

bà Xuân Hương, cụ thượng Trú, cụ Chu Mạnh-Trình, ông Tú-Xương, ông Tản-Đà v. v., người Việt-Nam ai mà không có một đôi bài ngay đầu lưỡi. Thơ muốn truyền cảm tất phải nhập vào người đọc như một sở-hữu để khi cao hứng có thể thốt ra một cách tự nhiên, chứ nếu gặp cảnh đẹp tình nồng muốn đọc một câu thơ hay lại phải trở về dờ sách thì thơ đâu còn gì là thiên-chức.

3. — Có khi nào anh làm thơ lối khác chăng ? Nếu có, xin anh cho một bài.

Có thể nói là tôi không làm lối khác trừ dăm ba bài trường đoản như bài thơ dài « Trường-Sơn-hành » đã đăng trong tuần báo Văn-Đàn. Những bài này cũng vẫn theo luật bằng trắc ít nhiều và giữ văn cẩn thận. Tôi không có cái tham vọng biết làm nhiều lối thơ trong khi tự xét một lối Thất-ngôn luật mình chưa hay hẳn.

4. — Anh có hài lòng với anh trong việc bắt nàng Thơ mặc áo chật chội đời Đường ?

Anh nói bắt nàng Thơ mặc áo chật chội đời Đường thì khỉ quá. Thật ra nếu có phải mặc thì tôi muốn nàng Thơ được mặc áo cắt may kỹ càng cẩn thận hơn là tự do khoác bừa những mảnh vải lên người. Phải có những việc tỉ mỉ đo áo, cắt áo, may áo và phải khó khăn trong việc theo những điều kiện thẩm-mỹ thì mới có nghệ-thuật, mới có những Dior, Fouque chứ. Trong bài điểm sách Đường-thi trích-dịch, anh Nguyễn-Hiến-Lê đã chẳng dẫn chứng một câu của Gide : « Nghệ-thuật sống là nhờ bó buộc » ư.

5.— Anh cho biết anh làm thơ để làm chi ?

Câu hỏi của anh thật khó trả lời. Muốn cho thực thà tôi nói là không biết để làm chi. Tôi một nỗi lòng, phát biểu một ý kiến, ghi một tâm trạng ? Không biết có phải thế không. Có điều mỗi khi viết xong một bài vừa ý chỉ tất nhiên thấy thích thú và như người ta nói, để... biết đâu trong đám đông sẽ có một tâm-hồn cùng ta rung cảm...

6.— Anh có kinh-nghiệm gì trong nghiệp thơ ? Anh làm thơ có khó không ? Đề tài anh do nội tâm hay ngoại cảnh, hay cảnh ngộ ?

Anh gọi là cái nghiệp thơ thì thật đúng. Từ lúc tuổi còn thơ, học lớp năm, tôi đã thuộc lòng và sụt sùi với truyện Bạch-Viên Tôn-Các. Lớn lên, những sách báo giữ gìn sưu tập không ngoài các thi phẩm. Tôi ưa những loại thơ có chứa chất một hồn thơ, rung cảm nhẹ nhàng người đọc như những câu :

... Phận bạc hẹn hò người chín tuổi,
Duyên may duyên dúi khách ba sinh.
Dưới hoa nép mặt gương lồng bóng,
Ngàn liễu giơng cương sóng gợn tình.
(Chu-Mạnh-Trinh)

mà tôi gọi là thơ hay hơn những thơ tiểu-xảo, quá thiên về kỹ-thuật, như câu :

... Một bộ áo tào coi cũng hổ.
Ba gian nhà khách chạm thì long
(Nguyễn-Khuyên)

mà tôi cho chỉ là thơ tài.

Đã có chân - cảm thì làm thơ cũng không mấy khó, nguyên cái chân - cảm

đã giúp được nửa bài thơ cho kẻ làm thơ.

Đề-tài những bài thơ của tôi có lẽ do cả ba thứ mà anh hỏi. Tôi không tin rằng ba phần này lại có thể riêng biệt để tạo nên đề-tài, hay nói một cách khác, bài thơ lại có thể thiếu một phần nào về nội-tâm, ngoại cảnh hay cảnh-ngộ.

7 — Tại sao anh biên soạn Đường-thi trích-dịch ? Anh đã gặp những khó khăn, những ngại gì trong công việc dài hơi ấy ? và chừng nào nó mới mang lối in như thiên hạ ?

Tôi với anh Đỗ-Bằng-Đoàn hợp soạn cuốn Đường-thi trích-dịch trong những trường hợp thật ngẫu nhiên. Ngay còn ở Hà-ội, anh Đỗ thường ở chơi nhà tôi và mỗi khi thấy một chuyện « thế sự thăng trầm » nào thì cả hai người chỉ biết chưa chát mà ngâm lại những bài thơ Đường của những tác-giả cùng tâm-sự. Một lần bàn đến chuyện dịch ra thơ quốc-âm thì cả hai đều đồng ý. Thế là chúng tôi khởi sự tìm hỏi và sưu tập. Có gần 600 bài thơ dịch trong tập Đường-thi trích-dịch, nhưng chúng tôi đã phải tìm đến hàng ngàn bài và đồng thời mỗi bài cũng phải dịch đi dịch lại đến 4, 5 lần. Những khó khăn về điển nghĩa, về sách vở và cả về vật chất (kinh-phí) thật quá nhiều. Làm xong Xuân-tập, ngấm lại con đường cũ chúng tôi mới thấy là táo bạo. Vì lẽ ngoài những khó khăn công phu kể trên lại còn phải cố hiểu ý tác-giả trong nguyên-tác. Việc này buổi đầu chúng tôi hơi nhẹ phần quan-trọng, cứ tưởng có đủ và đúng nghĩa là đúng ý. Về

CUỘC PHÒNG-VẦN VĂN-NGHỆ...

sau mới rõ cách dụng chữ để hàm-súc tứ thơ một cách oái oăm của các thi-gia, không dễ gì cứ hiểu nghĩa chữ mà đã biết ngay được. Ngày nay đọc lại tập sách, một phần nhờ thi-hữu chỉ giáo nhưng phần lớn vì cố nghiên ngẫm tìm hiểu mới sáng được nhiều ý trong thơ để sau hết vừa thấy thú vị vừa thấy ghê sợ cho sự liễu lĩnh của mình khi khởi dịch. Việc tìm tòi này đã có nhiều kết-quả, tôi hi-vọng trong bài hồi-ký-tự phê-bình sẽ ghi lại được đầy đủ. Trong khi chờ đợi, tôi kể một vài thí-dụ ngắn để anh biết qua những cái lăm lăm ấy.

Bài Thiên-Thai (1) của Tào-Đường, câu thơ đầu đã thấy cách đặt kỳ lạ : Thụ nhập Thiên-Thai thạch lộ tân. Mà không đặt xuôi là : Lộ nhập Thiên-Thai thạch thụ tân. Chúng tôi đã giản-dị hiểu là : Cây vào Thiên-Thai đá (núi) và đường mới mở (lạ lùng) Bây giờ mới bắt dụng ý của tác-giả đặt « Thụ nhập » mà không « Lộ nhập » là có ý nêu lên sự quan trọng của lớp rừ g cây mệnh mông, còn lối vào thì nhỏ bé.

Thứ đến câu (cũng bài ấy) :

Yến hà bất tỉnh sinh tiền sự

Thủy mộc không nghi mộng hậu thân

Mà chúng tôi hiểu lầm là :

(Nhìn) khói và ráng không nhớ việc đã qua.

(Thấy) suối và cây lại ngờ giấc mộng thân sau.

Nhưng sự thực thì không có gì là nhìn là thấy, mà cũng không phải là mình (tác-giả) nhớ hay ngờ. Câu thơ đã tả một

cảnh vĩ-dại không có thời-gian và không có cả không-gian : Chính mây (ráng) và khói không bao giờ nhớ có chuyện trước, còn cây (rừng) và nước (suối khe) cũng không cần ngờ có thân sau. Như thế mới rõ được ý thơ tiên của tác-giả.

Một ví-dụ nữa như câu (trong bài Bán-túy của Liễu-Tôn-Nguyên) :

Tráng tâm ám trục cao ca tận

Vãng sự không thành bán túy lai.

Ở đây xin để một dấu ngoặc cảm ơn bạn Giản-Chi đã chỉ cho biết *Vãng sự không thành* là việc xuôi, không hẳn là việc không thành. Nhưng hiểu được « vãng sự » câu thơ vẫn còn bí hiểm. Nếu theo nghĩa đen thì :

Lòng mạnh (chí hùng) ngăm theo điệu cao ca (mà) hết và

Việc cũ đã thành xuôi khi đỡ say lại đến.

Hiểu như thế thực quá tầm thường và có khi còn phản ý tác-giả. Đến nay sau khi giác ngộ chúng tôi mới rõ :

— Khi dứt tiếng cao ca (cao ca tận) thì thấy chí hùng nổi lên hay ngăm theo ngay (tráng tâm ám trục).

— Đến lúc đỡ say (bán túy lai) sẽ thấy nhiều việc trước mình cho là quan trọng đã thành xuôi không có nghĩa gì (vãng sự không thành).

Bản dịch văn cũ ghi :

Chí xua hận gửi lời ca đẹp,

Chuyện lỡ buồn vào chén rượu vui.

nay phải đổi là.

Chí hùng bừng dậy khi thôi hát,

Chuyện cũ thành xuôi lúc đỡ say...

Đại để nhiều bài như thế, mỗi khi tìm hiểu được tôi thấy thích thú như đã có nhận đầy đủ phần thưởng trong sự gian lao.

Đến nay công việc sửa chữa như trên đã gần xong, vấn đề in không còn trở ngại ngoài sự tính toán sao cho độc giả được mua rẻ một cuốn sách có đôi chút giá-trị, dù tác-giả có bị thiệt thòi.

8 — Có bài thơ nào anh thích nhất không ? Nếu có, xin anh cho biết bài ấy và xin anh nói vì sao ?

Tôi chắc câu hỏi này sẽ làm lúng túng cho hầu hết các người làm thơ vì khó có ai biết đích bài thơ nào mình thích nhất. Thảng hoặc được một vài bài mình ưa (tương đối ra chưa chắc đã có giá-trị hơn nhau) thì khi phải chọn lấy một bài thôi tất nhiên cũng ngại ngần không quyết định. Chiều ý anh tôi cũng xin đan cử bài « **THIỆU MỘT LỜI** » dưới đây. Bài này ghi cảm tưởng một lần anh N.L đến thăm tôi. Gặp nhau anh đã trầm lặng không nói trong khi đáng lẽ chúng tôi phải nói thuật nhiều. Sau tuần trà vẫn vơ, lâu lâu mới có đôi câu về mưa nắng, sức khỏe, rồi anh bận ra về mà tôi cũng không giữ. Sự lặng lẽ ấy đã làm cho chúng tôi càng nghĩ sâu về chuyện định nói và nhân sự « đối diện đàm tâm » này đã khiến tôi ghi lại cái « không có gì cả » của một chút tình ý mơ hồ.

Thiếu một lời

Chiều nào hiu quạnh đến thăm tôi

Anh đã quên không nói một lời

Tám hướng dần buông vào tịch mịch

Hai lòng vẫn ngả ở xa xôi

Mắt theo dĩ-vãng mơ hồ hiện

Tai lắng thời-gian thánh thót rơi

Tất cả chìm sâu, sâu xuống mãi

Vì anh chỉ thiếu một lời thôi.

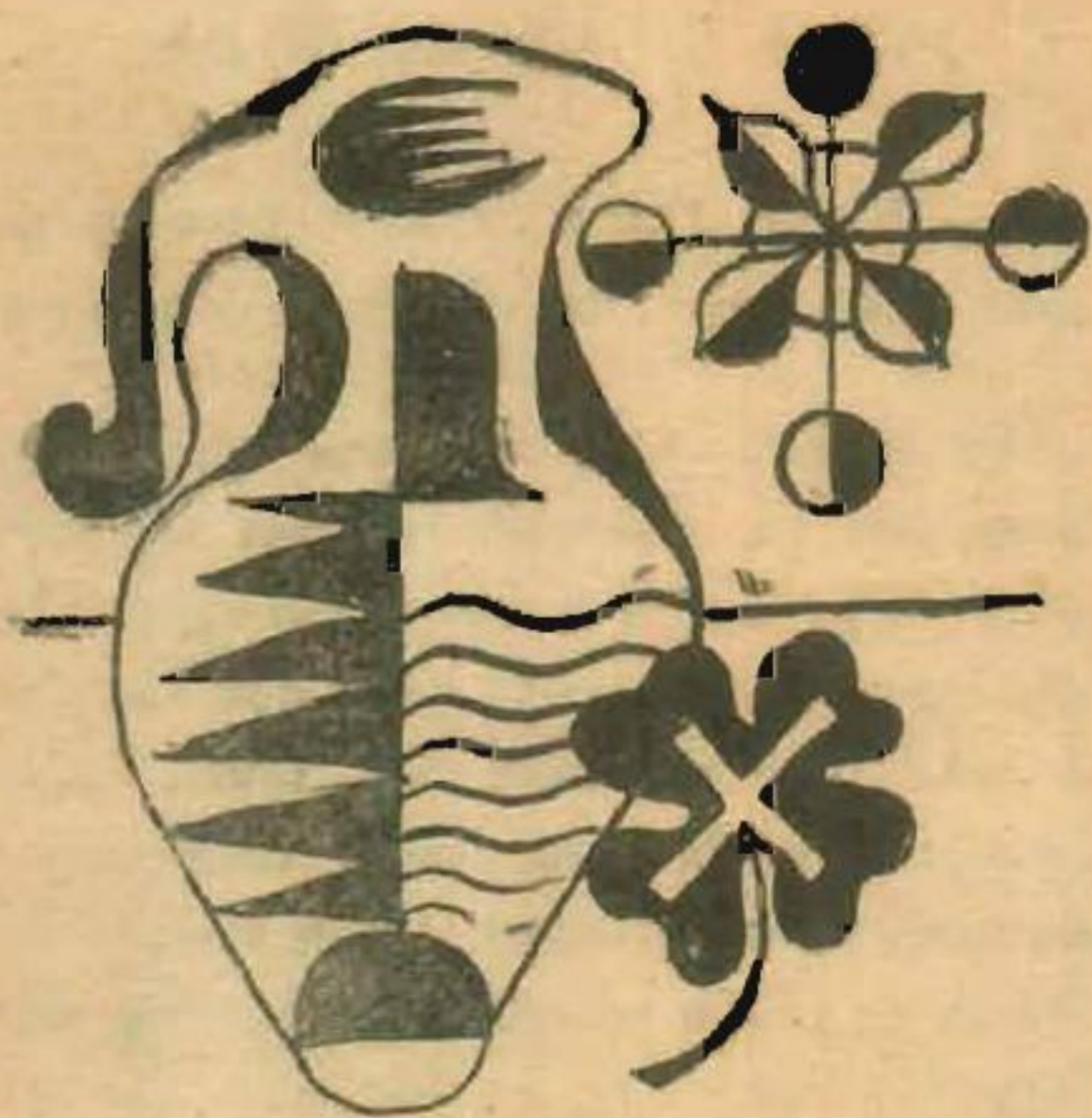
9 — Nghề thầu có ảnh hưởng gì đến việc làm thơ của anh không ?

Về ý kiến này từ trước tôi không quan tâm gì, đến nay anh hỏi tôi mới để ý nhận xét. Tôi bước vào nghề thầu xây dựng vì một cuốn sách đọc khi còn ở nhà trường, cuốn *La source vive* (truyện này đã được quay thành phim do Gary Cooper đóng). Cuốn sách tả cái thú vị và nhiệm vụ cao đẹp của công việc kiến trúc. Giờ đây, sau bao năm lăn lộn với nghề, tôi đã thấy lý tưởng trong sách và thực tế khác xa nhau như trắng với đen. Nhưng biết sao, vì sinh kế và cũng vì đã quá lâu năm không còn là lúc thay đổi nên tôi đã coi công việc đó như một định-mệnh an bài. Dù thế nào thì sự khô khan vật chất của nghề kiến-trúc đã là sức mạnh cho cái bàn đạp tương phản để tôi sống với tâm tình và cũng để tôi dễ dàng kéo một cuộc đời trong hai thân thể.

10 — Sao lại không có câu thứ 10 ? Và câu này để tôi chắt vấn lại anh :

Anh hỏi gì mà hỏi lăm thế ?

BÙI - KHÁNH - ĐẢN.



SINH-HOẠT

Hội nhà văn Việt-Nam

Từ lâu, nhà báo có hội. Ký giả, và anh chị em sống dưới ánh đèn sân khấu có hội Nghệ sĩ để tương trợ nhau và bình vực quyền lợi cho nhau.

Chỉ có nhà văn là chưa có một hội... nhà văn. Tuy các hội Bút Việt, Liên lạc Văn hóa Á-Châu, Bảo vệ Văn hóa Tự do... đã hoạt động mấy năm nay và đã qui tụ một số nhà văn, nhưng các hội vừa kể — như tên đã nói rõ — chỉ nhắm một con đường văn hóa riêng biệt nào đó, chứ không để ý đến con nhà văn : đời sống hoặc sứ mạng của

họ, như « Société des Gens de lettres » ở Pháp, chẳng hạn.

Nhận thấy điểm thiếu sót, đó ông Đào-Đặng-Vỹ cùng vài nhà văn có ý định vận động trong giới anh chị em cầm bút để đi tới việc thành lập một hội nhà văn.

Độ hai chục nhà văn đã gặp nhau tại Câu lạc bộ Văn hóa ngày 5 tháng 10 vừa rồi. Người tổ chức cuộc gặp gỡ này — ông Đào-Đặng-Vỹ — cố ý mời các nhà cầm bút thế hệ trước và thế hệ này, đại diện các nhóm văn nghệ hiện hữu, người trong ngành văn, ngành thơ,

ngành kịch, ngành biên khảo, ngành dịch thuật..., và có đủ Bắc, Trung, Nam.

Mở đầu cuộc họp đầu tiên này, ông Đào-Đăng-Vỹ tỏ ý phân nàn anh chị em đã sống và hoạt động riêng rẽ, rời rạc nên thiếu tình tương thân, thiếu nghĩa đoàn kết, thành tiếng nói của con nhà văn chưa có sức nặng trong phạm vi quốc gia cũng như quốc tế. Đã đến lúc những người đồng tình, đồng chí, và đồng một « nghiệp » kết thành một khối.

Mục đích của hội là :

— gây tình đoàn kết, tương thân, tương trợ giữa các nhà văn,

— bình vực quyền lợi nghề nghiệp của nhà văn về vật chất cũng như về tinh thần,

— nâng cao uy tín và sự mạng nghề văn bằng cách khuyến khích và giúp đỡ nhau trau dồi kiến thức, trao đổi kinh nghiệm, phát triển tài năng và đạo đức,

— thực hiện mọi công tác đóng góp vào việc phát triển văn hóa Việt-Nam,

— liên lạc với các nhóm và tổ chức văn nghệ sĩ trong và ngoài nước.

Cuộc bàn cãi sau đó khá sôi nổi.

Tình trạng các hội văn hóa được nhắc đến. Thường chỉ được nghe tên lúc mới thành lập, rồi thì im hơi lặng tiếng, và những khi cần để tiếp đón, để đưa kiến nghị, người ta mới biết các hội ấy vẫn còn ! Liệu hội nhà văn rồi có theo vết xe trước và sự có mặt của nó có quả là cần thiết chăng, hoạt động của nó có trùng với các hội văn-hóa đã ra đời ? và làm sao cho nó khỏi sống kiếp lửa rơm !

Rồi đến tên hội.

Hội nhà văn Tự do ?

Hội nhà văn Việt-Nam ?

Tên sau được đa số chấp nhận.

Việc thảo điều lệ được giao cho các ông : Huỳnh-Khắc-Dụng, Đào-Đăng-Vỹ, Lam-Sơn và Thái-Văn-Kiểm.

Ngày 14 tháng 11, có buổi họp lần thứ nhì để duyệt qua bản dự thảo điều lệ ; ông Phạm-Đình-Khiêm được ủy nhiệm xét lại bản dự thảo điều lệ vừa được sửa chữa.

Và ngày 5 tháng 12, là buổi họp thứ ba để sửa chữa bản điều lệ lần chót và bầu ban chấp hành lâm thời để xấp tiến việc xin phép thành lập hội.

Theo điều 14 thì ban chấp hành gồm có :

— 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch, một tổng thư ký, 1 phó tổng thư ký, 1 thủ quỹ, 1 phó thủ quỹ, 2 ủy viên kiểm soát, 3 cố vấn, 6 trưởng ban (ban thu nhận hội viên, ban nghiên cứu và sưu tầm tài liệu, ban trước tác, ban dịch thuật, ban ấn loát, xuất bản, phát hành, ban tài chánh. . .).

Tất cả 18 nhân viên, nhưng ban Chấp hành lâm thời chỉ có 5 người, và các ông sau đây được hội nghị bầu :

Đông-Hồ : chủ tịch

Vi-Huyền-Đắc, Huỳnh-Khắc-Dụng : phó chủ tịch

Đào-Đăng-Vỹ : tổng thư ký

Thái-Văn-Kiểm : thủ quỹ.

Tân-Fong-Hiệp

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Bách-Khoa đã nhận được :

- Lang ; Đêm mưa ; hai đứa ; về dĩ vãng (Vũ-Lê-Văn) — thơ em (Trần-Hiền-An) — Bóng người cổ quận (Bùi-Giang) — Mưa tàn đêm (Phong-Trần Hàn-Vị-Nguyệt) — Nguồn yêu chưa trọn (Tinh-Quang) — Nhan sắc (Nhật-Lan) — Bảy giờ ; Đường đêm (Đan-Huỳnh) — Hồn ; Rừng phong (Thanh-Lan) — Tình buồn ; Độc thoại ; Đêm cuối cùng (Hàn-Song-Tâm) — Vãn (Hoàng-Thu) — Nhạc vàng ; Đáp từ (Thiên-Sa) — Mai này về đi em (Huỳnh-Thanh-Tòng) — Thao thức ; Sông bến Hải (Lâm-Lan) — Tiếng Lòng (Lê-văn-Phương) — Trưa ; Đêm xuân ; Đẹp xưa (Nguy-Trần-Thương) — Chiều hoang ; sầu mưa ; với đêm (Hàn-Song-Tâm) — Chiều thôn em (Thường-Lang) — Lạnh lòng ; Tiếc mộng ; Dưới trăng (Mạc-Thái-Thái-Thu) — Những người đã chết ; Vào thu ; Diệu buồn (Uông) — Không cần : Quê quật ; Bỏ-sát (Xuân-Dưỡng) — Còn đôi tay vương nhận tình người ; Hạnh phúc sau cùng (Nguyễn-Phan-Thịnh) — Vào Thăng Long ; Bài ru con ; Thượng Du (Vũ-Uyên-Diệu) — Tòa khâm sứ (Bửu-Kế) — Bàn về vài sắc thái của văn chương chữ Hán đời nhà Lý (Hà-Ngũ-Miền) — Kể lể (Nguyễn-văn-Hàm) — Vài thắc mắc sau khi đọc bài « vài ý nghĩ về cú pháp của ông Nguyễn-Hiến-Lê (Châu-Hải-Kỳ và Hoàng-Trọng-Châu) — luồng gió lạnh (Quanh-Cảnh) — Bảo tồn thiên nhiên tại Việt-Nam (Ngô-Cường) — Những vì sao lạc (Thanh-Lan) — Tàu bị trễ (Đặng-Phụng) — Con đường buồn lậu vào Cuba (Vũ-Phụng-Hoàng).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn.
Tất cả những bài trên đây nếu

bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho Đa tạ.

- **Ô. Trịnh-Quang-Phú** *Dieu est né en exil* có bán ở Thư quán Xuân-Thu, 185 đường Tự-Do. Sài-Gòn (đ. t. 20.051). *Volontés d'existence, L'Annam qui naît, De la démocratie dans la société traditionnelle Vietnamienne*, xuất bản khá lâu, chúng tôi cũng không thấy bán ở các hiệu sách. Vậy ông có thể liên lạc thẳng với tác-giả :

— Ô. Cung-Giữ-Nguyên, hiệu-trưởng trường bán-công Lê-Quý-Đôn, Nha-Trang.

— Ô. Đào - Đăng - Vỹ, hiệu-trưởng tư-thực Minh-Hưng 383-đường Phan-Thanh-Giản. Sài-Gòn.

— Ô. Nguyễn-Đăng-Thục, khoa-trưởng Đại-học Văn-Khoa. Sài-Gòn.

- **Ô. Trịnh-Thiên-Tứ** (Nha-Trang). Đã nhận được các bài ông gửi về. Cảm ông ơn lắm. Xin ông cho trước các hình liên quan đến những bài về Đại-dương.

- **Ô. Trần-Phước-Mỹ** (Kiến-Hoà). Xin ông cứ gửi đến nơi khác.



SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Khoi nguồn** Thơ của Huỳnh-Thanh-Tòng, do tác giả gửi tặng. Sách dày 43 trang giá 25đ.
- **Vương-Miền Mai-A** Thơ Thế Phong, Đại-Nam Văn-Hiến xuất-bản, do tác giả gửi tặng. Sách in ronéo dày 23 trang, gồm 25 trang, gồm 25 bài thơ, giá 30đ.
- **Nỗi buồn của anh** Thơ Thế-Viên, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 53 trang gồm 31 bài thơ, giá 30đ.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH
VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG
Assurance Franco Asiatique
Assurances Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÚY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »
DESCOURS ET CABAUD
Bảo-Hiểm

1-3-5 *Bến Chương-Dương — Saigon*
 Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23736

ACCIDENTS — INCENDIE
 Tai-nạn Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
 Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE
LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
 HONGKONG TANANARIVE-TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ
 MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU



HERMES

LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siền — Téléphone : 20.821 — SAIGON



LA-VE

“33”

HẢO HẠNG



Cigarettes
VIRGINIE

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Sog :
160, Phan-Đinh-Phùng — Saigon
Đáy nói: 25.539

In tại nhà in VĂN HÒA
412-414, Trần Hưng Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$